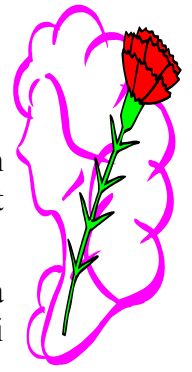


Lá Thư Tòa soạn



Kính thưa quý độc giả, Vu Lan về như nhắc nhở người ta nhớ về cội nguồn: cội nguồn huyết thống và cội nguồn tâm linh. Cội nguồn huyết thống là tưởng niệm đến công ơn sanh thành dưỡng dục sâu nặng của các đấng tổ tiên ông bà cha mẹ. Cội nguồn tâm linh là nhớ đến công ơn giáo dưỡng nuôi lớn pháp thân huệ mạng của các bậc Thầy Tổ và chư thiện hữu tri thức. Đó là hai cội nguồn công ơn lớn lao nhứt trong cuộc đời mà thiết nghĩ, làm người ai cũng phải nhớ đến. Tổ Qui Sơn cũng có nói: “Sanh ra thân ta là nhờ công ơn cha mẹ và làm nên thân ta là nhờ công ơn Thầy bạn”.

Bất luận thời đại nào, dù xưa hay nay, “Hiếu Đạo” vẫn là nền tảng đạo đức căn bản của con người. Một xã hội mà thiếu đạo đức nhân bản tất nhiên, xã hội đó không sớm thì muộn sẽ đưa đến tình trạng bất an đảo lộn và sa đọa. Hiện tượng nhiễu nhương rối loạn bất an này hiện đã và đang xảy ra hằng ngày trên thế giới. Điều đó đủ chứng minh rằng, đạo đức nhân bản của con người đang trên đà bị tuột dốc thê thảm. Đời sống con người luôn bị đe dọa, lo âu sợ hãi bởi do thiếu gốc rễ đạo đức này mà ra. Con người càng nghiêng nặng về hưởng hưởng thụ vật chất nhiều chừng nào, thì hướng đạo đức tâm linh sẽ bị sút giảm nhiều chừng nấy. Đời sống mất thế quân bình giữa vật chất và tinh thần, thì đó là hậu quả đem lại sự bất an nguy hại cho xã hội.

Xã hội loài người hiện nay mọi sinh hoạt của con người đang tiến về hướng toàn cầu hóa. Những giá trị tâm linh và đạo đức trong gia sản văn hóa nhơn loại cần phải được suy nghiệm giáo định đúng mức để lấy đó làm một tiêu chuẩn đạo đức chung cho nhơn loại. Giá trị đạo đức tâm linh nào cũng phải lấy con người làm tiêu đích xây dựng. Bởi con người là nhân tố quan trọng trong việc xây dựng định hướng xã hội. Theo đạo Phật, thì giá trị đạo đức tâm linh từ ngàn xưa đến nay, vẫn lấy “Hiếu Đạo” làm nhân tố đạo đức căn bản của con người. Mất đi nhân tố căn bản này thì không thể nào tạo nên một xã hội an bình hạnh phúc được.

Vu Lan là mốc thời gian để cho mỗi người suy nghiệm quán chiếu thật sâu sắc ở nơi chính mình và tha nhân. Suy nghiệm để chuyển hóa, để xây dựng tạo nên thế cách quân bình làm thăng hoa phẩm chất đạo đức cho đời sống. Có chuyển hóa và xây dựng đạo đức đặt trên mẫu số chung tình

người như thế, thì mới mong bản thân, gia đình và xã hội an bình tốt đẹp.

Tri ân và báo ân đó là gốc rễ của đạo làm người. Sự có mặt và tồn tại của con người là nhờ công ơn tất cả. Cuộc sống là mối quan hệ trong sự tương quan tương duyên chằng chịt. Vì thế, Phật dạy, người Phật tử phải nhớ ơn và báo ơn đối với sự sống của muôn loài. Không có sự sống nào có thể tách ra khỏi sự sống của những thứ khác mà tồn tại. Môi trường cũng là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho sự sống. Vì vậy, ta cần phải bảo vệ. Nếu không, thì trái đất này sẽ bị hoại diệt nhanh chóng. Hiện tượng thiên tai khắp nơi đó là những báo động cảnh giác để cho con người phải mau ý thức mà kịp thời chạy chữa. Nếu con người muốn không vắng bóng trên hành tinh này, thì mỗi người phải tự ý thức để bảo vệ môi sinh. Các nhà địa chất học, các nhà môi sinh học và các nhà khoa học thiên văn đã báo động cảnh giác cho chúng ta biết như thế.

Khởi đi từ ý niệm thiết thiết căn bản đó, bao mùa Vu Lan qua, đặc san Phước Huệ vẫn luôn chuyển tải nội dung những bài viết mang tính chất xây dựng, nhằm phát huy “Hiếu Đạo”, nêu cao phẩm chất đạo đức trong ý hướng xây dựng con người và xã hội. Đó là chủ trương hướng tiến lập trường cố hữu của đặc san Phước Huệ từ trước tới nay và mãi sau này cũng thế. Với tinh thần xây dựng và hướng tiến đặt nền trên căn bản đạo đức đó, chúng tôi thiết tha mong mọi kêu gọi quý độc giả tích cực tham gia viết bài để cho tờ báo mỗi ngày mỗi khởi sắc hơn. Đó cũng là một món quà quý giá mà quý vị đã khích lệ cho Ban Biên Tập chúng tôi có thêm tinh thần phục vụ. Tờ báo được sống còn là nhờ sự hỗ trợ đóng góp tích cực của chư Tôn Đức Tăng Ni và quý ân nhân đồng hương Phật tử.

Nhân mùa Vu Lan – Báo Hiếu Phật lịch 2556, Dương lịch 2012, chúng tôi trân kính gọi đến chư Tôn Đức Tăng Ni và quý độc giả lời chân thành biết ân sâu xa của chúng tôi và nhân đây, chúng tôi cũng xin kính chúc chư tôn liệt vị một mùa Vu Lan tràn đầy hỷ lạc an bình trong khung trời chánh pháp của đức Như lai.

Ban Biên Tập



THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH ĐẠI LỄ VU LAN PHẬT LỊCH 2556

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi : Chư Tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni,
Cùng quý đồng hương Phật tử,

Mùa Vu Lan 2556 lại đến, người con Phật nói riêng, hàng hiếu tử nói chung, không ai không nghĩ nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của đấng song đường. Không những tưởng niệm người quá vãng mà với cha mẹ hiện tiền, những gì tốt đẹp nhất đều vì cha mẹ mà dâng hiến.

Lời huấn thị của đức Thế tôn về Vu Lan thắng hội, tấm gương chí hiếu của Tôn giả Mục Kiền Liên qua pháp hạnh Vu Lan đã để lại cho chúng sanh, cho nhơn loại một bài học sống về hiếu đạo. Dù cuộc sống có bận rộn, khó khăn nhưng đến mùa Vu Lan hàng hiếu tử vẫn không quên tinh thần Vu Lan báo hiếu.

Tinh thần Vu Lan báo hiếu được thấm nhuần trong lòng dân tộc Việt Nam ta qua câu ca dao: Tháng sáu mua nhãn bán trâm – Tháng bảy ngày rằm vọng hội Vu Lan.

Theo tinh thần đại thừa, chữ Hiếu không phải chỉ thể hiện sự hiếu thuận đối với cha mẹ, đối với lục thân quyến thuộc, mà đối với tất cả chúng sanh đều phải có lòng hiếu thuận. Do đó, mỗi hành vi, lời nói, ý nghĩ làm tổn hại tha nhơn, tổn hại các loài đều nên cố tránh. Đây chính là mục đích cứu cánh của tinh thần Vu Lan báo hiếu, tinh thần Cứu đảo huyền, tinh thần giải tỏa nỗi khổ đau của nhơn loại, của chúng sanh.

Kính mong toàn thể hướng về mùa Vu Lan thù thắng.

Trong giờ phút trang nghiêm cử hành đại lễ Vu Lan, toàn thể pháp chúng dành một phút, thành kính tưởng niệm đức Tông trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học phái Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại Sư.

Kính nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni, quý đồng hương Phật tử thân tâm thường an lạc.

Trân trọng – Trân trọng,

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Tông trưởng

Sa môn Thích Phước Bổn.

Vài suy nghĩ về ngày Vu Lan



Tịnh Đức

Vu Lan, đối với tôi nó là một chủ đề quá rộng lớn. Bởi nó nói lên tất cả những gì sâu sắc và rộng rãi bao la trong tình yêu thương. Vu Lan như là một chất keo nối kết lại với nhau trong tình người muôn thuở. Bởi con người vốn đã mang nặng ân sâu giữa hai cội nguồn huyết thống và tâm linh. Cội nguồn huyết thống là hướng về quá khứ để tìm lại bóng dáng của các bậc tiền nhân, mà gần nhất là ông bà cha mẹ của chúng ta. Đó là những bậc đã dày công tạo dựng trong sự sinh thành giáo dưỡng về thể xác. Nói rộng ra, là những vị đã tạo cho chúng ta có một cuộc sống tương đối an ổn. Vì thế, trong đạo Phật thường nhắc nhở khuyên bảo người ta phải hằng nhớ đến bốn ân sâu nặng: Ân đất nước của một quốc gia mà ta đang sinh sống, ân các đấng sanh thành tổ tiên ông bà cha mẹ, ân các bậc Thầy Tổ và những thiện hữu tri thức, ân xã hội nói rộng ra là ân tất cả chúng sanh.

*Ân chúng sanh hằng tâm ghi nhớ
Ân nước nhà cũng chớ có quên
Ân Thầy, ân Tổ đáp đền
Ân cha, ân mẹ trọn nên thân người.*

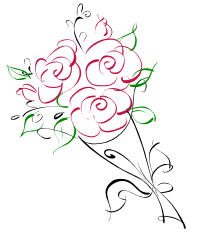
Đối với tứ trọng ân này làm sao ta có thể trả nổi. Ân nào cũng quá sâu nặng. Nội một ân thôi, ta còn không thể nào đền đáp cho hết được, nói chi đến bốn ân. Thường khi nói đến cụm từ “Vu Lan báo hiếu” là người ta nghĩ ngay đến ân tổ tiên ông bà cha mẹ. Bởi đó là cội nguồn huyết thống trực tiếp với chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta bình tâm suy niệm sâu sắc hơn thì, chúng ta thấy tri ân và báo ân như thế cũng chưa đủ. Bởi tổ tiên ông bà cha mẹ của chúng ta cũng cần có sự sống. Mà sự sống thì đâu phải chỉ có một. Nếu không có đất, nước, rừng cây, sông núi,

ánh sáng mặt trời, không khí, áng mây v.v...nói chung, những thứ liên quan giúp cho ta có được sống còn thì không thể kể hết. Trong đạo Phật gọi những thứ này là nhân duyên. Nhân duyên hay duyên khởi là một thứ giáo lý căn bản xây dựng tạo nên sự sống. Vạn hữu vũ trụ đều hình thành trong mối liên hệ chằng chịt tương duyên với nhau. Không thể có một vật gì độc lập mà có thể tồn tại được.

Chính vì dựa trên lý thuyết nhân duyên này, nên trong kinh thường nói: "Một là tất cả, tất cả là một". Nói theo lý “Tương tức” “Tương nhập” trong kinh Hoa Nghiêm thì, cả vạn hữu vũ trụ ở trong một hạt bụi và một hạt bụi chứa đựng tất cả vạn hữu. Kinh Duy Ma Cật đã nêu rõ về yếu lý này. Như vậy, tổ tiên không ngoài ta và ta cũng không ngoài tổ tiên ta. Điều này thiết nghĩ, không có gì khó hiểu. Thí dụ, bạn gieo hạt bắp xuống đất, khi hạt bắp hội đủ điều kiện để sinh thành cây bắp. Bấy giờ bạn không còn thấy hạt bắp nữa. Tuy bạn không thấy được hạt bắp, nhưng hạt bắp đang tiềm tàng trong cây bắp. Nếu như không có hạt bắp thì làm gì có cây bắp? Như vậy, không thấy hạt bắp, bạn tưởng là hạt bắp đã bị mất hẳn đi, nhưng kỳ thật thì hạt bắp nào có mất đi đâu. Vì thế, nhìn sâu sắc hơn, bạn sẽ thấy cây bắp là mang tất cả những gì hạt bắp đã có. Nhìn vào cây bắp là ta biết được hạt bắp không mất. Tuy hạt bắp không mất, nhưng nó đã thay hình đổi dạng trở thành cây bắp rồi. Chúng ta đâu có khờ khạo đến nỗi là phải tìm cho được cái hạt bắp nguyên thủy khi gieo xuống đất. Cái nhìn đó, theo đạo Phật là chúng ta thiếu tuệ giác, vì chúng ta đang kẹt vào hữu tướng. Nếu nhìn sự vật dính kẹt vào hữu tướng thì làm sao bạn có thể thấy được cái vô tướng của sự vật?

Cũng thế, nhìn vào thân ta là ta biết có tất cả những tế bào của tổ tiên ông bà cha mẹ của ta. Hình hài ta đang mang đây là một tặng phẩm mà do ông bà cha mẹ của ta tặng cho ta. Vì vậy ta cần phải trân quý giữ gìn và không thể làm tổn thương đến ông bà cha mẹ ta. Bởi ta chẳng qua là một sự tiếp nối của tổ tiên ông bà cha mẹ của ta thôi. Ta phải gìn giữ cái truyền thống tốt đẹp này. Nếu ta gây ra có hại cho bản thân ta thì chính ta đã làm cho tổ tiên ông bà cha mẹ ta phải đau khổ. Bởi cây bắp sinh trưởng hình thành từ hạt bắp. Làm sao bạn có thể lấy những tế bào tổ tiên ông bà cha mẹ ra khỏi thân hình của bạn được? Cũng như bạn không thể nào lấy hạt bắp ra khỏi thân cây bắp. Nếu xây dựng bản thân ta tốt đẹp, ăn ở cư xử có đạo đức nhân luân tình người, tất nhiên là ta đã báo đáp thâm ân cho tổ tiên ông bà cha mẹ của ta rồi. Bởi chữ hiếu nó không phải là cái gì ở bên ngoài bạn mà chính nó đang tiềm tàng trong tâm thức của bạn. Bạn khéo biết tôn trọng bảo vệ sự sống cho bạn và muôn loài, như vậy là bạn đang trả hiếu rồi. Đó là hiếu với chúng sanh, nói cách khác phụng sự chúng sanh là bạn trả hiếu rất rộng lớn. Cái hiếu đó mới thật sự là cái hiếu mà chư Phật và Bồ Tát khuyến nhắc chúng ta cần phải thực hiện. Trong Kinh thường nói: “Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật”. Càng mở rộng không gian tâm thức thương người thương vật chừng nào, thì đời sống của bạn sẽ có nhiều hạnh phúc chừng nấy. Vì tâm hiếu là nói lên cái bản thể của tâm. Bản thể của tâm vốn là thanh tịnh trong sáng. Tâm hiếu là chúng ta sống sao cho phù hợp với Phật tâm. Đó là chúng ta đang hướng về Phật trí. Từ tâm thể thanh tịnh sáng suốt phát sanh diệu dụng làm lợi ích chúng sanh, đó là hạnh hiếu. Tâm và hạnh nói cách khác thể và dụng không rời nhau. Khi bạn có tâm hiếu tất nhiên là bạn sẽ hành động bằng những lời nói và việc làm có ý thức nhằm mang lại lợi lạc cho muôn loài. Trong Kinh Pháp Cú ở phẩm Song Yếu Phật dạy: “Nếu đem tâm thanh tịnh nói năng hoặc hành động thì sự vui sẽ kéo đến như bóng theo hình”. Ngược lại, nếu đem tâm nhiễm ô nói năng hoặc hành

động thì sự khổ cũng sẽ kéo đến như bánh xe lăn theo con vật kéo xe.



Vì thế, là Phật tử ngoài việc tri ân và báo ân trong phạm vi nhỏ hẹp đối với các đấng sanh thành dưỡng dục có ân sâu nặng với chúng ta ra, thiết nghĩ, chúng ta còn phải trải rộng tâm lòng tri ân và báo ân đối với tất cả muôn loài. Tại sao thế? Bởi vì sự sống của ta không thể tách rời sự sống của muôn loài. Ngược lại sự sống của muôn loài cũng chính là sự sống của ta. Làm sao bạn có thể tách rời mọi thứ ra mà bạn có thể sống còn được. Chỉ cần thiếu một điều kiện thôi là bạn cũng không thể tồn tại được rồi. Nếu như không có không khí thì thử hỏi bạn có thể sống được không? Dù rằng bạn còn hai lá phổi tốt và lỗ mũi cũng không bị hư. Tuy nhiên, chỉ cần thiếu không khí thì làm sao bạn có thể hít thở mà sống được? Do đó, ta có được sinh tồn là phải nhờ ơn tất cả.

Hiểu theo lý nhân duyên như thế, thì chúng ta thấy rằng mình làm khổ đau cho người cũng chính là mình làm khổ đau cho mình. Mình gây ra làm tổn hại đau thương những gì chung quanh mình thì chính mình đã tự gây ra làm đau khổ cho bản thân mình rồi. Vu Lan là gọi nhắc cho chúng ta nhớ lại nguồn sống. Một nguồn sống cần phải được bảo vệ trong ý hướng phục vụ không làm tổn hại đến muôn loài. Bảo vệ sự sống chính đó là cách trả hiếu hay nhứt của đạo làm người. Mình có hiếu với chính mình thì mình mới nghĩ đến cách trả hiếu cho tha nhân.

Trong ý hướng tri ân và báo ân đó, nhân mùa Vu Lan chúng ta sẽ làm gì để gọi là tri ân và báo ân. Theo chúng tôi, cách hay nhất của người Phật tử không gì hơn, đối với bản thân là chúng ta hành trì đúng theo lời Phật dạy qua năm nguyên lý đạo đức căn bản của người Phật tử.

Nguyên lý đạo đức thứ nhứt là chúng ta nên tôn trọng mạng sống của muôn loài. Nếu mình biết ham sống sợ chết, thì các loài khác

cũng biết ham sống sợ chết như mình. Vì thế, Phật dạy người Phật tử phải có lòng từ bi không nên sát hại sinh linh. Đó là phương cách tạo nên sự sống an bình và tất nhiên xã hội sẽ không còn cảnh chiến tranh đao binh khói lửa gây hấn tàn sát lẫn nhau. Nếu như cả nơon loại đều khéo biết gìn giữ sống đúng theo nguyên lý đạo đức này thì lo gì thiên hạ chẳng thái bình.

Nguyên lý đạo đức thứ hai, Phật dạy người Phật tử phải tôn trọng tài sản của mọi người. Mình biết bảo vệ tài sản của mình thì tại sao mình lại nhẫn tâm cướp đoạt chiếm hữu tài sản của kẻ khác? Khi tài sản của mình bị tổn thất thiệt hại thì mình cũng rất đau khổ. Đối với tài sản của người khác cũng thế. Khi tài sản của họ bị mất mát thì họ cũng rất đau khổ như mình. Nghĩ thế, mình không nên gây ra làm cho người khác phải đau khổ. Đó là chúng ta khéo biết tôn trọng lẽ công bằng. Nếu mọi người đều ý thức bảo vệ và tôn trọng như thế, thì đời sống đâu còn gì phải lo sợ bị trộm cắp cướp giựt nữa chớ. Đó là mọi người đồng tâm hiệp lực cùng nhau đóng góp kiến tạo một xã hội công bằng trong vấn đề bảo vệ tài sản.

Nguyên lý đạo đức thứ ba, Phật dạy người Phật tử không được xâm phạm làm tổn thương hạnh phúc cá nhân và gia đình của người khác. Nguyên lý đạo đức này nhằm bảo vệ hạnh phúc cá nhân và gia đình. Bởi tà hạnh là nguyên nhân gây ra sự đau khổ cho mình và người. Con người khác hơn loài cầm thú là con người nhờ có lương tâm và lương tri biết phân biệt phải trái và phẩm cách giá trị đạo đức làm người. Mình không muốn ai xúc phạm đến trinh tiết, thanh danh, lòng tự ái của bản thân mình, thì mình cũng không nên xúc phạm đến trinh tiết, thanh danh, lòng tự ái của người khác. Đó là chúng ta khéo biết tự trọng xây dựng đời sống hạnh phúc cho bản thân và gia đình.

Nguyên lý đạo đức thứ tư, Phật dạy người Phật tử phải biết tôn trọng sự thật. Sự lừa dối, chuyện có nói không, chuyện không nói

có, xảo trá điều ngoa gạt gẫm, thù dết, nguyên rủa mắng nhiếc làm đau khổ cho người, thì đó là điều mà người Phật tử không nên làm. Vì như thế sẽ gây tổn hại cho mình và người rất lớn. Niềm tin được xây dựng trên nền tảng đạo đức chân thật. Có nói lời chân thật thì con người mới tăng thêm uy tín và được mọi người tin tưởng. Trong khi giao tiếp hành xử, người Phật tử nên tương kính và dùng lời ái ngữ, ôn hòa nhã nhặn, xây dựng, đoàn kết, thương yêu, tạo cho mình và người có thêm nhiều an vui hạnh phúc.

Nguyên lý đạo đức thứ năm, Phật dạy người Phật tử không được nghiện ngập say sưa rượu chè, cờ bạc, hút sách v.v... những thứ có chất ma túy làm cho con người mất hết nơon cách làm người. Vì những thứ có chất ma túy, khi sử dụng quá độ nó làm cho con người không còn kiểm soát tự chủ được nữa. Từ đó gây ra lăm điều họa hại cho mình và người. Vì thỏa mãn theo dục tính cá nhân, không kèm chế được trong men say mà đã gây ra thiệt hại cho bản thân, gia đình và xã hội. Đây là một hiện tượng rất tai hại mà người Phật tử cần phải tránh. Một khi đã quá lậm vào con đường này rồi thì thật là khó bỏ. Tránh nhân thì không có quả.

Nói tóm lại, trong một xã hội mà ai cũng ý thức và giữ gìn năm nguyên lý đạo đức căn bản này, thì bảo đảm xã hội loài người chắc chắn là sẽ thái bình an lạc. Đó là giữ tròn nơon cách hiếu đạo của con người. Bởi hiếu đạo là đem lại nguồn hạnh phúc an lạc cho mình và người. Được thế, thì lúc nào đối với người Phật tử cũng thể hiện đạo hiếu cả. Đó là người Phật tử khéo biết xây dựng đạo hiếu trong tinh thần xây dựng tình người và tình đạo vậy.





Ấn tượng về Hòa Thượng Tông Trưởng thượng Phước hạ Huệ

trong tâm của một Phật tử chùa Quang Minh Melbourne

Những đóa hoa cuối cùng đã được trân trọng đặt chung quanh “Trú Xứ” của Hòa Thượng, cửa tháp đã gần như phong kín bởi những tràng hoa rực rỡ; tiếng niệm Phật nhỏ dần và hàng trăm bước chân cũng xa dần khi ánh chiều âm đạm buông xuống trên núi đồi Đại Tòng Lâm. Hòa Thượng đã vĩnh viễn ở lại nơi đây cùng rừng cây trầm mặc, cùng tiếng chim gọi bầy ríu rít lúc hoàng hôn.

Vĩnh biệt Hòa Thượng, chúng tôi trở lại thành phố, trở lại với gia đình và công việc. Mỗi người mang về cho riêng mình những kỷ niệm vui buồn cùng Hòa Thượng trên suốt chặng đường hoàng Pháp đã qua của Ngài.

Mùa hè xứ Úc đang đi qua, cây cỏ ven đường bắt đầu trở màu, những cánh đồng hoa cúc đại đọc lồi đi - từ Đại Tòng Lâm ra đến quốc lộ - chỉ còn lác đác vài đóa nở muộm, còn tất cả đã kết hạt, sẵn sàng rụng xuống cho mùa hoa năm tới như một tiếp diễn của thiên nhiên vô thường.

Hầu hết quý Phật tử trên xe đều yên lặng, đây đó có đôi người bắt đầu thì thầm với nhau về những kỷ niệm đã qua trên bước đường học Đạo dưới mái chùa Phước Huệ và Quang Minh cùng Hòa Thượng Tông Trưởng.

Ngồi cạnh tôi là một bác gái tuổi ngoài 80, dáng người nhỏ bé, phúc hậu với mái tóc

cắt ngắn, bạc trắng và ánh mượt như cước!
Tôi gọi chuyện:

- Bác biết Hòa Thượng từ lúc nào?
- Ủ, để coi... năm 1990, con bác bảo lãnh vợ chồng bác sang Úc, đến năm 1992 thì bác gặp Hòa Thượng tại chùa Quang Minh. Như vậy là cái duyên Thầy-trò, duyên Đạo Pháp của bác với Hòa Thượng có được đúng hai mươi năm rồi đó con!
- Vậy là bác ở Melbourne?
- Ủ, bác lên đây với đoàn Phật tử chùa Quang Minh. Chiều nay, ước nguyện tiễn đưa Hòa Thượng lần cuối của Bác đã được thực hiện!
- Trong hai mươi năm qua, bác có thường gặp Hòa Thượng không?
- -Không năm nào là không gặp! Bất cứ dịp nào Hòa Thượng xuống chùa Quang Minh là bác đều đến vãn an, cúng dường!
- Con có biết Hòa Thượng thích dùng loại trái cây nào không?
- Dạ thưa không!
- Đủ đủ con ạ! Bao giờ trước ngày Hòa Thượng xuống Melbourne, bác đều đi chợ, lựa đủ thật ngon, thật tươi, vừa chín tới, để hôm sau cúng dường Ngài.
- Bác quý Hòa Thượng quá!
- Không phải chỉ quý không đâu con! Với Hòa Thượng, bác mang nghĩa ân rất sâu nặng! Chính Hòa Thượng là người Thầy đầu tiên đưa bác vào Đạo Phật đấy con ạ! Ôn của Hòa Thượng bác không bao giờ quên được!

- Như vậy là bác đã quy y với Hòa Thượng?
- Phải, năm đó chùa Quang Minh đưa Phật tử lên chùa Phước Huệ ở Sydney tu học, bác và hai cô con gái cùng tham dự khóa tu, cùng quy y với Hòa Thượng. Từ đó về sau, ngoại trừ những lần Hòa Thượng xuống Melbourne, còn thì bất cứ lần nào có dịp lên Sydney, bác đều về chùa đánh lễ và cúng dường Hòa Thượng.
- Có cả đu đủ nữa chứ? (Tôi hỏi đùa)
- Có chứ con! Bao giờ bác cũng sai con cháu chở ra chợ Cabramatta mua đu đủ thật ngon, xong đâu đấy mới lên chùa!
- Bác chu đáo quá!
- Sao không chu đáo được con! Bác nhớ ơn cha mẹ vì công sinh thành dưỡng dục chứ bác đội ơn Hòa Thượng vì Ngài đã dẫn dắt bác vào Đạo! Mà đứng ra không phải Hòa Thượng đã chỉ dẫn dắt một mình bác mà là tất cả gia đình bác! Tất cả con cháu bác nữa kia!
- Nghĩa là sao thưa bác?
- Sáu đứa con bác đều quy y với Hòa Thượng, rồi tiếp theo là bảy cháu hơn mười đứa cũng quy y với Hòa Thượng! À, mà không! Tụi nó quy y với Thầy Phước Tấn nhưng Pháp danh cũng do Hòa Thượng đặt cho!
- Hiện nay các anh chị con bác vẫn sinh hoạt ở chùa Quang Minh?
- Có đứa này đứa kia con à! Con gái bác thích chùa chiền Kinh kệ hơn con trai! Nhưng lúc Hòa Thượng còn, đứa nào có dịp đi Sydney cũng đều ghé chùa Phước Huệ vẫn an và đánh lễ Ngài!
- Vậy bác trai thì sao ạ?
- Lúc sống, bác trai không quy y nhưng lúc chết, Hòa Thượng cũng làm lễ quy y và đặt Pháp danh luôn! Cả nhà bác mang ơn Hòa Thượng con à!
- Bác có kỷ niệm nào khó quên trong hai mươi năm học đạo với Hòa Thượng không ạ?
- Có chứ! Năm đó bác lên chùa Phước Huệ dự khóa tu; buổi sáng đang đứng cùng tất cả đại chúng trước sân chùa, Hòa Thượng thông thả đi quanh hỏi thăm từng người; đến phiên bác, sau vài lời trao đổi, Hòa Thượng hỏi bác: “Còn có mấy sợi tóc mà để làm gì nữa!”
- Sao tóc bác dày và đẹp thế này mà Hòa Thượng lại nói vậy?
- Không phải đâu con à! Bác hiểu ngay ý Hòa Thượng là khuyến khích bác nên xuống tóc, xuất gia, tiếc gì mấy cọng tóc cuối đời!
- À thì ra là vậy!
- Chứ sao! Hòa Thượng rất rộng lòng đối với người già! Cho dù có lớn tuổi mấy đi nữa, Ngài cũng đồng ý cho xuất gia!
- Sao lúc đó bác không xuất gia?
- Bác sợ mình không đủ sức con à!
- Còn bây giờ thì đủ sức chưa?
- Cũng chưa đâu con! Còn nhiều tham luyến quá! Bây giờ bác chỉ quyết tâm niệm Phật A-Di-Đà để về Tịnh Độ thôi!
- Bác không thích tái sinh sao?
- Tái sinh làm gì con!? Quý Thầy mới tái sinh để hướng dẫn chúng sanh vào Đạo chứ bác chỉ có một ước nguyện duy nhất là về Tịnh Độ thôi!
- Vậy bây giờ công việc của Hòa Thượng đã hoàn mãn, bác có điều gì “ám ức” không?
- Trời ơi, không ai hiểu hết lòng bác đâu con ạ! mấy đứa con của bác cũng vậy! Con biết không, như thông lệ hằng năm, sau Tết là Hòa Thượng về chùa Quang Minh; Tết vừa rồi, Bác cũng chuẩn bị ba trái đu đủ thật ngon, một thiệp chúc Tết do chính tay bác ghi vào đấy là : “Chúc mừng Hòa Thượng khỏe mạnh và trường thọ!” với một chút tịnh tài để cúng dường Hòa Thượng. Ai ngờ đúng ngày bác chuẩn bị lên chùa để gặp mặt Hòa Thượng thì lại hay tin Hòa Thượng không còn nữa! Buồn lắm con ơi!
- (Vừa nói, bác vừa đưa tay ngăn dòng nước mắt chực trào ra)
- Thôi bác à, Hòa Thượng như vậy là thọ lắm rồi!
- Thì bác cũng biết vậy nhưng mình là con người trần tục mà con! Cũng phải

- thương tiếc, luyện nhớ chứ làm sao tránh được! Bác chỉ buồn là không được đeo một mảnh tang cho Hòa Thượng!
- Thì mình để tang trong lòng là được rồi bác?
 - Không, bác vẫn thích được mang trên áo tràng mảnh vải tang ít nhất là trong vòng ba tháng con à!
 - Nói vậy chứ con chắc là bác sẽ nghĩ đến Hòa Thượng suốt đời chứ chẳng phải ba tháng!
 - Ừ thì là vậy!
 - Vậy bây giờ không còn Hòa Thượng nữa, bác có còn thích lên chùa Phước Huệ, Sydney nữa không?
 - Không còn Hòa Thượng nhưng vẫn còn quý Thầy, quý Sư cô. Ở Hòa Thượng bác trả chưa xong, bác muốn trả tiếp cho quý Thầy và quý Sư cô trong bất cứ cơ hội nào có thể!

Bác thích đánh lễ và cúng dường quý chư Tăng và Ni. Chính quý Thầy và quý Sư cô là hình ảnh của Hòa Thượng, là học trò của Hòa Thượng mà bác và mọi người phải biết kính trọng...

- Trong mấy ngày tham dự Lễ Tang Hòa Thượng, điều gì làm cho bác suy nghĩ nhiều nhất?
- Nhìn quý Thầy và quý Ni cô về chùa lễ lạy, bác càng tôn kính Hòa Thượng nhiều hơn con à!
- Sao vậy bác?
- Thì con thấy đó, Hòa Thượng đào tạo được rất nhiều đệ tử...bây giờ quý Thầy quý Cô ra lập chùa khắp nơi để tiếp tục công việc truyền bá Phật Pháp cho chúng sanh! Ngài thật là có nhiều công lao! Biết nói sao cho xiết!
- Bác có hay đến viếng những ngôi chùa do Hòa Thượng và quý đệ tử của Ngài xây dựng không?
- Chà, bác đi hết! Chùa nào có Hòa Thượng đến là bác cũng có mặt!
- Là những chùa nào thưa bác?
- Tất cả các chùa ở Sydney và ở Melbourne!

- Vậy còn những chùa ở nơi khác thì sao? Thì bác cũng đã từng thăm chùa ở New Zealand và ở Noumea rồi!
- Bác đã cao tuổi mà chịu khó quá!
- Thôi, bây giờ cũng đủ rồi con! Hòa Thượng cũng chẳng còn nữa! Bác cũng theo Ngài nay mai thôi!
- Bác nhắm mắt một chút cho khoẻ, chút xíu nữa là đến chùa thôi!
- Ừ, vậy là từ đây bác không còn được gặp Hòa Thượng nữa rồi!
- Nói xong, bà dựa đầu vào thành xe, khép hờ đôi mắt hiền từ.

Tôi ái ngại nhìn bà và tự hỏi: Có biết bao nhiêu Phật tử đã và đang nghĩ về Hòa Thượng như bác gái này?

Quả thực Hòa Thượng đã để lại những ấn tượng khó phai trong lòng tất cả đệ tử của Ngài cũng như những công trình Phật giáo hữu hình và vô hình mà Ngài đã dày công tạo lập trong suốt cuộc đời - cả trên đất Úc lẫn Việt Nam.

Tâm Thường

(Sydney 9/2/2012)



TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ
THIỆP MỜI

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời :
Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự **Đại lễ Vu Lan Thắng Hội Phật lịch 2556**

tổ chức tại: **TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ**

365 Victoria St. Wetherill Park NSW 2164 - Điện thoại: (02) 9725 2324

trong 2 ngày:

Thủ Bảy 01/09/12: - **Cúng dường Trai Tăng - Lễ Truyền Tam quy & Ngũ giới**
- **Lễ Dâng sớ cầu siêu Vu lan**

Chủ Nhật 02/09/12: - **Đại lễ Vu Lan Thắng Hội - Văn nghệ Vu Lan**

Sự hiện diện của Quý vị sẽ góp phần vào việc duy trì
đạo hiếu truyền thống lâu đời của tổ tiên chúng ta.

Kính chúc quý vị hiếu tâm kiên cố, phước quả viên thành.

Trân trọng,

BAN TỔ CHỨC



Chương trình Vu Lan Thắng Hội DL. 2556

Thứ Sáu 17/08/12 (mùng 1 tháng 7 Âm)

Tối 18.30 - Lễ khai kinh mùa Vu lan báo hiếu
- Tụng Kinh Vu Lan và Đại Báo Phụ
Mẫu Ân Trọng (từ mùng 1 đến Rằm
tháng 7 Âm)

Thứ Bảy 25/08/12 (9 tháng 7 Âm)

Sáng 9.30 - Truyền giới Khóa tu Báo Ân (2 ngày)
- Lễ Kỳ Tổ Hòa Thượng Đại lão
thượng Đạ hạ Kiến.

Thứ Năm 30/08/12 (14 tháng 7 Âm)

18.30 - Khóa lễ Sám Hối

Thứ Bảy 01/09/12 (16 tháng 7 Âm)

Sáng 05.00 - Lễ tác bạch Tụ Tứ năm Nhâm Thìn
Trưa 11.00 - Cúng dường Trai tăng
Chiều 14.30 - Lễ Truyền Tam quy, Ngũ giới
Tối 19.00 - **LỄ DÂNG SỚ CẦU SIÊU VU LAN**
- Hoàn kinh Vu Lan

Chủ Nhật 02/09/12 (17 tháng 7 Âm)

Sáng 10.00 - **ĐẠI LỄ VU LAN THẮNG HỘI**
- Lễ Bông hồng cài áo

- Cúng Chư hương linh thờ tại chùa
- Phật tử dùng cơm chay đạo vị
Chiều 13.30 - Văn nghệ mừng Vu Lan
Chiều 16.30 - Cúng thí thực thập loại cô hồn

Thứ Hai 03/09/12 (18 tháng 7 Âm)

08.00 - Khởi hành đi Đại Tông Lâm Phật Giáo
- Lễ Vu Lan
- Viếng thăm Tịnh xứ Hòa Thượng Tông
Trưởng
14.00 - Cúng thí thực thập loại cô hồn
18.30 - Khai Kinh Địa Tạng
(tụng mỗi tối từ 18/7 - 30/7)

Thứ Bảy 15/09/12 (30 tháng 7 Âm)

Sáng 9.30 - Lễ Vía Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát
Chiều 14.30 - Tụng Kinh Địa Tạng
16.30 - Cúng thí thực thập loại cô hồn
Tối 18.30 - Lễ Hoàn kinh Địa Tạng



Hồi Tưởng Những Mùa An Cư

An cư là một truyền thống lâu đời của Phật giáo. Truyền thống này có từ thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế. Tuy nhiên, đối với Phật giáo Phát triển trên hình thức có khác hơn thời Phật. Bởi Tăng đoàn thời Phật nuôi sống bằng cách đi xin ăn. Cho nên Tăng đoàn thời Phật gọi là khát sĩ. Đối với các nước Phật giáo Nguyên thủy thì Tăng đoàn vẫn còn duy trì truyền thống khát thực này. Phật giáo khác hơn các tôn giáo khác là ở chỗ, Phật giáo không có thiết lập giáo điều định chế sẵn dựa theo chủ quan của vị giáo chủ, mà mọi định chế của Phật giáo chỉ xuất hiện sau khi Tăng đoàn đã được thành lập. Những mùa an cư thời Phật đã được quy định phần lớn là dựa vào thời tiết và theo tinh thần giới luật. Bởi mùa mưa, còn gọi là vũ kỳ là mùa mà các loài côn trùng sinh sôi nảy nở. Vì không muốn thấy những loài sinh vật này bị chết dưới bàn chân dẫm đạp của mình, nên Phật ra lệnh cho Tăng đoàn phải quy tụ lại một trú xứ để cấm túc an cư. Đó là do lòng từ bi sâu rộng của Phật.

Nói theo truyền thống đó, hằng năm, Tổ Đình Phước Huệ đều có tổ chức cho chư Tăng Ni trong tông môn quy tụ về Tổ Đình để an cư tu học trong ba tháng. Trong suốt thời gian an cư, chư Tăng Ni trong hàng tông môn đã được Cố Đại Lão Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ đều trực tiếp hướng dẫn chỉ giáo. Vì Ngài nguyên là Tông Trưởng của Tổ Đình Phước Huệ. Từ trước cho tới khi Ngài viên tịch, không có mùa an cư nào mà vắng bóng Ngài. Dù già yếu trọng tuổi sức khỏe kém, nhưng Ngài vẫn luôn có mặt đều đặn trong những giờ giảng dạy do Ngài phụ trách. Nhờ sự tận tâm hướng dẫn chỉ giáo nhắc nhở của Ngài mà chư Tăng Ni luôn nỗ lực tinh tấn tu học.

Riêng tôi, nhớ lại, gần mười năm qua không mùa an cư nào mà tôi không phụ lực tiếp sức với Ngài. Gần tới mùa an cư, Ngài nhắc nhở chúng tôi nhớ về Tổ Đình để giúp hướng dẫn



Phước Thái

cho
chư
Tăng

Ni tu học. Là đệ tử tất nhiên, tôi phải vâng theo lời Ngài dạy. Vì vậy kể từ mùa an cư kiết đông năm 2003 đến nay, không mùa an cư nào tôi vắng mặt. Chỉ có năm 2005, tôi bị giải phẫu xương sống nên mới vắng mặt một kỳ đó thôi. Trong khi tôi nằm dưỡng bệnh tại tịnh thất của tôi, Ngài và thầy Phước Hựu có đến thăm. Lúc đó, gần tới ngày an cư, nên tôi kính trình với Ngài xin phép Ngài được tác bạch tùy thuận an cư. Ngài hứa khả và bảo tôi cứ lo dưỡng bệnh đến holiday khỏe, Phước Thái lên phụ giúp khóa xuất gia ngắn hạn. Tôi nói, chừng đó khỏe con sẽ lên phụ giúp với Hòa Thượng. Dù là một đệ tử, nhưng Ngài đối xử với chúng tôi như là một vị giáo thọ ở Tổ Đình Phước Huệ. Không có mùa an cư nào mà Ngài không bảo Thầy Phước Đạt với tư cách là một Tri Sự Tổ Đình đạt thơ mời tôi. Đó là điều mà chúng tôi luôn khắc ghi không bao giờ quên.

Mỗi lần lên, có dịp, Ngài gọi tôi đến phương trượng của Ngài để bàn bạc về chương trình giảng dạy cho học chúng. Phải nói Ngài rất quan tâm lo cho các đệ tử. Ngài thường bảo tôi: “Phước Thái nên soạn chương trình sắp xếp cho các môn học thích hợp với trình độ của học chúng. Thầy biết trong học chúng có nhiều trình độ chênh lệch, tuy vậy, mình nên chú ý nhiều đối với các vị tương đối còn trẻ tuổi, để cho họ có thêm kiến thức về giáo lý cũng như về các môn học khác như: văn học, sử học, huấn luyện diễn giảng và hành chánh v.v... Đó là điều Thầy rất mong mỗi kỳ vọng vào họ để sau này họ có thể gánh vác những công tác Phật sự làm lợi ích cho chúng sinh”. Chính nhờ động lực khuyến tấn của Ngài, mà chúng tôi đã cố gắng biên soạn hoàn thành trọn bộ 4 quyển Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải. Cứ mỗi mùa an cư, tôi biên soạn một cuốn để

đem ra hướng dẫn giúp cho chư Tăng Ni học chúng. Nhờ đó mà họ có thêm kiến thức căn bản về Phật Pháp.

Trong chương trình giảng dạy, thường là Ngài đảm trách hai buổi, tuy nhiên, khi nào vắng người hướng dẫn, thì Ngài thế vào. Ngoài ra, sau những giờ công phu sáng, tất cả học chúng già trẻ đều vân tập ở phương trượng để cung an sức khỏe của Ngài. Nhân đó Ngài giảng dạy thêm qua những kinh nghiệm trong cuộc đời tu học của Ngài. Đồng thời, Ngài cũng dẫn những lời Phật Tổ dạy trong kinh điển để đem ra trình bày cho học chúng, để mọi người lấy đó làm tấm gương soi sáng trên bước đường tu học. Đó là những dòng sữa ngọt ngào mà Ngài luôn quan tâm tưới tẩm cho mọi người. Chính nhờ những dòng sữa này mà các hàng đệ tử trong tông môn ngày càng tăng trưởng pháp thân huệ mạng. Đó là một ân đức quá cao sâu lớn lao thật không sao nói hết.

Đặc biệt mùa an cư năm nay, tôi có đề nghị với Thượng Tọa Thích Phước Tấn trụ trì chùa Quang Minh nên cho quý liên hữu trong đạo tràng Quang Minh thọ bát hằng tuần vào mỗi ngày chủ nhật. Thầy rất hoan hỷ hứa khả. Vì vậy, nên tôi chỉ đi lên xuống Phước Huệ chớ không có mặt thường xuyên như những năm trước. Sau khi làm lễ tác pháp an cư, chúng tôi ở lại Tổ Đình một tuần để giúp hướng dẫn cho đại chúng tu học. Qua một tuần tôi về lại Melbourne thì có Thượng Tọa Thích An Chí từ Na Uy qua để hướng dẫn giúp cho chư Tăng Ni được mười ngày. Sau đó, chúng tôi trở lên hướng dẫn tiếp. Ngoài ra, còn có pháp hữu Chúc Thanh hai tuần giúp cho một buổi tối vào mỗi thứ sáu. Tuy vắng bóng Hòa Thượng và ít người giảng dạy như những mùa an cư trước kia, nhưng tinh thần tu học của đại chúng vẫn tiến triển đều đặn không có gì sa sút. Những lúc không có người hướng dẫn, thì học chúng vẫn đến lớp mở băng đĩa mà do cố Đại Lão Hòa Thượng giảng giải trong các mùa an cư trước kia. Mỗi người lắng nghe theo dõi những lời giảng dạy của Ngài, rồi sau đó nếu có vị nào chưa hiểu rõ thì nêu ra những câu hỏi để cùng nhau trao đổi bàn thảo giải đáp. Nhờ vậy mà học chúng tăng thêm phần lợi ích trong sự học vấn. Đó cũng là cách ôn nhớ lại những gì mà Ân Sư đã hướng dẫn chỉ dạy trong những

mùa an cư qua. Phải chăng nhờ đó mà tinh thần tu học của chư Tăng Ni càng thêm vững mạnh và đạo lực mỗi ngày càng thăng tiến. Dù Thầy đã không còn nhưng những lời dạy của Thầy vẫn còn đó. Những lời giáo huấn của Thầy như đã ăn sâu vào trong tâm khảm của mỗi người. Tuy không có Thầy trực tiếp chỉ dạy, nhưng không phải vì thế mà tinh thần tu học đoàn kết thương yêu đùm bọc giúp đỡ cho nhau trong thâm tình huynh đệ lại bị sút giảm đi. Ngược lại, tôi thấy tinh thần tu học và tình huynh đệ của mọi người lại càng tiến triển gắn bó nhau hơn. Chứng minh trong mùa an cư lần đầu không có Thầy mà mọi người vẫn coi như là có Thầy bên cạnh luôn nhắc nhở không khác gì trong những mùa an cư của những năm qua. Quả đúng với câu người xưa nói: “cung kính bất như phụng mạng”. Thật vậy, cung kính không bằng vâng lời làm theo.

Tuy là vậy, nhưng tôi đoán biết quý vị học chúng khi vào trong lớp học cảm thấy như thiếu vắng đi một điều gì đó mà chỉ có tận thâm tâm của mỗi người mới thầm cảm nhận mà thôi. Bao nhiêu kỷ niệm êm đềm và những âm vang của ngày nào như còn đọng lại vắng vắng bên tai. Giọng nói trầm ấm thanh tao nhẹ nhàng chứa đựng đầy lòng từ bi vị tha nhân ái và những nụ cười cởi mở hoan hỷ trên môi của một bậc Thầy khả kính như vẫn còn đó. Hình ảnh từng bước đi khoan thai ung dung chậm rãi thanh thoát của một con người hiền hòa đức độ mỗi khi lên bục giảng vẫn còn in đậm nét trong tâm tưởng của mỗi người. Có những lúc đi ngang qua phương trượng của Ngài tôi cứ tưởng là Ngài vẫn còn tịnh tu trong đó. Nói thế, không có nghĩa là tôi sống trong ảo tưởng. Tôi đang sống với thực tại và chính vì đang sống với thực tại nên tôi thấy Ngài vẫn còn hiện hữu có mặt khắp nơi. Những lời Ngài dạy vẫn luôn sống dậy trong tâm khảm của mỗi đệ tử.

Phải chăng Tăng Ni học chúng cũng nhờ hưởng những dòng sữa ngọt ngào do Ngài đã dày công tưới tẩm nên hôm nay dù vắng bóng Ngài ở Tổ Đình, nhưng mỗi người vẫn khép mình tu học nghiêm chỉnh trong ba tháng an cư như lúc Ngài còn có mặt. Mỗi người càng tinh tấn nỗ lực tu học nhiều hơn. Đó là một

tâm cảm thể hiện những gì mà họ đã thọ ân và họ đang trả ân cho Thầy Tổ bằng cách là nỗ lực tiến tu. Tôi nhìn thấy mỗi người đều gia công hết lòng cặm cụi miệt mài trong việc tu học. Tất cả vẫn giữ thời khóa đều đặn. Thời khóa tụng niệm hằng ngày vẫn giữ đúng như những mùa an cư trước đây. Mỗi người tự ý thức và tận tình giúp đỡ lẫn nhau. Vị nào trọng tuổi hay đau yếu thì ở tại phòng niệm Phật. Khi còn Hòa Thượng các vị đó cũng vẫn giữ như thế. Đồng thời, những công việc Phật sự của Tổ Đình quý vị đó vẫn xúc tiến điều hành công việc một cách trôi chảy đều đặn không gì trở ngại. Bởi tất cả đồng tâm quyết chí làm sống dậy tinh thần của một người đệ tử khi không có mặt của Thầy.

Ngồi ghi lại những điều này để hồi tưởng lại một vài nét kỷ niệm của những mùa an cư đã qua. Đó là những kỷ niệm thật êm đềm lặng lẽ như dòng nước chảy trôi trong nguồn suối an vui tươi mát thấm đượm tràn đầy của tình nghĩa Thầy trò. Trong niềm hoài cảm nhớ thương đó, tôi không khỏi bồi ngùi cảm động khi nhớ lại những lời ân cần thức nhắc khuyên bảo sách tấn tu học của Ngài trong sau mỗi kỳ

đại chúng tác pháp an cư. Nhớ lại mùa an cư kiết đông năm rồi, Ngài vẫn còn mạnh khỏe chứng minh nói những lời tâm tình thức nhắc cho các tông môn đệ tử bằng những kinh nghiệm trải dài trong suốt quá trình tu học của Ngài. Với một thân thể gầy yếu cao tuổi, nhưng tinh thần của Ngài vẫn còn rất minh mẫn sáng suốt. Mỗi lời Ngài dạy như toát ra cả một sức sống đầy năng lực trong tinh thần hướng thượng để mong mọi người chóng đạt thành sở nguyện.

*Lời Thầy di huấn còn đây
Ngàn sau vẫn nhớ đắp xây đạo tình
Sá chi vinh nhục, nhục vinh
Gương xưa còn đó lặng nhìn trời trong
Bầu trời Viên Giác thông dong
Tịnh tâm lạc cảnh một lòng khắc sâu
Bóng Thầy chẳng định nơi đâu
Tùy duyên độ chúng chóng mau thoát nạn
Nơi gương nếp sống thanh nhàn
Ung dung tự tại một đàn chim bay
Không gian vượt cả tháng ngày
Hoa mai rụng hết cành mai vẫn còn./*



*Tổ Tổ tương truyền chánh pháp tông
Đình gia học phái kế Thai dòng
Phước ân thừa hưởng gieo cùng khắp
Huệ trí lưu truyền đạt suốt thông
An ổn tu hành vui học hỏi
Cư nhàn tịnh cảnh hết long đong
Kiết giao thiện hữu làm bạn lữ
Đông lạnh tình ta vẫn ấm nồng.*

Cảm

Niệm

Tịnh Đức



Vu Lan nhớ Thầy

Phước Thanh



Thời gian trôi qua nhanh quá! Mới đây mà Sư Phụ đã từ già chúng con cao đăng Phật quốc hơn nửa năm rồi. Vậy là chúng con đã chịu cảnh mồ côi mồ cút cũng hơn nửa năm rồi! Đôi khi con có cảm tưởng như con đang nằm mộng chứ không phải là sự thật! Làm sao mà Sư Phụ có thể bỏ chúng con ra đi được?! Chúng con còn đang rất khờ dại, chưa trưởng thành chi cả. Tất cả đều còn đang phải nương tựa vào Sư Phụ để tu, để học. Con còn nhớ mỗi khi con không hiểu điều gì con đều lên bạch với Sư Phụ để xin Sư Phụ giải thích. Hiện giờ những bìa Folder “Kính trình duyệt” con vẫn còn giữ y một chồng. Giờ đây con còn trình cho ai nữa đây?! Mỗi ngày lên lầu làm việc, con đều nhìn chồng bìa Folder mà ứa nước mắt vì nhớ Sư Phụ!

Hôm nay Vu Lan lại về, con ngồi nhớ lại tất cả những kỷ niệm từ ngày con mới bắt đầu được diện kiến Sư Phụ, xin Sư Phụ cho xuất gia, Sư Phụ đã dạy con như thế này: “Con xuất gia ở lứa tuổi này cũng chưa phải là già, nhưng cũng không gọi là trẻ. Con sẽ làm hai việc: một là thay thế cho các cô trẻ làm tất cả những việc của các cô để các cô rảnh rang đi học. Hai là con cũng phải làm việc thay cho các cô lớn tuổi để các cô lo chuyên tu niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc kéo không còn kịp nữa. Con có đồng ý không?”

Thú thật, tôi cũng không biết là sẽ làm cái gì, nhưng vì ham được xuất gia quá nên tôi cứ gật đại. Thế là tôi được xuất gia. Việc xuất gia của tôi nó dễ dàng và thuận duyên như thế đấy, các bạn ạ! Bây giờ, ngồi hồi tưởng lại, tôi có cảm tưởng như sự việc mới xảy ra ngày hôm qua. Hình ảnh Sư Phụ vẫn còn như in trong trí của tôi. Thái độ hiền hòa từ tốn của Sư Phụ khi dạy tôi cũng hoàn toàn không một chút phai lạt. Ấy vậy mà giờ này Sư Phụ lại nở bỏ con mà đi!!! Đôi khi tôi cố vùng dậy, không chấp nhận sự

thật, vì đi tới đâu tôi cũng toàn nhìn thấy hình ảnh Sư Phụ. Ra tới vườn cây thì lại thấy hình ảnh Sư Phụ đứng tưới cây. Ra chỗ ghé ngồi ngoài sân thì lại thấy Sư Phụ ngồi phơi nắng. Ra ngoài car park thì lại thấy Sư Phụ đi bách bộ thư thân một mình. Vào trong phương trượng thì thấy Sư Phụ ngồi dùng điểm tâm. Lên bảo tháp thì thấy Sư Phụ cầm chổi quét bảo tháp. Đôi khi chúng tôi đang thọ trai dưới trai đường thì lại cũng thấy Sư Phụ đi xuống han hỏi thăm ba câu. Và điều làm cho tôi nhớ nhất là Sư Phụ nhẹ nhẹ lên lầu, đứng sau lưng tôi, xem tôi làm việc, thỉnh thoảng Sư Phụ lên tiếng, báo cho tôi biết tôi đánh máy sai một chữ, làm cho tôi giật thót người, nhảy lên khỏi chiếc ghế và hét lên một tiếng to, làm Sư Phụ cũng giật mình luôn. Thế là hai thầy trò cùng cười xòa.

Và còn nhiều nữa những kỷ niệm vui vui khó quên. Bây giờ thì thế vào những hình ảnh sống thực đó là hình ảnh của Sư Phụ được thờ và trưng bày ở khắp các nơi, kể cả những hình ảnh treo trên vách tường quý Thầy cũng còn để y nguyên ở vị trí cũ. Nhờ thế chúng tôi đi đến đâu cũng được nhìn thấy Sư Phụ cả.

Trong mùa An Cư năm nay, chúng tôi được một đại sư huynh Thích An Chí từ Na Uy về Tổ đình để dạy cho chúng tôi môn Giáo Quán Cương Tông thuộc Thiên Thai Giáo Quán Tông theo lời trời trần dặn dò của Sư Phụ. Ngày cuối cùng sư huynh từ già chúng tôi để trở về Na Uy, sư huynh có nói: “Chúng ta bây giờ là những đứa con mồ côi, Sư Phụ chúng ta đã quy Tây rồi, bây giờ tôi cũng xin cầu chúc cho toàn thể quý sư đệ, sư muội được chân cứng đá mềm, khó khăn nào cũng vượt qua, Phật sự nào cũng hoàn thành, hãy thương yêu đùm bọc với nhau mà sống, mà tu để giác linh Sư Phụ được hài lòng nơi cõi Tây Phương Cực Lạc.....”

Tự nhiên, nghe xong câu đó, tôi bị rơi vào thực tế phũ phàng mà từ trước tới nay, lúc nào tôi cũng muốn chối bỏ. Thì ra Sư Phụ đã thực sự bỏ chúng tôi rồi sao?! Chúng tôi đã thực sự trở thành mồ côi rồi sao? Kể từ đây, chúng tôi phải tự lực tất cả sao? Sao mà phũ phàng và tàn nhẫn quá vậy?

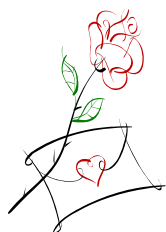
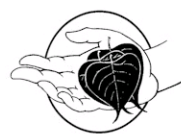
Tôi không muốn kể ra đây tất cả những gì mà Sư Phụ đã dạy dỗ chúng tôi vì kể là thừa. Tôi chỉ xin tóm tắt bằng một câu ngắn gọn: Phước Thanh bây giờ đã rất khác với Phước Thanh hồi lúc mới tu. Phước Thanh của ngày xưa đầy dẫy tham, sân, si, với tất cả những tánh hư tật xấu, Phước Thanh bây giờ đã đổi khác rất nhiều từ hình thức cho tới tâm hồn. Phước Thanh bây giờ đã tiến bộ rất nhiều! Tôi không muốn kể ra đây vì kể ra giống như khoe khoang, chỉ tự mình biết lấy mình là được rồi. **Và tất cả đều là**

nhờ công ơn giáo dưỡng của Sư Phụ cả!

Kính bạch giác linh Sư Phụ,

Hôm nay Vu Lan lại về, con không viết về cha mẹ con, mà con lại viết về Sư Phụ, con mong rằng giác linh Sư Phụ có linh thiêng hãy chứng giám cho tấm lòng của con, hãy nhìn thật kỹ tất cả những gì thay đổi tốt trong con, vì đây chính là sản phẩm do Sư Phụ tạo ra đó!!!

Nam mô A Di Đà Phật



*Thầy là một đóa sen thiêng
Thầy đi một cõi an nhiên siêu trần
Chiều buồn con trẻ bâng khuâng
Nhìn đâu cũng thấy bóng Thầy bên con
Trăng vàng soi khắp núi non
Nên đâu cũng có bóng con theo Thầy
Đạo tràng Thầy đã dựng xây
Chúng con tu học sum vầy an vui
Nơi gương chí nguyện không lùi
Những lời Thầy dạy ngọt bùi đệ huynh
Trăm năm trong kiếp phù sinh
Bọt tan về biển tánh linh mãi còn
Những gì Thầy dạy chúng con
Âm thanh còn đó vui buồn khó quên
Đạo tâm luôn mãi giữ bền
Di Đà lục tự tạo nên sen vàng
Thầy trò hội ngộ Tây phương
Sen Thầy một đóa đài vàng bước lên
Ơn Thầy tạo dựng tròn nên
Suốt đời ghi nhớ vãng bên học tu.*

**Nhớ
Thầy**

Một đệ tử



Tôi lại viết và cứ muốn viết mãi đề tài này. Và đây là lần thứ tư mà tôi đã viết. Tôi nhớ rất kỹ lần đầu tiên tôi viết là vào năm 1953. Đạo đó tôi còn là một học tăng của Phật học đường Nam Việt, cấp đại học. Nhon sau buổi giảng của tôi vào chiều Chủ Nhật tại Hội Phật Học xong, vì mùa Vu lan, đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Hội Trưởng Hội Phật Học Nam Việt cũng là chủ bút Nguyệt san Từ Quang, yêu cầu tôi viết một bài cho tờ báo. Tôi không có khiếu về văn chương, nên viết lách là điều bất buộc đối với tôi. Tuy nhiên vì một yêu cầu không thể không đáp ứng, do đó mà câu chuyện bắt đầu ... bài chung quanh về vấn đề chữ Hiếu và Mẹ.

Mẹ tôi qua đời trong mùa Vu lan năm tôi đúng 19 tuổi và thân phụ tôi viên tịch cũng trong mùa Vu lan năm tôi đúng 45 tuổi. Từ bao nhiêu mùa Vu lan qua rồi, lòng tôi ray rức xót xa, hồi tưởng lại những lỗi lầm của mình đã tạo trong lúc chưa hiểu đạo và cũng trong lúc kiến thức còn nông sơ, và tôi kể lại đây để những bạn trẻ đọc mà thấm thía!

Thuở bé, tôi vốn là đứa trẻ ốm yếu, thường bệnh hoạn, nên mẹ tôi là người chịu khổ nhất đối với tôi. Tôi nhớ mỗi lần tôi đau, mẹ tôi phải mất ít nhất trên một tiếng đồng hồ về việc cho tôi uống thuốc. Vốn sợ thuốc mà lại hay đau! Một lần nọ mẹ tôi bắt buộc phải cạy răng để đổ thuốc và do đó tôi cắn vào ngón tay trở của bà lũng sâu và máu ra nhiều, nhưng bà vẫn không thấy đau mà nhất định bắt tôi phải uống cho được. Sau khi uống xong liều thuốc, nhìn thấy những giọt máu đào từ ngón tay thân yêu của mẹ chảy ra, khiến tôi mềm lòng và từ đó tôi không bao giờ để mẹ bảo lần thứ hai và tự nhủ rằng: Từ nay mẹ bảo uống thuốc thì uống ngay, dầu là thứ thuốc độc uống xong rồi chết liền cũng được; chứ trước thì bệnh, mẹ bảo uống thuốc cho hết bệnh, lại làm như là mẹ bắt buộc mình uống thuốc độc không bằng!

Quê tôi vùng Cát Lái, cũng đồng ruộng mênh mông, cũng vườn dừa, vườn cau sầm uất. Gia đình tôi thuộc hạng trung nông, cha tôi cũng có vị thế khá trong hương thôn. Mẹ tôi lại là vợ kế của cha tôi. Mẹ trước mất đi, để lại ba người con đều trai cả. Khi mẹ tôi về thì người con cuối của mẹ trước mới lên ba tuổi. Lại có hai người dì,

em mẹ lớn không được tốt bụng và đó là nguyên nhân gây nhiều khổ sở cho mẹ tôi. Mẹ tôi sinh được bốn đứa, ba trai một gái, đứa em gái là đứa con được cha tôi thương nhiều nhất, nhưng chỉ 3 năm sau thì vẫn số. Vì là con hai dòng, nên mấy người dì em mẹ trước sợ mẹ tôi đoạt hết gia tài về cho con mình, nên cố xúi mấy người anh tôi hành hạ, ức hiếp mẹ tôi nhiều điều, đủ cách; nhưng mẹ tôi là một hiền mẫu không vì lẽ không phải chính con mình sanh ra mà bạc đãi, hành hạ con chồng, cũng một mực thương yêu chịu đựng đứa trước thế nào thì đứa sau cũng vậy, vẫn ăn học đồng đều.

Có một lần, buổi sáng đi học, mẹ tôi phát cho mấy người anh mỗi đứa hai xu, riêng tôi chỉ một xu thôi, em tôi chưa đi học, và như thế tôi là nhỏ nhất. Mẹ tôi bảo: hôm nay mẹ kẹt không còn thêm một xu nữa để cho con đủ số như các anh con vì con còn nhỏ nên phải chịu thiệt một chút. Tôi nhất định không nhận và cũng nhất định

không đi học, nếu mẹ tôi không cho đủ hai xu. Mẹ tôi ngọt ngào dụ dỗ không được, đánh đập cũng không lầy và hôm ấy tôi bỏ học, và cũng suốt ngày hôm ấy mẹ tôi buồn khóc không ăn cơm. Khi lớn lên, biết suy nghĩ, mới thấy mình thật ngu ngốc: học cho mình chớ nào phải học mướn cho mẹ, mẹ thiếu tiền mướn không đi, sau này nên người thì mình nhờ, chớ mẹ

mình có lột vỏ theo mình để hưởng gì đâu! Lại khi không đủ hai xu để cho con thì lòng mẹ cũng héo hon, đau xót, nhứt là những lần roi trên mình con là những lần dao rạch xé tâm can của mẹ. Có người mẹ nào muốn cho con mình thiếu thốn khổ sở bao giờ! Lòng mẹ bao la như biển Thái bình, biển Thái bình có ngày còn cạn chớ lòng thương của mẹ thăm thẳm nghìn trùng!

Năm tôi 19 tuổi và đang theo Thầy học đạo tại chùa Ông Ngộ, tức chùa Tôn Thạnh tại làng Mỹ Lộc quận Cần Giuộc, nghe tin mẹ tôi đau, tôi xin Thầy về nhà nuôi mẹ, vì nhà đơn chiếc, chỉ có một em trai nhỏ dại ở nhà thôi. Nhắc lại việc tôi xuất gia cũng rất ly kỳ. Gia đình tôi mất hai người anh trước sau hai ngày, một anh của dòng trước và một anh của dòng sau.

Bây giờ tôi trở thành anh trưởng của dòng sau, và coi như là anh cả trong nhà, vì các anh trước tôi đã lập gia đình và ra riêng cả. Hồi tôi mới sanh đến năm lên ba, tôi vẫn ăn được duy nhứt



Cây muốn lặng ...

toàn đồ lạt không ăn được cá thịt. Thường ngày mẹ tôi phải hấp hông khô cho mềm để cho tôi ăn cơm. Cha tôi sợ tôi ốm yếu, lớn lên không làm gì được nổi, nên bắt mẹ tôi phải bằng mọi cách cho tôi ăn mặn. Mẹ tôi không dám cãi, nên từ từ tập cho tôi ăn tép rang đường thiệt ngọt, dần dần đến những thứ ít tanh, hôi. Ngày lớn lên đi học, trong xách cơm đi học hằng ngày của tôi luôn luôn là dưa khô kho đường, muối, hoặc đường thê, đường tán, không thì cũng tép rang đường. Năm tôi 12 tuổi, một biến trạng xảy đến, làm cha mẹ tôi phải một thời gian mất ngủ. Số là, dạo này hễ cứ đêm đến thì những bóng ma quái cứ hiện đến phá phách, luôn đêm này sang đêm khác, làm cho gia đình chúng tôi phải bị đắm chìm trong không khí lo sợ, hãi hùng. Chạy đã đủ thầy, cũng vô hiệu, thậm chí luôn cả bao nhiêu đêm, cha mẹ tôi nằm hai bên tôi, cha tôi thủ sẵn một con dao, hễ nghe tôi giựt mình la hoảng, thì người quơ dao lên khoảng không, để chực đuổi đi, nhưng đêm nào cũng như đêm này, bọn ma quái cứ hiện đến phá quấy luôn. Mãi đến ba tháng sau, cha tôi mới chợt nghĩ đến việc cầu Phật, vì hết cách chữa trị. Ngày xưa, cha tôi tu theo Tịnh độ tông, nhà thờ Phật để trên trang cao, mỗi lần lên đốt hương, phải bắt thang gỗ, và nơi thờ kính tôn nghiêm đó, cha tôi có treo một xâu chuỗi ngắn 18 hạt. Người cầu nguyện với Phật thỉnh xâu chuỗi xuống, đeo vào cổ tôi, và lạ thay, kể từ hôm đó cảnh phá khuấy không còn nữa.

Đến năm đúng 14 tuổi, thì tôi được xuất gia theo thầy học đạo. Tôi mà đi tu được thì ngoài sự hy sinh tình cảm sâu đậm của mẹ tôi, còn thêm sự dẫn dắt của bà nội tôi nữa! Nội tôi đã già nhưng rất sùng đạo, hằng tháng, ngày 14 và 30, tháng thiếu thì 29, nội tôi luôn luôn có vài bình bông trang hoặc thọ và vài nải chuối, hoặc ít trái cây lên chùa sám hối và ở lại chùa đến khuya còn theo thầy công phu, chúc tán. Mà như vậy thì không đêm nào Nội tôi không dẫn tôi theo và nên móng xuất gia của tôi bắt nguồn từ đó.

Nhà tôi trước chỉ ăn chay kỳ, mỗi tháng 10 ngày. Nội tôi thì trước ở với người chú út của tôi, mãi khi chú tôi qua đời sớm, thì bây giờ bà mới chịu về ở chung với gia đình tôi, cha tôi là con trưởng. Trong thân tộc tôi ít có người nào sống được quá 50, ngoại trừ Nội tôi thọ 81 tuổi, cha tôi (tức Hòa Thượng Thích Đạt Kiên) thọ 85 và người cô ruột kế út cũng thọ đúng 81 như Nội tôi. Riêng Nội tôi thì ăn chay và tu từ khi ông nội mất lúc 45 tuổi, nên khi về ở chung với chúng tôi, thì bà được dọn riêng và ăn riêng hoặc rau luộc, nước tương hay cà kho, đậu kho vậy thôi, vì có một mình bà cụ nên không bày biện.

Một hôm nọ, cha tôi đang cùng gia đình ăn uống vui vẻ với mâm cơm mặn có canh, có cá thịt, bỗng ông nhìn sang mâm ăn sơ sài của Nội tôi với chiếc thân già lạng lẽ, ông bỗng buông đũa, nước mắt đầm đìa, nói với mẹ tôi: Từ nay gia đình ta ăn chay, không thể nuốt trôi khi mẹ già ăn uống khổ cực và cô quạnh như vậy. Thế là từ đó mẹ tôi đổi nghề nấu bếp ...

Ngày mẹ tôi thọ bệnh, vì gia đình không có ai, tôi phải già từ thầy tổ, về nhà đóng vai trò con gái để nuôi bệnh cho người. Mẹ tôi vì quá vất vả trong cuộc sống, để không phải mang tiếng mẹ ghê, con chồng, lại tảo tần làm lụng không nghỉ để dành dụm cho con, nên mới gần 50 bà đã kiệt sức và mẹ tôi mang chứng bệnh nan y. Tất cả công việc nấu nướng, chọ búa thậm chí tắm rửa, giặt giũ cho mẹ tôi, tôi cũng làm nốt và làm rất thành thạo.

Bệnh mẹ tôi càng ngày càng thêm nhiều, sức khoẻ của người càng ngày càng sút giảm mà công việc của tôi càng ngày lại càng thêm. Có một hôm, sau một giấc ngủ say vui vì mệt nhọc, tôi bỗng giựt mình đến toát mồ hôi, một cảnh tượng hãi hùng, mà cho tới mãi bây giờ tôi mừng tượng như trước mắt: Mẹ tôi nằm chèo queo ở một góc giường, chiếc giường tre dùng cho người bệnh đã cháy một vùng tròn và cháy sém lên trên hai lớp mền ni! Tôi kêu thất thanh và cha tôi cũng chạy đến để dập tắt vừa hơi hám cứu chữa cho mẹ tôi. Khi bà tỉnh lại, tôi hỏi tại sao mẹ không kêu, khi bà bị phát lạnh nửa đêm. Mẹ tôi bảo: thấy con đang ngủ say và vừa mới ngủ, sợ mất giấc ngủ của con rồi con sẽ không còn sức khoẻ, nên đi đốt lửa để hơi, nào ngờ ngọn lửa bốc cao, làm cháy cả giường, mền, trong lúc mẹ thì ngất xỉu. Đến giờ phút nguy nan có thể nguy hiểm đến tánh mạng như vậy, mà vẫn chỉ nghĩ đến sức khoẻ của con mình, mẹ ơi, giờ phút mẹ mất rồi, con biết tìm đâu ra bóng hình thân yêu và tấm lòng quảng đại ấy! Bây giờ lớn lên, lòng thương nhớ mẹ hiền tha thiết, muốn được còn mẹ để sớm hôm hầu hạ, để được gần gũi tắm ánh sáng nhiệm màu qua tình thương của mẹ, thì không còn được nữa, mẹ hiền đã khuất bóng! Thật là: cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, con muốn nuôi mẹ thì bóng mẫu từ đã sớm khuất

Lãng Diên



Quán Kinh Tứ Thiệp Số

Tập ký: Đường, Sa Môn Thiện Đạo

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc



(tiếp theo)

Đối với Hành lập tín có hai thứ hành: chánh hành và trợ hành.

a. Chánh hành: Hành giả chuyên y theo các kinh điển vãng sanh mà cố gắng thật hành. Một lòng chuyên tụng Quán kinh, A Di Đà kinh, Vô Lượng Thọ kinh, một lòng chuyên chú, tư tưởng, quán sát, nhớ niệm y báo và chánh báo trang nghiêm của cõi kia. Nếu lễ thì một lòng chuyên lễ Phật kia, nếu miệng xưng niệm, thì một lòng chuyên xưng niệm hiệu Phật kia, nếu tán thán cúng dường, thì cũng một lòng chuyên tán thán cúng dường Phật kia, gọi là Chánh hành.

b. Trợ hành

Trong chánh hành này lại có 2 thứ:
Một lòng chuyên niệm danh hiệu của Phật A Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không luận thời gian lâu mau, mỗi niệm không gián đoạn thì gọi là nghiệp chánh định, thuận với đại nguyện của Phật kia. Nếu y theo mà lễ, tụng... gọi là trợ nghiệp.

Ngoài chánh nghiệp và trợ nghiệp làm các việc thiện khác đều gọi là tạp hạnh.

Nếu tu hai thứ chánh trợ ở trước, tâm thường thân cận ức niệm không gián đoạn gọi là vô gián tu. Nếu thật hành các tạp hạnh, tâm thường gián đoạn, tuy có thể hồi hướng được vãng sanh, nhưng đều gọi là hạnh sơ tạp.

3- Hồi Hướng Phát Nguyện Tâm: Nói hồi hướng phát nguyện là đời quá khứ và đời này, dùng thân khẩu ý nghiệp tu thiện căn thế gian và xuất thế gian, đem thiện căn của mình tu được, tin sâu trong lòng, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi Cực lạc. Cần phải



quyết định chơn thật trong tâm, hồi hướng tương phát nguyện được sanh. Tâm này tin chắc như kim cương, không bị tất cả thấy khác, học khác, hiểu khác, làm khác và các người khác làm động loạn phá hoại. Chỉ quyết định hết lòng, tinh tấn hành đạo, không được nghe người nói, rồi sanh tâm lo sợ lúng túng, theo sai đường lối, sẽ bị mất lợi ích vãng sanh.

Hỏi: Nếu có những người tà, chỗ hiểu và làm không đồng, đến phá hoại, nói những điều nghi nạn, bảo rằng người tu Tịnh độ không được vãng sanh. Hoặc nói: các ông từ nhiều kiếp đến giờ thân, khẩu, ý nghiệp, đối với tất cả phạm thánh tạo đủ thập ác, ngũ nghịch, tứ trọng, báng pháp, xiển đãi, phá giới, phá kiến, tất cả các tội như thế chưa trừ hết, các tội này thuộc về ác đạo của tam giới, vì sao một đời tu phước, niệm Phật, liền vào được cảnh giới vô lậu vô sanh, vĩnh viễn được chứng ngộ quả vị không lui sụt?

Đáp: Các giáo hạnh của chư Phật số nhiều đến hằng sa, biết rõ cơ duyên, tùy theo tình hình, chẳng phải một, thí như người ở trong đời, mắt có thể thấy, có thể tin, như ánh sáng có thể phá tan bóng tối, không có thể hợp với có, đất có thể sanh cây cỏ, nước có thể thấm nhuần, lửa có thể đốt cháy, các việc như vậy đều gọi là pháp tương đối, tức là mắt có thể thấy được nghìn sai muôn khác, huống gì năng lực của Phật pháp là không thể nghĩ bàn, làm sao không có nhiều lợi ích được. Nếu người nào ra khỏi một môn là ra khỏi một môn phiền não. Tùy theo thánh giáo, vào một môn là vào môn giải thoát trí huệ. Vì trong Phật pháp, tùy theo duyên mà khởi hành, đều mong được giải thoát. Vì sao các vị lại đem những việc cốt yếu không có đủ nhân duyên, làm chướng hoặc mình. Đối với việc mà mình ưa thích, tức là

việc làm ấy có duyên với mình, tức chẳng phải chỗ mong cầu của ta, mà là chỗ chúng ta ưa thích, tức là việc làm ấy có duyên. Không phải chỗ mong cầu của ta, nên tùy theo chỗ vui vẻ ưa thích mà tu hành, chắc mau được giải thoát. Hành giả nên biết, muốn học đạo giải thoát, từ phàm đến thánh, từ thánh đến Phật quả, tất cả không gì trở ngại, đều phải nên học. Người muốn học dễ, cần phải biết pháp nào thích hợp, thì ít dùng công sức mà được nhiều lợi ích. Chúng tôi xin đem một thí dụ, để gìn giữ lòng tin và cũng ngăn ngừa những kẻ ngoại đạo dị kiến. Có người muốn đi về hướng tây, bỗng gặp giữa đường có hai dòng sông, chia làm hai phía, một dòng nước nóng ở phía nam và một dòng nước mát chảy về bắc, hai dòng sông đều rộng trăm bước, và sâu vô cùng, nam bắc không có bờ mé, khoảng giữa của hai dòng nóng và lạnh, là một đường trắng rộng chừng bốn năm tấc. Con đường này từ bờ đông đến bờ tây cũng dài hơn trăm bước, sóng nước ấy làm ướt đường đi, hai dòng nước nóng và lạnh che phủ con đường, thường không ngừng nghỉ. Người ấy đã đến chỗ trông, không có người quen, chỉ toàn những người oán tặc, ác thú, thấy người này đi đến một mình, liền giành nhau đến tìm cách giết hại. Người ấy sợ chết chạy thẳng về hướng tây, bỗng nhiên thấy một dòng sông lớn, người ấy liền nghĩ: Sông này phía nam và bắc không thấy được bờ mé, chính giữa thấy có một con đường rất nhỏ hẹp, hai bên bờ sông nóng lạnh không thể đi được, ngày nay ta chắc phải chết, muốn quay lại, nhưng bọn giặc cướp, ác thú đến rất bức bách, nên tìm về hướng tây, kiếm đường tẩu thoát. Nhưng lại sợ rơi vào hai sông nóng lạnh, lúc ấy lo sợ không thể nói hết, tự nghĩ, ta trở về cũng chết, dừng lại cũng chết. Nếu đi thì một mất một còn, ta nên cứ theo đường này mà tiến tới trước. Đã có con đường, chắc có thể qua bờ kia. Khi nghĩ như vậy rồi, bỗng ở bờ đông có người lên tiếng khuyên: Này nhơn giả, ông cần phải quyết định đến đây, chắc chắn khỏi chết, nếu đứng đó chắc bị thiệt mạng. Lúc ấy ở bờ phía tây có người gọi: Ông hãy một lòng chánh niệm tiến thẳng đến đây, tôi sẽ giúp hộ ông, chúng ta không còn lo rơi vào tai nạn nước lửa. Người ấy đã nghe lời gọi ở hướng tây, liền quyết định chỉnh đốn thân tâm tìm đường tiến tới, không sanh lòng nghi sợ thối lui. Mới

bước đi được vài ba bước, thì những người trong nhóm oan gia rượt đuổi đã gọi: Này nhơn giả hãy trở lại, đường ấy nguy hiểm không thể qua được, cố đi chắc bị mất mạng. Chúng tôi đây không có ác ý muốn hại ông đâu. Người này tuy nghe tiếng gọi vẫn không quay đầu trở lại, một lòng thẳng tới, nhắm hướng tây mà tiến, chẳng bao lâu liền đến được bờ phía tây, vĩnh viễn xa lìa các tai nạn, gặp được bạn lành, vui vẻ không cùng.

Căn cứ vào thí dụ, thì *bờ phía đông* là chỉ nhà lửa của cõi Ta bà này. Nói *bờ phía tây* là chỉ cõi báu Cực lạc. Nói *bọn giặc, ác thú đuổi theo bên mình* là chỉ tứ đại, ngũ âm, lục căn, lục trần, lục thức của chúng sanh. Nói *không có người cùng đi*, là chỉ thường theo bạn ác, không gặp thiện tri thức. Nói *hai sông nóng lạnh*, là chỉ chúng sanh tham ái như nước, giận ghét như lửa. Nói *chính giữa có một đường trắng bốn năm tấc*, là chỉ trong phiền não tham sân, có thể sanh tâm tịnh nguyện vãng sanh. Do tham sân mạnh là dụ cho nước lửa, lòng thiện yếu nên dụ đường trắng. Nói *nước sóng thường làm ướt đường* là dụ lòng ái thường khởi, làm nhiễm ô thiện tâm. Nói *đống lửa thường đốt đường* là dụ tâm giận và ganh ghét, có thể đốt cháy pháp tài công đức. Nói *người đi trên đường hướng về tây*, là dụ người quay về thiện nghiệp thẳng đến Tây phương. Nói *bên bờ phía đông, có người khuyên tìm đường về Tây*, là dụ Phật Thích Ca đã diệt độ, người sau không gặp được, do có giáo pháp có thể tìm tiếng cũ. Nói *mới bước đi vài ba bước, bọn giặc kêu trở lại*, là chỉ những người ác hiểm, thiên lệch và làm theo tà, nói dối là hiểu biết để làm mê hoặc người tu, tự mình tạo tội và lui sụt. Nói *bờ phía tây có người gọi*, là dụ ý nguyện của Phật A Di Đà. Nói *giây lát liền đến bờ phía tây, vui mừng gặp lại bạn lành*, là dụ chúng sanh từ lâu chìm trong sanh tử, nhiều kiếp luân hồi, mê loạn tự trói, không làm sao giải thoát được, ngưỡng mong đức Thích Ca phát lòng từ mẫn, chỉ nẻo Tây phương, lại nhờ lòng Đại Từ bi của Phật A Di Đà tiếp dẫn. Nay, tin theo ý chỉ của hai đức Thế Tôn, không chạy theo hai sông nước lửa, hằng nhớ không đổi dời, nhưng theo Đại nguyện của Phật A Di Đà, bỏ báo thân này, được sanh về cõi Cực lạc, thấy Phật và Bồ tát có vui nào bằng! Tất cả

hành giả, lúc đi đứng ngồi nằm phải tu ba nghiệp, không kể ngày đêm, thời tiết thường hiểu và quán tưởng như vậy, gọi là hồi hướng phát nguyện tâm.

Lại nói *hồi hướng* là bao gồm người đã được sanh về Cực lạc rồi, còn khởi lòng đại bi trở lại sanh tử giáo hóa chúng sanh, cũng được gọi là hồi hướng. Ba tâm trên đã đầy đủ, không có hạnh nào chẳng thành. Hạnh và nguyện đã thành, nếu không được vãng sanh, thật không có lý đó.

Lại nữa, ba tâm này cũng thông nhiếp nghĩa của định thiện.

Từ *Lại có ba hạng hữu tình* đến *tu hành lục niệm*, là chỉ những căn cơ có thể kham nhận chánh pháp, y theo Phật dạy tu hành, và thọ pháp chẳng đồng, có 3 hạng:

a/ Lòng lành không giết hại, nhưng sát nghiệp có nhiều thứ: Hoặc dùng miệng giết, hoặc dùng thân giết, hoặc dùng tâm giết. Nói dùng miệng giết hại là xử phân, ra lệnh giết người, gọi là miệng giết. Dùng thân giết là động thân đánh đập, chém giết, hoặc trao cho người khác giết, gọi là dùng thân giết. Dùng tâm giết là tính toán, tìm phương cách, xúi dục cho người giết. Nếu nói về nghiệp giết không chỉ đơn giản có bốn loài mà tất cả đều có thể chiêu cảm sát nghiệp, chướng sanh về Tịnh độ. Trường hợp chỉ khởi tâm từ cứu giúp cho tất cả chúng sanh an lạc, bảo toàn sinh mạng, vẫn được gọi là giữ giới thặng diệu tối thượng. Đây cũng phù hợp với phước đầu tiên câu thứ ba nói là lòng từ bi không giết hại. Tự mình không giết, gọi là chỉ thiện, dạy người khác không giết gọi là hành thiện, mình và người đều dứt sát sanh gọi là chỉ thiện, cứu cánh vĩnh viễn trừ diệt gọi là hành thiện, duy có hai thiện chỉ, trì tổng kết thành từ bi hạnh. Nói đủ các giới hạnh: Nếu nói về giới người, trời và nhị thừa, thì gọi là tiểu giới (giới nhỏ); nếu nói về người đại tâm và đại hạnh tức gọi là Bồ tát giới, giới này nếu dùng vị để so sánh sẽ là ba vị ở thượng bô. Nói Bồ tát giới, là do người tu hành để trở thành Bồ tát, hợp với trì giới thiện căn của ba phước.

b/ Đọc tụng kinh điển Đại thừa: Tất cả chúng sanh có tập tánh không đồng, thật hành pháp tu có khác, hạng người ở trước, chỉ cần tu từ bi và trì giới làm công năng, hạng người thứ hai này, chỉ việc đọc tụng kinh điển đại thừa. Nhưng giới mà những căn cơ có thể trì là từ ngũ thừa đến quả Phật, còn pháp là trí huệ huân tu của tam hiền, thập địa và vạn hạnh. Nếu dùng đức dụng để so sánh, thì hạng người đọc tụng kinh điển đại thừa này thuộc về xuất thế gian thiện căn.

c/ Tu hành lục niệm là niệm Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí Xả và Thiên. Đây cũng thuộc về thiện căn xuất thế, ý nói niệm Phật là chuyên niệm Phật A Di Đà, dùng khẩu nghiệp công đức, dùng thân nghiệp công đức, dùng ý nghiệp công đức, tất cả chư Phật đều cũng như vậy. Lại một lòng chuyên niệm Pháp của chư Phật đã chứng và các Tăng quyển thuộc Bồ tát Tăng. Lại niệm giới luật của chư Phật chế ra và niệm chư Phật quá khứ, chư Bồ tát hiện tại, các ngài đã làm những việc khó làm, bỏ những việc khó bỏ, dẹp trừ phiền não bên trong, dứt dẹp hình tướng bên ngoài. Các Bồ tát này chỉ muốn niệm Pháp không tiếc thân mạng, tiền của. Hành giả niệm biết việc này, thường phải kính ngưỡng chăm học các bậc tiên hiền, hậu thánh, dù bỏ thân mạng cũng không thôi dứt. Lại niệm Thiên là niệm thiên định, là tối hậu thân của Bồ tát thập địa. Các ngài đã làm những hạnh khó làm, ba A tăng kỳ kiếp đã vượt qua, hạnh tu muôn đức đã thành, vị quán đảnh đã chứng. Hành giả đã niệm biết rồi, phải nhớ lại, thân ta từ vô số kiếp đến nay, cùng với các ngài, đồng thời phát nguyện dứt ác, thật hành đạo Bồ tát. Các ngài đã không tiếc thân mạng, lãnh đạo tiến tới địa vị nhơn tròn quả đủ, chứng vào vị thánh nhiều như vi trần trong đại địa. Còn phàm phu chúng ta, cho đến ngày nay, sống cuộc đời trống rỗng, nổi trôi trong ba nẻo sáu đường, phiền não ác chướng ngày càng thêm tăng, phước huệ mỗi ngày mỗi mỏng, không khác gì tấm gương trong sáng, cứ lấy đồ bẩn tồ đắp hàng ngày. Nếu người trí chợt nhớ nghĩ đến chuyện này, trong lòng không ai chẳng lo sợ hãi hùng!

Từ *Hồi hướng phát nguyện* đến *vãng sanh*, là chỉ các nghiệp đã tu, hướng đến chỗ

mong cầu và nói về thời tiết tu hành dài ngắn. Người tu phải phát nguyện thật hành trọn đời, một khi đã phát tâm rồi, thì suốt đời này không có thời chuyển, chỉ lấy việc vãng sanh Tịnh độ làm kỳ.

Từ *Nói đủ các công đức* là chỉ người bực thượng, thật hành trọn vẹn nguyện suốt đời, người bực hạ, nguyện từ 1 ngày lần đến trọn đời, giữ đúng điều phát nguyện thuở ban đầu, đem công đức tu hành đó hồi hướng, chắc chắn được vãng sanh. Từ *Khi sanh về nước kia đến vãng sanh quốc độ kia* chỉ khi lâm chung, Phật đến rước không đồng. Thời gian có chậm mau gồm 11 ý:

- Chỉ định quốc độ mà mình về.
- Nói rõ về thật hành, chỉ việc quyết định tinh cần, cũng là so sánh công đức nhiều ít.
- Nói Hóa chủ A Di Đà chính mình đến tiếp dẫn.
- Nói đức Quán Thế Âm và vô số đại chúng theo Phật A Di Đà nghinh đón hành giả.
- Nói về cung điện báu cùng theo.
- Nói Quán Âm, Thế Chí cùng cầm đài vàng

đến trước hành giả.

- Nói về Phật A Di Đà phóng quang chiếu đến hành giả.
- Nói Phật đã phóng quang chiếu đến và cùng Hóa Phật đồng thời đưa tay tiếp dẫn.
- Nói đã tiếp dẫn lên đài rồi, Quán Âm và chư Bồ tát đồng thanh khuyến tấn hành giả.
- Nói tự thấy mình ngồi đài sen theo sau Phật.
- Nói rõ thời gian được vãng sanh mau hay chậm.
- Nói *Ngồi trên đài vàng*, là chỉ không bị chướng ngại về hoa búp rồi mới nở.
- Nói *Thấy thân Phật đầy đủ và chứng trăm ngàn môn Đà Ra Ni* ⁽¹⁶⁾, là chỉ ngồi trên kim đài, theo sau Phật được lợi ích, có 3 ý:

1. Vừa nghe Diệu Pháp liền được vô sanh.
2. Chỉ trong giây lát lần lượt được thọ ký.
3. Về được cõi kia liền được hai lợi ích là nghe lời Phật và gìn giữ.

Từ *đây gọi là ... là phần tổng kết.*

(còn tiếp)

*Vu Lan về khi mùa đông đến
Gió lạnh về khắp cả Úc Châu
Cần lửa yêu thương sưởi ấm nhau
Cần tình mẹ - ấm lòng con trẻ.*

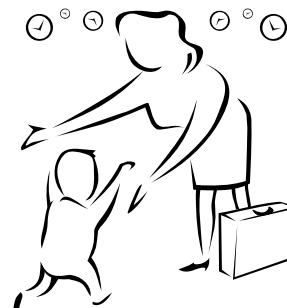
*Làm sao mới hết tình của mẹ
Lớn rồi mẹ vẫn thấy ngây thơ
Mẹ lo lắng - con lại hững hờ
Mẹ luôn cho con không chịu nhận.*

*Mẹ vì con suốt đời lận đận,
Nuôi con bằng máu huyết con tim
Con lớn - mẹ hình hài tiêu tụy.*

*Mẹ dạy con một đời chung thủy
Biết nghĩa nhân và biết nhịn nhường
Cho dù lưu lạc khắp muôn phương
Con ghi nhớ những lời căn dặn.*

Vu Lan

Minh Quang



*Con biết mẹ yêu như biển mặn,
Một vị thôi của một đại dương
Riêng mẹ hiền vị ngọt yêu thương
Mẹ cho con biết bao yêu mến.*

*Vu Lan về khi mùa đông đến
Tuổi chát chồng mẹ lại già thêm
Bụi thời gian nhuộm mái tóc mềm
Con chỉ biết làm thơ tặng mẹ.*



(tiếp theo)

69. Cúng heo quay trả lễ có mang tội không?

100

Câu hỏi Phật pháp

PHƯỚC THÁI

Hỏi: Con có khấn vái với thần linh, khi nào con trai của con có việc làm ở Úc, thì con sẽ cúng một con heo quay để trả lễ. Bây giờ thì con của con đã có việc làm. Nhưng, sau khi nghe quý thầy giảng pháp nói về việc sát sanh tội lỗi, con không muốn cúng heo quay nữa. Vậy bây giờ con xin cúng trái cây để trả lễ có được hay không?

Đáp: Tin là một đức tính quý báu của người Phật tử. Nhưng điều quan trọng là phải đặt định niềm tin đúng chỗ. Nói rõ hơn, người Phật tử phải chánh tín. Người Phật tử không tin sâu vào nhân quả, thì chưa phải là Phật tử. Thay vì tin nhân quả, Phật tử lại đặt niềm tin ở nơi Quý Thần. Vì tin vào sự gia hộ của Quý Thần, nên Phật tử mới van vái cho con trai của mình mau có việc làm. Lúc Phật tử van vái khấn cầu, thì khấn cầu là cúng heo quay trả lễ. Sau khi van vái, thì con trai của Phật tử may mắn được có việc làm. Nay, Phật tử đổi ý vì sợ mang tội sát sanh. Như vậy Phật tử không sợ Thần linh nổi giận hay sao? Vì Phật tử đã gạt Thần linh kia mà! Đó là Phật tử thêm một lỗi nữa là thiếu đức tánh thành thật.

Vấn đề này, tôi xin giải đáp phân hai, rồi tùy ý Phật tử suy xét mà quyết định.

Thứ nhất, Nếu Phật tử cúng heo quay đúng như lời van vái (vì Phật tử đã tin như thế) thì phải chấp nhận mang tội sát sanh. Giả như, bây giờ tôi khuyên Phật tử nên cúng trả lễ bằng trái cây, sau khi cúng, nếu yên xuôi không có chuyện gì xảy ra cho con trai hay gia đình của Phật tử, thì mọi việc không sao. Nhưng, nếu có chuyện gì xảy ra, (ở đời nhân quả làm sao biết trước được) thì đổ thừa tại tôi khuyên bảo cúng như thế, nên mới xảy ra có sự này. Bởi vì, Phật tử tuy đã quy y Tam Bảo, nhưng lòng tin của Phật tử thì lại khác. Nghĩa là Phật tử chưa có đủ tín tâm vào Tam Bảo. Trong khi Phật tử quy y Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng, thì Phật đã dạy rõ: «**Sau khi quy y Phật rồi, Phật tử không được quy y ở nơi Thiên, Thần, Quỷ, Vật**». Phật tử đã coi Thiên,

Thần, Quỷ, Vật hơn Phật, nên mới cầu khấn van vái như thế. Bởi Phật tử không có đủ niềm tin Phật, nên mới van vái cầu khấn với Quý Thần.

Điều này, nếu luận xa hơn một chút, căn cứ vào nhân quả mà nói, thì con trai của Phật tử xin được việc làm, đâu có phải do Phật tử van vái cầu nguyện mà được. Đó chẳng qua do nhân và quả của đứa con trai của Phật tử mà thôi.

Thứ đặt vấn đề, nếu nhờ cầu khấn van vái mới xin được việc làm, vậy thì, thử hỏi ở xứ Úc này, biết bao nhiêu người có việc làm, chả lẽ những người đó đều phải khấn cầu van vái cúng heo quay hết sao? Tại sao người ta không van vái gì cả mà họ vẫn có việc làm? Phải chăng, tất cả đều do khả năng và ý chí của họ. Việc làm ở Úc có rất nhiều công việc khác nhau. Người chủ nhận việc, căn cứ vào trình độ học lực và khả năng cũng như sức khỏe của người xin việc mà họ nhận hay không, đó là quyền của họ.

Giả như sau này, công việc mà con trai của Phật tử đang làm, xảy ra điều gì đó làm mất lòng người chủ, người chủ liền sa thải, tất nhiên con của Phật tử phải bị thất nghiệp. Khi đã thất nghiệp, muốn có việc làm lại, thì Phật tử phải tiếp tục van vái cầu khấn cúng heo quay nữa. Nếu trong gia đình của Phật tử giả sử có 10 người con, mỗi người tới tuổi trưởng thành phải đi làm, thì những người đó, Phật tử đều phải van vái cúng tế một con heo quay hết sao? Nếu Phật tử tin như thế, thì tôi cũng xin đầu hàng, không còn gì nữa phải nói. Khi tin một điều gì, chúng ta cần phải biện luận cho có lý lẽ. Người Phật tử không thể nhắm mắt tin càn, tin một cách mù quáng được. Nếu tin như thế, thì còn gì gọi là Phật tử. Xin Phật tử hãy dùng trí huệ suy xét thật kỹ về vấn đề này.

Thứ hai, nếu Phật tử sợ mang tội sát sanh, phải

chịu quả báo sau này, thì Phật tử nên cúng trả lễ bằng trái cây. Thật ra cúng hay không cúng là do lòng tin của Phật tử. Tin thì có, không tin thì không có. Người xưa có câu nói: “*linh tại ngã, bất linh tại ngã*”. Có khi nào Phật tử cúng mà vị Thần nào đó đến thụ hưởng đồ vật cúng đó hay không? Hay là mọi người trong thân bằng quyến thuộc hưởng dụng. Mọi người hưởng dụng béo bổ ngon miệng, trong khi đó, thì tội lỗi gây ra chỉ một mình Phật tử lãnh lấy hết. Như thế, Phật tử có cam tâm làm như thế không? Phật tử tin chắc vào nhân quả. Mọi việc xảy ra xấu tốt cho mình, tất cả đều do mình gây tạo. Nếu mình đời trước gây tạo nhân lành, thì đời này mình sẽ gặt hái quả lành. Ngược lại, nếu đời trước hoặc nhiều đời trước nữa mà mình tạo nhân bất thiện, thì đời này khi quả thuận thực xảy đến, thì mình phải nhận lấy. Vì nhân quả không chỉ xảy ra trong hiện đời mà nó đã trải qua nhiều đời. Người Phật tử phải có niềm tin chắc chắn đúng theo chân lý nhân quả như thế, thì không có gì gây ra cho ta sợ hãi cả. Mình làm mình chịu, không than oán trách ai.

Tôi khuyên Phật tử nên sáng suốt mà nhận định vấn đề. Phật tử nếu có lòng tin vào Tam Bảo, nhân quả, thì đừng bao giờ nghe theo ai. Vì ở đời, không ai có quyền quyết định cho mình, mà tất cả nên hư, thành bại, xấu tốt... đều do mình định đoạt lấy. Nên tin theo lời Phật Tổ dạy mà cố gắng làm lành. Cứ gây tạo nhân lành, thì tất nhiên sẽ có quả lành. Nhân quả không bao giờ sai chạy, chẳng qua nó đến với mình có mau chậm mà thôi.

Tóm lại, Những điều giải đáp của chúng tôi trên đây, tất cả đều căn cứ theo luật nhân quả mà chúng tôi có đôi lời khuyên giải. Tùy Phật tử quyết định lấy.

70. Không có thiết lập bàn thờ Phật có tụng kinh được không?

Hỏi: Kính thưa thầy, nhà con không có thờ Phật, chỉ có bàn thờ ông bà, mặc dù con rất tin tưởng Phật Pháp, nhưng vì hoàn cảnh gia đình chật chội, nên con không có lập bàn thờ Phật. Vậy xin hỏi: con có tụng kinh được không?

Đáp: Xin thưa ngay là được, không có gì trở ngại. Tuy nhiên, ở đây, chúng tôi cũng xin góp thêm chút ý kiến nói rộng hơn về vấn đề này. Đứng về phương diện hình thức sự tướng lễ nghi mà nói, thì khi tụng niệm bái sám, Phật tử cần phải có thiết lập bàn thờ Phật và phải tôn thờ Ngài nơi chỗ trang nghiêm thanh tịnh.

Phật hay Bồ tát, tuy là hình tượng, nhưng người Phật tử phải luôn kính trọng tôn thờ. Ta tôn thờ Phật là vì ta nhớ đến công ơn giáo hóa của Ngài. Vì Ngài là người giác ngộ hoàn toàn. Tuy Phật đã nhập diệt rất lâu xa, nhưng Ngài còn để lại cho chúng ta một kho tàng kinh điển vô giá, gồm có ba tạng kinh điển. Nhờ đó mà chúng ta mới nghiên cứu học hỏi và mới biết được đường lối tu hành thoát ly sanh tử khổ hải. Như vậy, công ơn của Ngài thật quá lớn lao, không sao kể xiết. Thế nên người Phật tử sau khi quy y, nghĩ đến công ơn lớn lao đó của Ngài mà ta nên thỉnh tượng Phật về nhà để tôn thờ.

Thờ Ngài với mục đích chính là để chúng ta ra vô thấy hình tượng của Ngài để chúng ta bắt chước noi theo tấm gương công hạnh cao cả giác ngộ giải thoát của Ngài. Kể từ đó, chúng ta cố gắng thật hành theo những gì mà Ngài đã chỉ dạy. Chúng ta nên đem những lời dạy đó mà ứng dụng trong đời sống thực tế hằng ngày. Có thế, thì việc thờ Ngài mới được lợi ích. Và thờ Phật như thế mới đúng với ý nghĩa thờ Phật.

Ngược lại, nếu ta thờ Phật, Bồ tát để mong cầu các Ngài ban ơn giáng phước, hay trừ tà giải nạn, gia hộ độ trì cho mọi người trong gia đình luôn được mạnh khỏe, quanh năm suốt tháng gia đạo luôn được bình an, không xảy ra tai họa. Thờ Phật hay Bồ tát như thế thì thật là một sai lầm rất lớn. Thờ với quan niệm như thế, có khác nào xem Phật hay Bồ tát như là một vị thần linh. Tệ hơn nữa, có người còn lo cúng kiến như lo lót hối lộ cho các Ngài phù hộ. Nếu không được như ý, thì các Ngài không linh. Phật hay Bồ tát là những người giác ngộ, mà ta lại xê dịch biến các Ngài qua vị trí trở thành Thần linh gia hộ. Thật là quá mê lầm tội lỗi! Thế nên, người Phật tử khi thờ Phật hay Bồ tát, cần phải học hỏi hiểu rõ ý nghĩa của sự

tôn thờ này. Nếu không, thì chúng ta sẽ mang trọng tội với các Ngài.

Tại sao Phật tử lại thờ kính ông bà? Có phải Phật tử vì nghĩ đến công ơn sanh thành giáo dưỡng sâu nặng của cha mẹ ông bà mà Phật tử tôn thờ hay không? Cha mẹ ông bà chỉ là người cho ta cái hình hài thể chất này mà ta còn phải nhớ ơn quý kính tôn thờ như thế, huống gì đối với đức Phật đã chỉ dạy cho ta có thêm nhiều trí huệ sáng suốt và vạch bày cho chúng ta một con đường giác ngộ giải thoát vĩnh viễn không còn sanh tử khổ đau. Như thế, thì thử hỏi ân đức của Ngài đối với chúng ta lớn lao đến bậc nào? Vì thế việc thờ Phật ở trong gia đình đối với người Phật tử tại gia cũng rất là thiết yếu quan trọng.

Trở lại câu hỏi của Phật tử, Phật tử tuy có lòng tin tưởng Phật pháp, nhưng vì gia cảnh chật chội nên không thể thiết lập riêng bàn thờ để thờ Phật. Mặc dù Phật tử không có thờ Phật, nhưng vẫn có thờ ông bà. Việc thờ cúng tổ tiên ông bà là một điều rất tốt theo phong tục truyền thống hiếu đạo của người Việt Nam. Việc thờ phụng ông bà đó là điều rất quý tôi hết lòng tán dương Phật tử.

Nếu gia cảnh của Phật tử chật chội, không thể thiết lập một bàn thờ Phật riêng, nhưng khi tụng niệm lễ bái, thì Phật tử cũng có ý muốn là có hình tượng Phật để chiêm ngưỡng lễ bái. Theo tôi, thì Phật tử nên linh động, thay vì đã có bàn thờ ông bà, thì tại sao Phật tử không thờ Phật ở trên. Phật tử nên tìm cách tạo phương tiện như thế nào đó cho nó thích hợp. Nghĩa là vừa thờ ông bà mà cũng vừa thờ Phật.

Như thế, thì được lưỡng lợi cả hai. Vì ông bà cũng phải tôn kính Phật, nên thờ Phật ở tầng trên, và thờ ông bà ở tầng dưới, như thế có gì là thất kính mà có lỗi đâu. Và thờ như thế cũng đâu có chiếm thêm vị trí nào khác mà chật chội. Tại vì hoàn cảnh mình phải làm như thế. Phật và ông bà không có trách cứ Phật tử đâu, ngược lại, chẳng những không trách cứ mà các vị đó còn thương xót Phật tử nhiều hơn nữa. Vì biết Phật tử là người có tấm lòng tốt, chí hiếu, nhưng vì gia cảnh chật chội phải thờ phụng như thế mà thôi.

Tôi thành thật khuyên Phật tử nên làm như thế. Vì có thờ Phật, khi Phật tử tụng niệm bái sám, nhìn thấy hình tượng tướng hảo của Phật hay Bồ tát, thì nó càng tăng thêm niềm tin và lòng quy kính của Phật tử hướng về Tam Bảo. Và do đó, việc tụng niệm của Phật tử càng có thêm sự tha thiết chí thành. Nhờ đó mà lòng của Phật tử càng cảm thấy vui tươi an lạc dịu hiền tươi mát hơn. Đây cũng là một điều rất hệ trọng cho đời sống tâm linh, xin Phật tử hãy quan tâm suy xét lại cho thận trọng kỹ càng.

Đó là nói theo phần sự tướng bên ngoài, còn luận về lý tánh bên trong, thì Phật tử thường xoay về tự tâm quán chiếu từng giây phút không cho phiền não phát sanh, như thế thì Phật tử đang thờ Phật và thật sự tôn kính ông Phật của Phật tử rất mực rồi. Vì mỗi người đều sẵn có ông Phật. Thờ Phật ngoài để làm sáng tỏ Phật tự tâm của mình. Thờ Phật như thế, mới đúng là « *Sự Lý viên dung* ». Và thờ Phật như thế, mới thật sự đúng với ý nghĩa thờ Phật. Kính mong Phật tử phải thờ Phật cả hai như thế. Có thờ như thế, thì mới mong thoát khổ. Còn nếu chỉ biết có ông Phật ở bên ngoài không thôi, thì thật sự chưa đúng với ý nghĩa thờ Phật vậy.

71. Khi niệm Phật thấy hình tượng Phật có lỗi không?

Hỏi: *Kính thưa thầy, vào giờ con niệm Phật công cử, trong tư tưởng con thường hay mong muốn thấy hình tượng Phật Di Đà và hình tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Xin hỏi: sự mong muốn đó có lỗi gì không?*

Đáp: Xin thưa ngay trong lúc liên hữu đang niệm Phật mà vọng cầu như thế thì thật là có lỗi. Lỗi này liên hữu cần nên tránh. Liên hữu nên nhớ, Phật Tổ dạy chúng ta niệm Phật với tâm ý là để cho chúng ta diệt trừ phiền não, cho tâm ta được an định. Niệm Phật mà tâm không an định, đó là chúng ta đã niệm Phật sai rồi. Lẽ ra khi niệm Phật công cử hay không công cử cũng phải như thế. Ngược lại, đằng này liên hữu không niệm như thế mà còn niệm Phật với tâm vọng động mong cầu cho được thấy hình tượng Phật và Bồ tát, thì quả đó là một sai lầm rất lớn. Vì sao? Vì có mong cầu là

có vọng tưởng. Niệm Phật mà còn có vọng tưởng như thế, thì làm sao tương ứng với pháp môn niệm Phật. Và như thế, thì đã trái với yếu lý niệm Phật mà Phật Tổ đã chỉ dạy rồi.

Tôi xin nhắc lại để cho liên hữu chú ý là: *“niệm Phật mục đích chính là để dứt trừ phiền não”*. Phiền não có giảm thiểu, thì tâm ta mới được an lạc. Tâm có an lạc, thì mới có được lợi ích hiện đời và tương lai mới có hy vọng vãng sanh. Bởi tâm có an lạc thì mới tương ứng với cảnh giới Cực lạc mà chúng ta đang quy hướng.

Nhưng ở đây thì trái lại, liên hữu niệm Phật mà còn có khởi vọng tâm mong cầu để thấy Phật và Bồ tát, thì đó là điều trái với sự niệm Phật. Khi niệm Phật, hành giả chỉ nhiếp tâm vào câu hiệu Phật không nên vọng nghĩ điều gì. Chư Tổ thường dạy là: *« tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau và phải niệm cho rành rõ »*.

Niệm Phật tuy có nhiều cách, nhưng cách tốt nhất vẫn là trì danh niệm Phật. Nhưng dù niệm Phật cách nào đi chăng nữa, điều tối kỵ là có vọng tâm mong cầu. Bất cứ mong cầu điều gì cũng là bệnh cả. Đó là bệnh vọng tưởng phiền não. Tối kỵ nhất là vọng cầu thấy hình tượng Phật bên ngoài. Có vọng cầu dù là vọng cầu thấy Phật, đó cũng là phiền não vọng tưởng mà thôi. Đã có phiền não thì đã trái với Sự và Lý niệm Phật rồi. Liên hữu nên nhớ, tất cả đều từ tâm mà ra.

Nếu khi liên hữu mong muốn thấy Phật, thì chính cái mong muốn đó là vọng tưởng. Còn có vọng tưởng là còn sanh diệt, tức nhiên còn có vui buồn vừa ý hoặc không vừa ý. Vừa ý thì vui, không vừa ý thì buồn. Đó là ma vui ma buồn dẫn dắt liên hữu. Như vậy là niệm trên sự buồn vui chớ đâu phải niệm Phật. Điều này rất quan trọng mà tất cả liên hữu chúng ta cần phải lưu ý.

Có người khi họ niệm Phật, thay vì tập trung tâm ý vào câu Phật hiệu, cho tâm được thuần nhất an định, họ lại mơ ước thấy Phật tượng bên ngoài. Khi thấy Phật tượng bên ngoài hiện ra, thì họ rất vui mừng, cho đó là kết quả của sự niệm Phật. Từ đó, mỗi khi niệm Phật, họ

đều khởi ý mong cầu cho thấy Phật như thế. Liên hữu nên nhớ, tất cả cảnh đều từ tâm. Dù cảnh tốt hay cảnh xấu cũng đều từ tâm vọng mà ra. Phật Tổ dạy ta niệm Phật là để cho tâm ta được an định. Có an định mới có trí huệ. Có định huệ thì không có phiền não. Không phiền não, thì mới được nhứt tâm. Đó là chủ yếu mà trong Kinh tiểu bản Di Đà, đức Phật Thích ca đã dạy chúng ta như thế. Niệm Phật để được đi dần đến chỗ *« Nhứt tâm bất loạn »*, niệm Phật như thế mới hợp với ý Phật Tổ dạy.

Còn có tâm vọng cầu là còn chạy theo cảnh duyên bên ngoài. Còn theo cảnh duyên bên ngoài đó là cửa ngõ dễ bị ma dẫn dắt. Giả như có thấy Phật thiết ứng thân đi nữa, cũng chưa phải là thấy Phật, đừng nói chi thấy Phật qua hình tượng.

Trong Kinh Kim Cang Bát Nhã Phật đã từng dạy :

*Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhơn hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai.*

Nghĩa là:

Nếu ai cho rằng thấy sắc tướng của Phật mà cho là thấy Phật hay nghe âm thanh của Phật thuyết giảng mà khởi tâm tìm cầu Phật. Phật nói: *« kẻ đó đang thật hành đạo tà, không bao giờ thấy được Như Lai »*. Tại sao thế? Cũng trong Kinh này, ở một đoạn khác Phật nói: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”*. Nghĩa là: phàm cái gì có hình tướng đều là hư dối, nếu thấy các tướng, chẳng phải tướng thật, chính đó mới thấy được Như Lai. Như lai là bất sanh bất diệt, còn các tướng đều sanh diệt hư dối không thật. Đã là hư dối, thì tại sao ta lại mong cầu? Phật tử nên nhớ, Phật dạy, ngoài tâm mà cầu Phật đó là ngoại đạo.

Như vậy, người muốn thấy Phật phải thấy bằng cách nào? *“Phải thấy không chỗ để thấy, tức là phải ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*. Còn có tâm dính mắc vào bất cứ cảnh nào, cũng đều là tà ngoại cả, chớ không phải thấy

Phật thiệt. Phật thiệt phải chính ở nơi bản tâm mình. Khi nào tâm mình lặng hết vọng tưởng, thì ngay đó Phật thiệt của mình mới hiện ra, khỏi cần tìm kiếm ở đâu xa. Còn có khởi tâm tìm kiếm là đã sai rồi. Nói rõ hơn là đã mất ông Phật thiệt của mình rồi. Vì ông Phật ứng thân giáng sanh ở Ấn Độ sống được 80 năm rồi nhập diệt, ông Phật đó cũng là ông Phật giả mà thôi. Vì ông Phật đó có sanh có diệt.

Bây giờ, người ta đi qua Ấn Độ đâu có ai còn thấy ông Phật Thích Ca đó nữa. Ông Phật có sắc thân với 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp mà còn không có thiệt, hà tất gì ông Phật do người ta tạo ra bằng cốt sắt xi măng hay bằng gỗ giấy mà có thiệt hay sao?

Tu hành mà dụng tâm sai, thì đó là đầu mối của ma vương dẫn dắt. Nếu hành giả không khéo thì sẽ nguy hiểm vô cùng. Chúng ta nên nhớ rằng, bọn ma nó có ngũ thần thông, nó muốn hiện ra thứ gì cũng được. Tùy theo ý muốn của mình, ham thích thứ gì thì nó sẽ hiện ra thứ ấy.

Thuở xưa, chính Tổ Ưu Ba Cúc Đa là vị Tổ sư thứ tư bên Ấn Độ còn phải bị lầm lẫn khi nó hiện ra hình ảnh đức Phật và các vị Thánh chúng. Là Tổ mà còn lầm ma tướng là Phật, như thế, còn đối với phàm phu chạy như chúng ta thì sao? Bản thân mình đã là ma rồi mà không chịu lo tìm cách để tiêu trừ, mà lại còn vọng cầu thấy này thấy nọ, đó là ma lại chồng chất thêm ma nữa.

Tệ hại hơn nữa, có người lại còn đi khoe khoang với mọi người cho rằng mình niệm Phật đã thấy Phật. Hỏi thấy Phật như thế nào? thì họ trả lời là thấy qua Phật tượng giấy. Nếu thấy Phật tượng giấy thì có gì khó khăn đâu. Chúng ta cứ mở to đôi mắt ra là nhìn thấy rồi. Đâu cần đợi đến khi niệm Phật mới thấy hình tượng đó. Như vậy, rõ ràng là họ thấy bằng vọng tưởng của họ. Vậy mà cũng đi khoe với mọi người. Người không hiểu biết, nghe nói tưởng là người đó tu hành công phu khá, vì nhờ tu khá nên mới thấy Phật.

Ngược lại, đối với những người có chút ít kinh nghiệm trong sự tu hành hay họ học hỏi nghiên cứu kỹ kinh điển Phật dạy, nghe nói thế, thì họ

lại đâm ra lo sợ và thật đáng thương xót cho người đó. Vì họ biết người đó đã sai lầm rồi. Nhưng vì người đó đã mang nặng mặc cảm định kiến, thì dù cho họ có thật tâm khuyên bảo, nhưng đâu dễ gì mà người đó chịu bỏ.

Thuở xưa, sơ tổ Liên Tông là Huệ Viễn đại sư khi nhập định, ở trong định, Ngài thấy Thánh cảnh Tây phương hiện ra 3 lần. Nhưng Ngài tuyệt nhiên không dám hở môi. Vì sợ người ta hiểu lầm chạy theo cái giả tướng mà mong cầu, thì đó là tai hại vô cùng. Cho nên Tổ yên lặng không bao giờ tiết lộ cho ai biết. Mãi cho đến khi sắp viên tịch, bấy giờ, Tổ mới nói cho các vị đệ tử biết.

Chúng ta nên nhớ, Ngài thấy Thánh cảnh trong lúc nhập định, bởi do nhập định tâm của Ngài thanh tịnh, an định nên nó mới tương ứng với cảnh Cực lạc. Do đó, nên cảnh cực lạc mới hiện ra, chớ không phải do Ngài vọng tâm mong cầu mà thấy. Đó là điều mà ta nên cần thận lưu ý.

Ngược lại, chúng ta chưa được như thế, mà khởi tâm mong cầu thì dễ bị ma nó dẫn dắt. Và cái thấy của ta là do vọng tưởng nó lừa hiện ra thôi, chớ không phải là thiệt. Nếu không khéo buông bỏ cứ mãi đắm mê chạy theo cái giả cảnh đó, thì có ngày chúng ta sẽ bị bệnh loạn trí. Đến khi bị ma nó dẫn dắt đi vào con đường mê loạn rồi, thì chừng đó chúng ta có hối hận ăn năn thì cũng đã muộn màng lắm rồi! Chi bằng chúng ta nên tránh nhân thì không có quả. Một khi đã vương bệnh nặng rồi, thì hết phương cứu chữa. Đó là điều rất tai hại nguy hiểm mà chúng tôi xin thành thật khuyên hành giả nên dè dặt cẩn trọng.

Tóm lại, liên hữu niệm Phật cứ nắm chắc sáu chữ Di Đà mà chuyên niệm, đừng khởi tâm vọng cầu muốn thấy thứ gì cả. Khi nào tâm của liên hữu được an định thanh tịnh rồi, thì chừng đó lo gì liên hữu không thấy Phật. Bởi vì khi đó tâm của liên hữu cùng tâm Phật tương ứng với nhau, nghĩa là nó có cùng một tần số, thì chắc chắn sẽ cảm ứng gặp nhau thôi. Kính mong liên hữu nên chú tâm cẩn trọng vấn đề này. Kính chúc liên hữu thành công trong việc niệm Phật cầu vãng sanh.

(còn tiếp)

Đạo Phật

Với việc xây dựng hạnh phúc gia đình

Đông Minh

Xã hội là một tập hợp nhiều gia đình. Gia đình có hạnh phúc thì xã hội mới được yên ổn giàu mạnh. Do đó, gia đình là một môi trường tốt để xây dựng tình cảm con người. Vì vậy, chúng ta phải biết tạo cho mỗi người trong gia đình có trái tim biết thương yêu, biết trách nhiệm. Nếu không, thì ngược lại gia đình sẽ trở thành địa ngục ở trần gian, mỗi ngày bốc khói ngợp thở và cuối cùng bị tan rã. Con người hơn loài vật là có lý trí và nhiều tình cảm. Kẻ nào không biết thương yêu cha mẹ mình, anh chị em mình thì khó mà thương yêu người khác được.. Vì vậy, người Phật tử cần phải biết áp dụng lời dạy của Phật trong việc xây dựng gia đình mình thành một cộng đồng yên ấm hạnh phúc. Muốn thể hiện được điều đó, chúng ta phải biết tháo gỡ những tư tưởng lạc hậu lỗi thời, hủ bại đã làm cho nhiều người trong gia đình đau khổ phiền muộn. Đó là cảnh chồng chửi vợ tồi, phu xướng phụ tùy, cha bảo con chết con không chết là con bất hiếu, hay ngược lại con cái bất kính cha mẹ, vợ chửi chồng, như nhà thơ Trần Tế Xương đã than thở trong một xã hội luân lý quá suy đồi:

*“Nhà kia lỗi đạo, con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua, vợ chửi chồng”.*

Luân lý Phật giáo là những nguyên tắc linh động, phù hợp với sự sống và sự sáng tạo. Đạo Phật chống lại thái độ cố chấp và giáo điều, luôn luôn cởi mở, dứt bỏ thành kiến để lắng nghe, đặt mình vào hoàn cảnh kẻ khác để cảm thông, chớ không phải để trách móc, chỉ trích. Là người Phật tử phải nên tìm hiểu tâm lý con cái, phải biết nhận xét hoàn cảnh xã hội và học đường ở những nước văn minh tiên bộ để cho con cái được tự do giao tiếp, ngõ hầu có một chọn lựa hợp lý, hợp thời. Đừng bao giờ cố chấp cho rằng “nam, nữ thọ thọ bất thân” hay “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”. Ngược lại, con cái không được hờn giận cha mẹ, trách móc

cha mẹ dù điều mà phải biết thông cảm hoàn cảnh khó khăn của cha mẹ nuôi dạy con, đặt kỳ vọng vào con cái, cố gắng chia sẻ những lo lắng buồn vui của cha mẹ để từ đó khiến cho cha mẹ hiểu được mình nhiều hơn.

Theo kinh Thiện Sanh, Đức Phật dạy kẻ làm con phải có bốn phận đối với cha mẹ mình như sau:

- Chăm sóc giấc ngủ của cha mẹ theo thời tiết nóng hoặc lạnh, để cha mẹ được vui lòng.
- Chăm sóc miếng ăn, thức uống cho cha mẹ lúc mạnh cũng như khi bệnh.
- Lo gánh vác hết mọi công việc nặng nhọc cho cha mẹ, để cha mẹ được vui hưởng tuổi già.
- Phải lo đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ lúc còn sống.
- Phải chăm sóc thuốc thang cho cha mẹ trong lúc đau yếu và luôn ở cạnh bên giường bệnh cha mẹ, để cha mẹ vui lòng.

Ngược lại, cha mẹ cũng phải có bốn phận đối với con cái như sau:

- Phải dạy con bỏ điều ác, làm điều lành để thành người lương thiện.
- Dạy dỗ con cái gần gũi kẻ tốt, trí tuệ, xa lánh người xấu.
- Khuyến con cái cần mẫn học hành và trau dồi trí tuệ.
- Chấp nhận và lo việc hôn nhân cho con cái, miễn sao phù hợp với luân lý đạo đức con người.
- Phải để con cái tham dự bàn tính việc nhà, cùng góp công trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình.

Ngoài ra, muốn xây dựng hạnh phúc gia đình, người Phật tử cần phải biết thực hành pháp lục hòa và mười nghiệp lành của Phật như sau:

A/ Pháp lục hòa: Đó là sáu cách hòa kính để xây dựng hạnh phúc gia đình.

1/ Thân hòa đồng trụ: Cùng sống chung với nhau dưới một mái nhà, hay một hoàn cảnh sinh hoạt cộng đồng, vui vẻ chấp nhận sự có mặt của nhau. Thường thì mọi người trong gia đình ai cũng có nỗi niềm riêng. Trường hợp không chia sẻ được với ai trong gia đình mới đem chia sẻ với bạn bè. Một gia đình không đầm ấm thì khó mà chia sẻ được nỗi niềm đó. Vậy phải tạo ra những cơ hội đầm ấm để mọi người cùng chia sẻ với nhau khi vui cũng như lúc buồn. Đó là niềm hạnh phúc lớn lao cho mọi gia đình. Nhất là nên cố gắng tránh đi cảnh như câu ca dao sau đây:

*“Thứ nhất vợ đại trong nhà,
Thứ nhì nhà đột, thứ ba nợ đòi”.*

2/ Khẩu hòa vô tránh: Nói lời từ tốn, không cãi cọ tranh chấp và chửi rủa mắng nhiếc kẻ khác. Nói lời hòa nhã không gây chia rẽ, không làm mất đoàn kết tập thể. Luôn giữ thái độ bình tĩnh, nhã nhặn thông cảm mới tránh được mọi xung đột, ấu đả. Tránh lớn tiếng nặng lời khiến người nghe thấy khó chịu, bực tức, buồn rầu. Tục ngữ ta có câu:

*“Lời nói không mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.*

3/ Ý hòa đồng duyệt: Biết dung hòa ý kiến người khác để chấp nhận nhau và sống an vui với nhau. Mỗi người có ý kiến khác nhau, nhưng vẫn sống hòa thuận với nhau, thương yêu nhau, nếu ta biết tỏ thái độ cởi mở, biết lắng nghe, hiểu biết để dung hòa ý kiến nhau. Phải biết tôn trọng ý kiến kẻ khác và đừng bao giờ chế nhạo, độc tài bắt ép kẻ khác phải nghe theo ý mình. Nhiều khi ý kiến của người lớn hay tập thể vẫn bị làm lẫn, trong khi ý kiến của con cái hay cá nhân lại đúng hơn. Nhất là phải biết lưu tâm đến những lo âu của kẻ khác để góp ý xây dựng một cách thân mật hơn là bới moi chỉ trích. Xưa ông Galilê chứng minh được trái đất tròn, nhưng giáo hội Thiên chúa bảo trái đất vuông và dung quyền lực bức tử ông ta. Vì vậy, đức Phật dạy phải có tâm ý vui vẻ hòa hiệp trong lúc chung sống với nhau. Tục ngữ ta có câu nhằm khuyên mọi người tuy ý kiến không đồng nhưng vẫn có thể sống chung hạnh phúc, nếu mỗi người có tấm lòng biết hy xả vậy:

“Bầu ơi! Thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.”

4/ Giới hòa đồng tu: Cùng nhau học tập và giữ gìn với nhau những kỷ luật đã được chấp nhận, như những nguyên tắc hướng dẫn cộng đồng. Đối với người Phật tử cần phải giữ gìn giới luật, đó là những kỷ luật do Phật chế ra cho các đệ tử nương theo mà tu hành giải thoát. Giới luật rất quan trọng, như chiếc thuyền đưa người qua sông, như ngọn đuốc soi đường cho khách dạ hành và là tuệ mạng của người Phật tử. Người Phật tử muốn xây dựng một gia đình đầm ấm hạnh phúc cần phải biết giữ gìn năm giới cấm và mười nghiệp lành của Phật. Trong sách Quy Nguyên Trục Chỉ có dạy: “Giới hay sanh định. Định hay sanh huệ. Huệ thì minh tâm. Minh tâm thì kiến tánh thành Phật.”

5/ Kiến hòa đồng giải: Trao đổi và chia sẻ với nhau những ý kiến, những nhận thức. Tuy nhận thức và ý kiến đôi khi nghịch nhau, nhưng nếu mỗi người đều biết cởi mở, lắng nghe và phá chấp thì họ có thể hiểu rõ được quan điểm kẻ khác và học hỏi thêm được những điều mới lạ. Nhiều gia đình giàu có nhưng không hạnh phúc, vì ý kiến của người trong nhà trái ngược nhau. Tuy nhiên, có những gia đình nghèo nhưng vẫn hạnh phúc, vì cha mẹ và con cái biết đồng tâm nhất trí trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình và thực hiện lý tưởng xây dựng con người và xã hội. Lý tưởng đại thừa Phật giáo dạy ta xây dựng con người thật xứng đáng biết lo cho người khác, cho xã hội, quốc gia. Sự bàn luận giữa cha mẹ và con cái trong gia đình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong ánh sáng giác ngộ của đức Phật, sẽ tạo cho mỗi người trong gia đình những quan điểm, những kiến giải trở nên gần gũi thân ái hơn. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật dạy: “Nếu chưa ngộ được thể tánh chơn tâm thì dù cho nói cách nào cũng sai cả”, chẳng khác nào người mù sờ voi vậy. Điều nên nhớ là:

*“Đừng có tôn thờ chủ nghĩa chi,
Chỉ là vọng kiến tham sân si”.*

6/ Lợi hòa đồng quân: Tài sản là của chung, mọi người có quyền sử dụng và chia sẻ theo nhu cầu thiết yếu của mình, đồng thời mỗi

người có trách nhiệm gìn giữ và bồi đắp những tài sản chung đó. Tiền bạc của cải chỉ là vật ngoại thân, nhưng thiếu nó thì gia đình trở nên cùng túng, dễ sinh ra xung đột. Mặc dù người cha là trụ cột trong gia đình làm ra tiền của nhưng người mẹ cũng có công giữ gìn nó và chăm sóc con cái, nên ngân sách gia đình là của chung, là « của chồng công vợ ». Người cha chớ nên nghĩ rằng tiền mình làm ra rồi tự ý tiêu xài, mà không chịu đưa đầy đủ cho vợ con. Gia đình phải thực sự là một cộng đồng ruột thịt, phải để con cái biết rõ ngân sách gia đình, nhờ đó chúng có thể góp ý và bàn cãi về ngân sách, bỏ đi những đòi hỏi quá đáng, đồng thời có trách nhiệm đóng góp, lo lắng thương cha mẹ nhiều hơn. Cha mẹ đừng bao giờ bắt con cái đưa hết tiền lương của chúng cho mình và người con cần phải có bổn phận phụ giúp cha mẹ về các chi phí hàng ngày như tiền điện, tiền nước. Tục ngữ ta có câu nhằm khuyên mọi người chớ nên vì cái lợi nhỏ mà làm mất hòa khí trong gia đình.

*« Miếng ăn là miếng tội tàn,
Mất đi một miếng lợn gan lên đầu. »*

B/ Mười nghiệp lành : Đó là con đường sự nghiệp của mười điều lành.

1/ Không được giết hại : Dù là sinh vật nhỏ cũng nên tôn trọng sự sống của chúng, ngoại trừ vi trùng, vi khuẩn, gây hại mọi người. Tự mình cũng đừng bảo người khác giết hoặc thấy người khác giết mà vui theo đều có tội cả. Chúng ta cố gắng tránh nghiệp sát, bởi vì chư Tổ đã dạy :

*« Hết thấy chúng sanh không nghiệp sát,
Mười phương nào có nổi đao binh.
Mỗi nhà mỗi chốn đồng tu thiện,
Thiên hạ lo gì chẳng thái bình. »*

2/ Không được trộm cắp : Phải tôn trọng tài sản của kẻ khác, nếu người không cho, không được lấy, dù vật nhỏ như cây kim, sợi chỉ đi nữa. Tuy nhiên cũng phải biết ngăn chặn những kẻ làm giàu bất chính trên sự đau khổ kẻ khác. Chư Tổ đã dạy : « Thà bị chặt tay, chớ không lấy của quý ».

*« Khoét vách đào tường chẳng nghĩ đâu,
Ngàn mưu trăm kế luống tham cầu.
Của người dầu có đời nay được,*

Đời khác sanh làm kiếp ngựa trâu. »

3/ Không được tà dâm : Không được lén lút lang chạ phi pháp với người khác không phải chính thức vợ chồng. Phải biết bảo vệ danh dự bản thân mình và không được phá hoại hạnh phúc gia đình người khác. Vợ chồng ân ái phải có chừng mực, nên tránh cảnh « ông ăn chả, bà ăn nem » khiến gia đình mất hạnh phúc dễ bị tan rã. Thiền sư Trí Bảo có bài kệ khuyên Phật tử chớ nên tà dâm : « Bỏ tất vợ mình biết đủ rồi, Sao còn ham muốn vợ con người ? Thiếp thê ai nấy lo gìn giữ, Chớ để lòng mình nghĩ là lợi ! ».

4/ Không được vọng ngôn : Không được nói dối để mưu cầu tiền hay sự kính trọng, phải nói lời chân thật để cứu người vô tội, làm sáng tỏ những giả dối bất công tàn ác. Không nên phê phán những gì mà mình chưa rõ, trường hợp nói dối để cứu người và vật thì không tội.

5/ Không được ỷ ngữ : Không được nói lời thêu dệt, loan truyền những tin tức thất thiệt, gây hoang mang sợ hãi cho người. Phải nói lời chân thật, không nên chuyện không nói có, chuyện có nói không rất tai hại vậy.

6/ Không được lưỡng thiệt : Không được nói hai lưỡi, đem chuyện người này nói xấu với người kia, đem chuyện người kia nói xấu với người này, gây chia rẽ hiềm khích nhau, làm tan rã đoàn thể. Phải nói lời hòa giải thương yêu nhau, chớ nói ly gián nhau.

7/ Không được ác khẩu : Không được nói lời hung ác như chửi rủa, làm nhục kẻ khác. Phải nói lời hòa nhã dịu dàng khiến cho người nghe thích thú. Không được to tiếng cãi vã tạo nên sự hận thù oán ghét.

Vậy thì nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói ác và nói điều lành đều do cái lưỡi mà ra cả, cho nên tục ngữ ta có câu nói về cái miệng, cái lưỡi như sau :

*« Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo,
Miệng không vành miệng méo tứ tung. »*

8/ Không tham lam : Không để cho lòng

**(Kính dâng giác linh cố Hòa Thượng
Thích Phước Huệ)**



Văng Bóng Thầy

Thầy ơi! Thầy đã mất rồi!
Vầng trăng mây phủ, đất trời buồn thay!
Phật kỳ buông rủ gió lay,
Tiếng chim nức nở trên cây đoạn trường!
Chuông chùa kêu tiếng bi thương,
Côn trùng thốn thức vẩn vương bóng Thầy.
Quanh chùa hoa cỏ héo gầy,
Biết bao đệ tử khóc Thầy nhớ thương.
Thầy là ngọn đuốc soi đường,
Thầy mang gió mát tình thương cho người.
Bao năm sống ở trên đời,
Thầy lo đào tạo khắp nơi tăng tài.
Hoảng truyền giáo pháp Như Lai,
Lập chùa xây tháp, tượng đài nhiều năm.
Quyết tâm xây đại tông lâm,
Để cho Phật tử dưỡng tâm tu hành.
Công trình chưa được hoàn thành,
Vô thường ập đến phải đành xuôi tay.
Tuổi già sức yếu ốm gầy,
Làm sao tránh được thân này bệnh đây ?
Đời người nào khác đám mây,

Như hoa xuân rụng gió bay khắp đường.
Thầy đi về cõi Tây phương,
Để bao kỷ niệm mến thương nơi này.
Xác Thầy lưu lại nơi đây,
Nằm yên trong tháp cỏ cây buồn rầu.
Tòng lâm tang tóc một màu,
Suối tuôn dòng lệ, vạc sầu kêu sương.
Mái chùa ảm đạm thê lương,
Lời kinh uất nghẹn, khói hương mịt mù.
Đời người như đóa phù du,
Sớm còn tối mất công phu lỡ làng.
Đêm khuya dưới ánh trăng vàng,
Hồn Thầy theo đám mây ngàn dạo chơi.
Nghiệp trần Thầy đã sạch rồi,
Không còn vương bận việc đời thị phi.
Gió thiên tiễn gót Thầy đi,
Tâm tư rộng lặng từ bi ngút trời.
Cửa chùa vắng bóng Thầy rồi,
Chuông ngân chậm chậm đầy lời tiếc thương !

Trí Đạt

tham điều khiển mình, như tham tiền, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ. Phải biết sống giản dị, luôn nghĩ tới kẻ khác, xem tiền tài vật chất như tro bụi vấy. Tục ngữ ta có câu :

« Ở đời hễ tham thì thâm,
Phật đã bảo rằng xin chớ có tham ».

9/ Không sân hận : Đừng để lòng thù hận oán ghét kẻ khác. Lửa sân đốt hết cả công đức. Do đó, phải biết nhẫn nhục và quán từ bi để dập tắt hết hận thù. Xưa Tổ sư đã dạy các đệ tử không được sân hận :

« Sân si nghiệp chướng không chừa,
Bo bo mà giữ tương đưa làm gì ? »

10/ Không si mê : Không được si mê ôm giữ tà kiến và những lý thuyết trái với nhân quả, duyên sinh, đạo đức làm người. Không nên cố chấp cho rằng kiến thức mình có là chân lý tuyệt đối, do Thượng đế ban cho. Phải có thái độ phá chấp, cởi mở để đón nhận kiến thức đúng đắn của kẻ khác. Tục ngữ ta có câu

khuyên người chớ nên quá si mê tự cho mình hiểu biết hơn kẻ khác :

« Ở nhà nhất mẹ nhì con,
Ra đường bá vạn kẻ còn hơn ta. »

Sáu phép hòa kính và con đường sự nghiệp mười điều lành của Phật dạy là nền tảng Phật pháp giúp Phật tử thoát được những phiền muộn khổ đau trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Người Phật tử phải biết sống trong tinh thức, luôn thể hiện lòng từ bi hỷ xả đối với mọi người. Phải biết lắng nghe kẻ khác và dùng trí tuệ hướng dẫn đời mình sống đúng với chánh pháp, làm tan biến đi óc mê tín dị đoan, ích kỷ, không còn tâm niệm địa phương bè phái. Người Phật tử phải biết sống lợi tha, mở rộng cõi lòng « thương người như thương mình » và lúc nào cũng mang tâm nguyện cứu người giúp đời, cho đời bớt đi sầu muộn. Được như thế, mới xứng danh là người Phật tử đang theo gót chân Phật, sống đời đạo hạnh, có nhiều hạnh phúc hơn trong việc xây dựng một mái ấm gia đình vui tươi và hòa thuận vậy./.

Vu Lan nhớ nghĩ về Thầy

Chúc Thanh



Con người có những cái dễ nhớ và dễ quên. Cái nhớ cần đáng lưu tâm là những điểm tích cực mà bản thân mỗi người có cơ hội gặp phải trong cuộc sống hay chặng đường hướng về tâm linh như một hướng đi cao đẹp và hòa quang cùng nhân thế. Hơn 30 năm một khoảng thời gian không dài, không ngắn. Tôi có dịp tiếp xúc, làm việc, học hỏi mà suốt khoảng thời gian này, tôi luôn tôn trọng gọi Người là Thầy. Chữ Thầy đối với tôi là cả một khung trời thân mật, gần gũi, nó gói ghém trong phạm vi như một gia đình, gia đình người con Phật hay gia đình của những người thực hành lời Phật dạy và vị Thầy chính là gạch nối truyền cảm mang lại đức tin đậm chất đại bi một khi chúng ta tỏ bày lòng kính trọng hướng về Đức Phật. Mọi người thường tôn trọng gọi Người là Hòa Thượng Thích Phước Huệ, riêng tôi trước sau như một vẫn gọi là Thầy, đơn giản vì tôi là một mảng liên đới khá dài lâu về mặt trình bày, chia sẻ tư tưởng Phật học thuộc Phước Huệ Công Đức Tông Lâm.

Trong lĩnh vực chuyên chở tinh thần Phật lý, chùa Phước Huệ hằng năm có tổ chức : khóa tu học ngắn hạn mùa hè ; khóa tu học 3 tháng mùa An cư ; khóa tu học thường kỳ dành cho quý vị thọ Bát Quan Trai.

Nói đến khóa tu học ngắn hạn mùa hè từ 3 tuần đến 4 tuần hàng năm được tổ chức đều đặn suốt 20 năm qua tại chùa Phước Huệ là một cơ duyên rất tốt dành cho những người muốn thực tập trong 1 tháng về học và hành đúng phẩm chất của một người xuất gia thực thụ. Các khóa tu này sau đó đã thu hút và thu nhận nhiều người phát tâm xuất gia. Người mang tư tưởng tổ chức học hạnh xuất gia này là từ Thầy Thích Phước Ân, trong thời gian du học tại Đài Loan, nhận thấy có nhiều vị cư sĩ giảng dạy Phật học khá uyên thâm và đem hết năng lực phát triển Phật pháp, Thầy đã không ngần ngại sau khi tốt nghiệp chương trình Cao

Học về giáo dục đầu thập niên 90, trở về chùa Phước Huệ nhận chức vụ Tri Sự, trình lên Hòa Thượng Trụ Trì về cách thức tổ chức khóa tu học ngắn hạn mùa hè để gieo duyên cùng tha nhân và cũng từ đó có nhiều vị đã trở thành tăng sĩ, ni cô, và ngay cả có vị hộ trì Phật pháp và tu tập rất chuyên cần. Mặc dù có nhiều ý kiến trái ngược với chương trình tu học ngắn hạn mùa hè nhưng Hòa Thượng Trụ Trì và Thầy Phước Ân vẫn tiến hành đều đặn; và như thế ở phương diện gieo hạt mầm Bồ Đề trong lòng người con Phật đã thực sự đơm hoa.

Nét đẹp về mặt hành chánh của chùa Phước Huệ đối với mọi người khá bình đẳng. Hằng năm tôi vẫn nhận được thư mời của chùa với lịch giảng rõ ràng, đặc biệt của hai khóa : An Cư và tu học mùa hè. Những khóa học như vậy đối với tôi là một cơ hội vô cùng quý báu, nó giúp tôi không lười biếng vào mùa đông và không uể oải khi hè đến. Con người rất dễ bị cuốn hút vào thú vui trần gian, một mình đối mặt với các thú vui trần thế thật rất khó khăn để vượt qua, nên chỉ các khóa tu học là môi trường khá lành mạnh về sinh hoạt và giúp mình bình an, bình tĩnh tiến bước theo lộ trình « thắng duyên » nghĩa là đừng bỏ lỡ cơ duyên có thể giúp bản thân phát triển về mặt nội tâm và thả lỏng mọi sự bám víu.

Khóa học hình thành được một phần nhờ có cơ sở vật chất như phòng ốc và các phương tiện hỗ trợ. Năm 2002 chương trình xây dựng Đại Tông Lâm Phật giáo thật sự khởi động. Có lần Thầy Viện Chủ tâm sự rằng : Cơ sở vật chất chùa Phước Huệ đã tạm ổn. Giai đoạn dành cho phục vụ nhu cầu tôn giáo gần như hoàn thành đối với các đồng hương, Phật tử khi chân ướt, chân ráo mới đến định cư tại Úc Đại Lợi. Giờ đây hành trình về với tâm linh rất khẩn thiết, đành rằng một vài khó khăn vẫn còn tồn đọng. Lý tưởng và hướng đi hướng về cội nguồn của người xuất gia và tại gia bao giờ

cũng là một sự kết nối muôn đời cần làm sáng lên giữa môi trường sống và tận chiều sâu của nội tâm. Làm phai lạt đi tiếng nói của lương tâm trong sáng theo nghĩa hướng nội để phát triển tình thương và an bình trong cuộc sống là đồng nghĩa chuốc lấy vô minh và vô văn phiền muộn.

Đức Phật xuất gia giữa thiên nhiên. Thành đạo giữa thiên nhiên. Nhập Niết Bàn giữa thiên nhiên. Nội tâm trong sáng và cái trật tự thiên nhiên nó vốn là như thế, không thêm, không bớt, không đục, không trong, không cao, không thấp, không có điều gì hay cái gì có thể khoắc lên cho nó. Mẫu hạnh của Đức Thế Tôn còn đó cho mọi người không phân biệt màu da chủng tộc chiêm ngưỡng và thực hành đạt đến phẩm chất vi diệu đó. Cho dù là xuất gia hay tại gia đi ngược với tinh thần cao trọng trên hãy cần định chỉnh lại bước đi để khỏi phụ lòng Đức Phật đã chỉ dạy.

*Vật chất và tổ chức sinh hoạt là phương tiện.
Tu học hướng đến sự giải thoát là cứu cánh.
Bám cứng theo phương tiện là đồng nghĩa khổ đau.
An lạc, tỉnh giác là chân trời của niềm tin và phúc lạc.*

Thầy là vị tăng sĩ đầu tiên đặt bước chân đến Úc (1980). Thầy xây dựng cơ sở chùa chiền nơi hội tụ tâm linh cho người Phật tử như một gia đình con Phật đúng thực chất. Thầy xây dựng tổ chức Phật giáo để có tiếng nói tổng hợp, giao kết theo nghĩa hành hoạt không phải hành đạo.

Xây dựng cơ sở Tông Lâm để chuyên tu đây mới chính là mục đích tối cần, tối thượng, tối ưu tiên cho mình và cho những ai cần đến. Công đức không tồn đọng ở vật chất, trên căn bản nó chỉ có giá trị nhân quả. Còn công đức theo nghĩa tâm linh đó mới chính là kết trái của hành nghiệp giải thoát, thuật ngữ gọi là « nghiệp vô lậu ». Không một người tu đúng chuẩn mực nào mà không hướng đến cảnh giới không thể nghĩ bàn này.

Mỗi một cá nhân có ba chức năng hoạt động bao gồm : Ý thức, Mạt na thức và A lại gia

thức. Ý thức hay còn gọi là thức thứ sáu hoạt động theo bề nổi thế giới tương đối luôn luôn mang theo sự giới hạn nhất định. Điều này áp dụng cho cả hai giới tại gia và xuất gia. Nhưng khi bước vào lộ trình tu tập thì chức năng của thức thứ 8 còn gọi là A lại gia thức chuyên hóa nghiệp lực hoàn toàn vượt ra ngoài mọi giới hạn. Thế nên, người không tu rất khó phán đoán về hoạt động của thức này. Người có tu ý thức rất rõ ràng về chức năng của nó để hóa giải nghiệp lực. Khác biệt rất lớn nằm ở điểm này. Do đó, bất luận bạn là ai, là gì trên cuộc đời này, không bước ra ngoài được sự trói buộc của ý thức, cộng với thức thứ 7 (Mạt na thức) bản ngã khuấy động thì thật đau thương cho một kiếp người.

Mùa An cư năm 2010, như thông lệ sau khóa học Thầy vẫn trao quà cho tôi, thậm chí cả người thông dịch Phật pháp, Thầy nói bên tai tôi, âm thanh lớn đủ cho nhiều người xung quanh đó nghe được: Một mai Thầy không còn trên trần gian này nữa, con hãy tiếp tục hướng dẫn các vị về Phật pháp. Tôi dạ mà lòng cảm động, biết ơn. Cảm động là vì Thầy sắp ra đi và vẫn còn ưu ái về mình, biết ơn là vì nhờ những lớp học mà tôi sẽ cố gắng hơn. Nhìn Thầy tôi hiểu thân xác vật lý héo mòn nhưng đôi mắt còn sáng để đổi hướng theo về một niềm an lành cho những ai có đủ cơ duyên ở hiện cảnh và tương lai.

Cuối năm 2011 được tin Thầy đang nằm ở bệnh viện Liverpool, tôi sắp xếp vào thăm Thầy. Nhìn Thầy để cảm thấm về vô thường. Tuổi trung niên đã qua, giờ bước sang lão niên, thân thể ốm yếu nhưng bệnh tật trầm kha thì không. Cảm mạch của Thầy tôi hiểu chức năng hoạt động của thận khá suy. Ngoài 90 tuổi cơ thể của một người già như vậy không có gì để phàn nàn. Vả lại, tiến trình vận hành sanh, lão, bệnh, tử có ai thoát khỏi. Có điều tinh thần còn mãn kiện.

Cách gần tháng sau, ghé thăm Thầy lần nữa, đứng ngoài nhìn vào thấy Thầy đang ngủ, hơi thở nặng nhọc, thân sắc biến đổi so với tháng trước. Tôi đứng ngoài trò chuyện với Thầy Phước Quảng và cho vị này hay, Hòa Thượng không còn bao lâu nữa đâu.

Trước đây Thầy Phước Ân có vào thăm Hòa Thượng hai lần. Lần đầu Thầy trò nói chuyện khá lâu. Lần sau vì Hòa Thượng mệt nên thời gian gặp gỡ ngắn lại. Cả hai lần này cái tâm của Thầy và trò thật sự gặp nhau.

Cách nói của Hòa Thượng như một người Thầy, người Cha. Cách nghe của Thầy Phước Ân là cách nghe của người con và người học trò. Nét đẹp thể hiện qua giọt nước mắt của cả hai gộp lại. Tất cả đã chạm đến chỗ tận cùng của ngôn ngữ. Những gì đã làm được trên cuộc đời này của cả hai đều không mang dấu ấn của giá trị. Nó nhường chỗ cho một cõi lòng rung động bao la như một nét sáng hiện lên và mãi mãi như thế đi về với vô cực. Không ai trách cứ bảo tố đầy trời. Cũng không màng nhớ lại chặng đường vác nặng bước đi. Mọi ý nghĩ trắc định đều không có nền tảng của chính nó thì sự hội tụ hướng về tâm trung vô ngã là bài học không lời dành cho ai đây? Câu hỏi và cũng là câu trả lời không chừng lại dành cho chính mình cũng nên.

Lắng nghe để làm, dựa trên suy nghĩ có khi đúng và có khi thiếu chính xác. Hôm nay trời nắng, ngày mai trời mưa, hôm nay mây đen, ngày mai mây trắng, ôm trọn các cặp đối đãi này phải chăng là hư không hay bầu trời. Cuối chặng đường của tử sinh không phải là sống hay là chết. Cho rằng sống là dậm bước để hoàn thành mục tiêu và chết là thước đo của kết quả thì lúc Đức Phật nhập Niết Bàn ở giữa thiên nhiên lấy thước đo nào để phẩm định. Ngai an nhiên tịch giữa cái yên lặng của núi rừng và sóng đời lẫn biển khơi vẫn vỗ. Đi giữa cuộc đời là đi giữa sự đối đãi, cố tránh mọi dính mắc mới đích thực là người thực hành lời Phật dạy.

Ở đây chúng ta không đi tìm sự so sánh, nhưng cần phải lần cho đúng hướng đi, đó là hướng đi về với hòa hài, thương yêu, tôn trọng và kết hợp. Thiếu vắng những yếu tố này, rốt cùng chỉ làm giàu cho cái tôi và vọng động như sóng ngầm đại dương chưa thấy chỉ dấu của dừng nghỉ.

Sinh hoạt cho dù đứng ở phương diện nào cũng bị ảnh hưởng của bản ngã. Cái bản ngã

muốn xây dựng và hướng đến điều tốt và cái bản ngã muốn chứng minh sức mạnh. Đứng ở góc cạnh nào cho dù hữu lý, thì cái hữu lý đó cần phân định rõ ràng là :

Chấp nhận bỏ rơi cái một trong tạm thời để nắm bắt cái tổng quát.

Chấp nhận có nghịch lý để tạo thuận lý cho số đông.

Chấp nhận sự ngăn cách tạm thời để rồi kết hợp ở tương lai.

Chấp nhận lối đi nghịch biện để tìm ra nhân tố thuận thành.

Chấp nhận sự sắp đặt ở bậc trưởng thượng nhằm xác định cái tuyệt đối không thể thay đổi.

Thầy nói là nói theo sự vận hành của ý thức.

Thầy tu là tu theo bản thể cội nguồn.

Cái vận hành của ý thức đã qua rất khó trùng khớp với hiện cảnh, chưa nói đến tương lai vốn là vô thường thay đổi.

Trong khi bản thể là chỗ dựa nương của mình và hết thầy sinh loài.

Chọn cái thứ nhất sẽ rơi vào khốn đốn vì được ru ngủ trong mộng cảnh trên cao.

Hướng về điểm thứ hai là bản thể khiến lòng rộn lên sự bất an và thiếu tự tin. Tự tin ở đây là sự tự tin về bản thể trong sáng mà bản thân chưa với tới. Rồi ra chính mình trở thành nạn nhân của chính mình vì một điểm dừng chưa đến mà cảm nghe như sắp mất đi.

Chỉ đến khi nghe được tiếng nói : trong lòng Thầy không có gì cả. Cái nguyên không tuyệt đối hay cái nguyên không tương đối. Bạn không cần phải phẩm định. Hãy lắng lòng đón nhận nó là như vậy. Đã là như vậy có cần thắc mắc sao ít người được nghe tới. Có nhiều người nghe để so sánh, có ai giống cái nghe của mình không hầu phẩm định đúng, sai, cao, thấp. Đưa thức đi vào vòng quay này có khác gì tiếng động của máy bay phản lực cơ vừa bay ngang trên đầu với khoảng cách rất gần. Nói cách khác cái hoảng loạn của tâm ý nó

manh hơn bất kỳ tiếng động nào trên trần gian này.

Giấy khắc cuối cùng của Thầy có các đệ tử : Phước Tấn, Phước Đạt, Phước Viên, Phước Quảng, Phước Lạc.... đồng nhất tâm cầu nguyện. Sức cùng, lực kiệt nhưng ý tưởng vẫn còn mạnh để nhấn nhủ những lời sau cùng cho học trò không phải những lời phân chia thứ bậc cao thấp, phải trái cho đồng đều. Có chăng là giữ vững tinh thần của luật tắc và sáng ngời theo chánh pháp. Chánh pháp trụ thì Phật pháp trụ. Phật pháp trụ thì chúng sanh nương nhờ và bản thân được trọn vẹn theo hưởng ân đức của Tam Bảo.

Rõ ràng trước khi bước vào thế giới vô tướng nghĩa là không còn thân xác tạm bợ thì cách lý giải cho con đường tiếp nối của các chúng đệ tử nên thực hành Phật pháp để giải hóa những chướng nghiệp, thanh thân bước đi trên lộ trình không còn cân, đong, đo, đếm đã và sẽ làm gì cho đúng với tinh thần Thầy đã dạy dỗ, hướng dẫn lúc còn sinh tiền. Mặt trăng là mặt trăng. Ngón tay là ý thức dẫn đến. Đón nhận ngón tay thì không thấy mặt trăng. Mà thấy mặt trăng đâu phải chỉ có hướng với là có thể thấy được.

Phật pháp rất gần và cũng rất xa. Nó rất xa vì bụi mù phủ án. Nó rất gần và sáng tỏ vì đã vượt ra ngoài sự chi phối của ngoại cảnh và nội tâm. Ngoại cảnh nơi đây do danh và sự dựng nên. Nội tâm nơi đây là do thấy mình quan trọng hơn tất cả. Thấm thấu được thực thể của các tướng trạng thì sẽ ngộ ra :

*« Trái tim ngọn cỏ
nhỏ như giọt sương sa
trong như pha lê
bụi trần bay không tới. »*

Đi trong thế giới trắng đen còn gọi là thế giới chứng minh luôn ngầm chứa cái bất định, vòng tròn này rất nhỏ so với thế giới của nhận thức. Bởi vì, thế giới đúng và sai luôn hạn hẹp ở trong một sự kiện. Trong khi thế giới nhận thức khá bao la. Nhưng thế giới này vẫn tròn quay theo ý thức vận hành, đó là ý thức cá nhân và ý thức xã hội. Vòng tròn này đem so

với thế giới thực tại mới cảm nhận nó còn quá nhỏ, vì thế giới thực tại nó nằm ngoài bên kia ngôn ngữ hay cái giới hạn của kiếp sống, Nói một cách dễ hiểu hơn thế giới chứng minh nhỏ hơn thế giới nhận thức và thế giới nhận thức nhỏ hơn rất nhiều với thế giới thực tại.

Xây dựng cơ sở để chứng minh như là một thành tựu và đưa nhận thức vào nền tảng này để thổi bùng lên ý nghĩa và hành động. Song, cái trật tự thực tại thiên nhiên luôn hiện diện quanh đây lại vô tình không nhận ra thì kết cuộc của tiến trình mà ý Thầy muốn hướng đến là bản thể thanh tịnh phải cần bao lâu thời gian để hiểu rõ thấu.

Vị trí số 1, số 2, số 3, số 4, số 5.... so với không vị trí, nghĩa là vị trí số zero thì bạn chọn con số nào trong những con số đó. Chúng ta cần hiểu rằng con số luôn là những giả định. Do giả định nên chúng hoàn toàn thiếu vắng nền tảng giá trị. Khoan vội phản bác nó là những con số được sắp xếp theo khách quan. Cách trả lời cho một sự kiện dù là chủ quan hay khách quan không cần nêu ra đối với tâm lòng của người tu. Cần rà soát lại tâm thức mình có thật sự bị ảnh hưởng và rung động bởi những vị trí của các con số mà mình đang có hoặc đang sở hữu nói theo tâm thức dính mắc. Ngoài ra con số zero tự thân không có vị trí. Khởi động không có vị trí, vậy những dãy số tiếp theo nối hoài nghi sẽ càng to lớn hơn khi thâm định tính chất thật hữu của chúng.

So chiếu lại ý Thầy, trên bề mặt hiện tượng là các lập trình xét theo cái trật tự quy ước. Nó hoàn toàn hợp lý và một căn bản khác giữa tâm Thầy và ý Thầy, phần nào có liên hệ đến thực tại và phần nào liên đới đến thế giới chứng minh. Nếu chọn lựa thì nên chọn lấy phần nào.

Cho rằng chọn thế giới chứng minh thì không tránh khỏi bất cập, bất định đôi khi tạo ra nhiều nhurong.

Cho rằng, chọn Tâm Thầy điều gì được xem là ngăn che khiến lo lắng khởi lên làm chùng lại bước tiến.

Thầy xây chùa nhưng không viên tịch ở chùa. Thầy xây Đại Tông Lâm nhưng không ngủ ở Đại Tông Lâm. Vậy Thầy viên tịch ở đâu. Chính xác trong lòng những người đệ tử hiện diện và những người do hoàn cảnh không thể có mặt.

Vu Lan nhớ nghĩ về Thầy, không phải tên Thầy, thân xác Thầy, chùa của Thầy hay Tông Lâm của Thầy...Mà thật ra nghĩ về cái không thể nghĩ, đó là: An Lạc trong ba thời, chỗ quy nguyên của bao con sông đổ về biển cả.

Những vết tích của quá khứ là những dấu chân in trên cát, hãy để cho sóng biển tan xóa đi và rồi cát mịn phẳng, vàng đẹp luôn hiển hiện dưới ánh sáng mặt trời.

Mọi người vẫn còn hiện hữu ở nhiều nước khác nhau, là những đệ tử của Thầy, hãy mạnh

dạn nhìn về tương lai theo mặt thực tại, kết hợp tất cả trong một ĐẠI HỘI thương yêu, tôn trọng, quý mến, hòa đồng và hoàn toàn trống vắng thứ bậc theo đúng nghĩa tâm linh.

Lời nói của Thầy mùa An Cư năm 2011, con hãy....

*“Mở mắt huệ để thấy tình thương diệu vợi
Đẫn dắt dòng sông biết ôm trọn biển xanh.”*

Mùa An Cư năm 2012



*Mẹ đã cho con cả cuộc đời
Nỡ nào hành mẹ hỡi con ơi!
Bao la biển cả nào so sánh
Tình mẹ cho con khắp cả trời.*

*Mẹ đã cho con cả cuộc đời
Tảo tần hôm sớm chẳng nghỉ ngơi!
Ngược xuôi tất tả vì con hết
Chẳng quản nhọc nhằn được thành thoi.*

*Mẹ đã cho con cả cuộc đời
Mong con mau lớn để vui chơi
Nhìn con khỏe mạnh lòng vui sướng
Học giỏi tương lai đẹp sáng ngời !*

*Mẹ đã cho con cả cuộc đời
Xuôi buồm thuận gió biển ra khơi
Mong con danh toại thành công lớn
Phần mẹ cam đành sống tả tôi!*



Tất
Cả
Vì
Con

Thanh Trì

Trà, Thiền Một Vị



Bán lĩnh bạc vân oanh,
Trung thiên nguyệt sắc thanh.
Thu lai đa dạ tọa,
Chủ minh đãi chung thanh.

Tâm Hòa

Thiền Sư Viên Chí

Thiền sư Triệu Châu có một công án nổi tiếng, là mỗi lần có vị tăng mới đến, lúc nào ông cũng sẽ hỏi câu: “ông có đến đây bao giờ chưa vậy?”

- Vị tăng này trả lời: “Đến qua rồi.”

- Ông thì sẽ nói: “Uống trà đi!”

Sau đó hỏi vị tăng khác mới đến: “Ông có đến đây bao giờ chưa vậy?”

- Vị tăng này trả lời: “Chưa đến qua bao giờ.”

- Ông lại nói: “Uống trà đi!”

Vị sư trụ trì ngôi chùa thối mất không hiểu, mới hỏi rằng: “Tại sao đến qua rồi ông cũng bảo uống trà đi, chưa đến qua ông cũng bảo uống trà đi vậy?”

Ngài Triệu Châu gọi tên thầy trụ trì, trụ trì đáp lại.

- Ngài Triệu Châu liền nói: “Uống trà đi!”

Công án trên đây chúng ta có nhiều chỗ tham khảo được, tỉ như đạo dùng trong cuộc sống thường nhật, sự bình đẳng trong việc đối đãi, tự tại nhậm hành v.v... Từ trước cho đến nay có rất nhiều người lý giải qua công án này, chúng ta hôm nay đổi góc độ để nhìn xem việc uống trà chiếm vị trí như thế nào trong sự tu tập của Thiền tông ra sao?

Uống trà là chuyện rất quan trọng trong các tông lâm Phật giáo Trung Hoa trước đây, đặc biệt là các thiền tự đều có thiết ‘trà đầu’, tức là người chưởng quản công việc uống trà, công việc của ‘trà đầu’ là bao gồm việc hiến trà cúng Phật, cung cấp trà cho tăng chúng hoặc cho khách thập phương viếng chùa v.v...phần là những việc liên quan đến trà đầu do ‘trà đầu’ chủ quản lấy. Trong đại tông lâm, trà đầu thường thường không chỉ có một vị, mà trong

các thủ tọa liêu, tri khách liêu, thị giả liêu đều có cử một vị trà đầu, được gọi là ‘tứ liêu trà đầu’, mỗi vị trà đầu dưới họ còn có mấy vị tạp dịch để phụ giúp, gọi là ‘trà đầu hành giả’, như vậy tính tất cả là trong một ngôi tự viện thì có hơn mười mấy vị làm những công việc chuyên môn về trà, con số này không thể nói là không nhỏ vậy.

Trong tông lâm đều có lập ‘trà đường’, có tự viện dùng nơi phương trượng tiếp khách gọi là ‘trà đường’, có nơi thiết lập một trà đường riêng rẽ. Trong các tự viện, mỗi ngày có thời gian uống trà cố định, khi uống trà phải đánh ‘trà cổ’ để thông tri đến tăng chúng. Có một số tự viện trước cửa chùa đều có chuyên cất vị ‘thí trà tăng’ để chăm trà cho du khách hoặc Phật tử viếng chùa.

Trong “Bách Trượng Thanh Quy” quy tắc phải giữ gìn hằng ngày có ghi: “Lễ nghi uống trà là việc làm quan trọng của tông lâm, không được chậm, thay đổi, hay gấp rút, lúc sắp chỗ không được vắng mặt.” hoặc còn nói: “nếu có trà thì khi ngồi không được rũ áo xuống, không được chum đầu nói chuyện cười, tay không được vãi chào người, không được cất giữ trà vụn”, từ đó ta thấy uống trà có rất nhiều quy củ, là một chuyện trang nghiêm, thanh tịnh, cũng có thể nói là một bộ phận của chuyện tu hành, là một cộng khóa của Thiền. Đặc biệt là khi ngồi thiền, mỗi khi ngồi thiền chấm dứt một cây hương thì phải ngồi xuống uống trà để nâng cao tinh thần, ích lợi cho tư duy, khai ngộ. Mỗi sáng thức dậy, Thiền tăng thường uống trà trước rồi mới lễ Phật, dùng cơm xong cũng uống trà trước mới làm Phật sự, do đó, hầu hết các Thiền tăng một ngày uống mười mấy chén trà cũng là chuyện rất bình thường.

Trước đời Đường, các tự viện thường dùng loại ‘trà gia liệu’ tức là dùng hương liệu và hoa quả nấu chung với nhau, gọi là ‘trà tô’, đến đời

Đường trở về sau, thiền trà đi đến cực thịnh, dần dần trở thành uống trà một cách đơn thuần, không còn thêm gia vị nữa.

Các tăng như Thiền tông có tay nghề nấu trà, thích việc uống trà, đặc biệt nghiên cứu về trà lễ, tất cả những sự việc này đều ảnh hưởng rất lớn đối với phong tục dân gian.

Thí dụ những loại trà nổi tiếng của Trung Hoa phần nhiều được trồng và chế tạo từ các ngôi tự viện, như Bích Loa Xuân Trà sản xuất ở Bích Loa Phong, núi Động Đình, tỉnh Giang Tô, nguyên có tên là Trà Thủy Nguyệt, đầu tiên là do sơn tăng của Thủy Nguyệt Viện, núi Động Đình chế tác. Thủy tổ của Trà Ô Long là ‘Võ Nghi Nham Trà’ ở núi Võ Nghi, tỉnh Phúc Kiến, từ đời Tống, Nguyên sau này thì trà do các tăng chùa Võ Nghi chế tác có phẩm chất cao hơn cả. ‘Trà Đại Phương’ do các tăng như đời Minh làm ra là tiền thân của ‘Trà Đồn Lục’ ở miền nam tỉnh An Huy.

Thí dụ bình trà Tử Sa mà người hiện nay yêu thích là sáng chế của vị lão tăng đời Minh ở chùa Kim Sa, Nghi Hưng, tỉnh Giang Tô, sau này trở thành đại diện cho đặc trưng bình trà của Nghi Hưng.

Thí dụ như Lục Vũ, được những người uống trà tôn xưng là ‘trà thánh’, ‘trà thần’, ông xuất thân từ tự viện, hành tích cuộc đời ông cũng chưa bao giờ vượt qua ngôi chùa. Tác phẩm ‘Trà Kinh’ của ông là thành quả đi khắp những danh sơn cổ sát, đích thân hái những lá trà, chế tác, định phẩm trà cùng sự hấp thụ rộng rãi kinh nghiệm uống trà của chư tăng tiền như mà tổng kết nên.

Ông Phong Diễn đời Đường, trong tác phẩm ‘Phong Thị Văn Kiến Ký’ có nói: “Khoảng đời Khai Nguyên, ở chùa Linh Nham, Thái Sơn có thiền sư Giáng Ma đại hưng thiền giáo, siêng học thiền vụ không ngủ, lại không ăn, đều chỉ có uống trà. Người tự đem trà lấy để nấu uống khắp nơi. Từ đó ai cũng bắt chước theo đó thành phong tục.” Chúng ta thử tưởng tượng tình cảnh chư vị thiền tăng thời đó mang bình trà trên mình để lúc nào cũng có thể nấu trà để uống, thật là một cảm giác thân thiết đặc biệt vô cùng.

Không những chỉ uống trà, cuộc thi về trà cũng đã có ở các tự viện lúc đó, vào đời Tống, ngôi chùa nổi tiếng ở Du Hàng, tỉnh Triết Giang là chùa Kính Sơn thường có tăng như hợp cùng thí chủ và hương khách tổ chức những buổi tiệc trà, tiến hành thưởng thức, giám định phẩm chất các loại trà, được gọi là ‘đấu trà’. Vào thời đó còn phát minh phương pháp uống trà bằng cách cán vụn những mầm trà non, sau đó dùng nước sôi đun trà gọi là ‘pháp điểm trà’, phương pháp uống trà này sau đó được truyền sang Nhật Bản và Triều Tiên, trở thành ‘mạt trà’ tức trà bột, người Nhật Bản đến nay vẫn còn ưa thích phương thức uống trà như vậy, tiếc rằng tại Trung Quốc đã thất truyền từ lâu.

Sau khi đọc qua những ghi chép liên quan giữa Thiền và trà khiến chúng ta biết được Thiền với trà có thể nói là ‘thiền trà nhất vị’, vì trà cũng có thể dẫn dắt tâm linh chúng ta thông hưởng đơn thuần, siêu việt, vô tranh, ninh tĩnh, tự do, khiến con người được tự nhiên thông hưởng thiền đạo, với loại phong cách thuần phác vô hoa, trang nghiêm hài hòa đó cũng có trợ ích rất lớn đối với thiền định. Thiền sư Tuyết Đậu có bài kệ như sau:

*Tiền tiền do khinh hậu tiền thâm,
Thùy vân huỳnh điệp thị hoàng kim.
Tào Khê ba lãng như tương tợ,
Vô hạn bình như bị Lục thâm.*

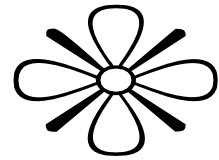
Đây dù không phải bài thơ viết về trà, nhưng đem ‘huỳnh điệp thị huỳnh kim’ để hình dung vị của trà thiền nhưng lại rất thích hợp, đối với người thế tục tầm thường cho vàng quý giá nhất, có thể đem tâm thiền và trà đạo xem như là chiếc lá vàng không chút giá trị, mà đối với người thanh việt cao mãi, một ấm trà ngon quý giá hơn cả hoàng kim, càng không thể nói trong trà còn tư tưởng giác ngộ và bồ đề nữa.

Ba đào của bể thiền Tào Khê nay tợ còn đó! Nhưng tiếc thay những bọt hoa sữa tuyết mà chúng ta kế thừa đó thì lại rất ít người có ý nguyện từ trong sự lưu chảy của năm tháng vàng son đó mà thấy được tâm thanh thân trần đầy mà thôi.

(Theo Tạp Chí Universal Gate)

CHÙA THIÊN THAI

- trên đất Wellington
- trong lòng người Việt



Sau hơn ba mươi phút đi từ trung tâm thành phố Wellington (thủ đô của New Zealand), khi xe vừa dừng bánh, cảnh tượng đầu tiên hiện ra đã khiến tôi không khỏi ngỡ ngàng. Không nguy nga, tráng lệ, không kiêu cách cầu kì, chùa Thiên Thai hiện ra trước mắt thật bình dị và lặng lẽ, trái với cảnh tượng người người qua lại, khói hương nghi ngút và lễ vật đầy ắp các bàn thờ mà tôi vẫn thường thấy mỗi lần cùng mẹ đi chùa ở Hà Nội. Chùa Thiên Thai chỉ đơn thuần là một ngôi nhà nhỏ nhắn được xây cất trên một khoảnh đất rộng, nhưng không vì thế mà ngôi chùa mất đi vẻ âm cúng và trang nghiêm...

Lần đầu tiên tôi tới thăm chùa Thiên Thai cũng là vào ngày Đại lễ Phật đản. Là ngày lễ Phật đản đầu tiên tôi lên chùa mà không có bố mẹ cùng đi, nên trong lòng thấy háo hức lạ kì, cộng thêm chút lo lắng vì những lễ nghi mà nếu không có bố mẹ đi bên chỉ dẫn, tôi sẽ lóng ngóng mà làm sai đi mất. Nhưng rồi không khí thân thiện nơi đây nhanh chóng xóa tan đi trong tôi nỗi lo lắng ấy. Đón chào tôi là những nụ cười tươi của các cô chú, anh chị người Việt, với rất nhiều các bạn sinh viên đồng trang lứa. Có lẽ nơi đây không chỉ là nơi dành riêng cho những người Việt mộ đạo, mà còn là nơi tụ hội của tất cả những người Việt xa xứ có cùng chung mong muốn được tìm về một không gian chung, nơi có bóng hình quê hương hiện hữu.

Bên trong ngôi chùa rất sạch sẽ và ngăn nắp, tuy không bày biện gì nhiều nhưng vẫn mang lại cảm giác rất thân thuộc mà ta vẫn bắt gặp ở bất kì ngôi chùa nào ở Việt Nam, với mùi nhang trầm thơm và âm cúng, với dây kinh kệ đặt ngay ngắn một bên. Có lẽ đây cũng là nhờ một phần lớn công lao của ông bà Hai – Phật tử Minh Ân, Chủ tịch Hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại Wellington – và một số bà con Phật tử, những người đã sát cánh với ngôi chùa này từ những ngày mới thành lập. Nhờ sự hỗ trợ của Hội Phật giáo Việt Nam và cộng đồng người Việt nơi đây, mà trải qua bao khó khăn, ngôi chùa vẫn được duy trì và dần được tu bổ thêm, để mỗi ngày mùng một, ngày Rằm, hay vào các dịp Đại lễ Phật đản, Vu lan, những người Việt xa xứ lại có một nơi quây quần tụ hội, thấp nén nhang cầu

chúc cho gia đình, cho mình và cho người thân, bạn bè.

Ngày Đại lễ Phật đản năm nay, năm 2012, chùa Thiên Thai vinh dự được đón Thượng tọa Thích Phước Tấn, Trụ trì chùa Quang Minh Melbourne sang làm lễ tại chùa. Rất đông Phật tử đến dự lễ, có cả những người Việt xa quê đã lâu, nay nói tiếng Việt không còn sõi, hay một vài người nước ngoài theo vợ/chồng tới đây dự lễ. Thế nhưng ngay khi tiếng chuông mõ ngân lên, tất cả đều cùng nhau ngân nga bài kinh kệ với tất cả lòng thành kính, nhất tâm vái lạy đức Phật. Có lẽ chưa bao giờ tôi lại cảm thấy lòng tự tôn và tự hào về bản sắc dân tộc dâng trào trong lòng mình như thế. Sau khi tụng niệm, chúng tôi được sư thầy hướng dẫn nghi thức tắm Phật. Trong bất kì lễ Phật đản nào từ trước đến nay, nghi thức tắm Phật luôn đem lại cho tôi nhiều sự háo hức nhất. Nhìn hình tượng sơ sanh của Đức Đại Giác không chút bụi nhơ, phiền não, lại đầy vẻ chính trực quang minh, trong lòng tất cả các Phật tử đều không khỏi kính phục. Những giọt nước của niềm tin thanh tịnh, không phải để gột rửa bụi trần trên bức tượng sơ sanh của Đức đại giác mà để tắm mát cho tâm hồn các Phật tử, xóa tan những toan tính, ích kỉ, đố kỵ, xoa dịu những âu lo và phiền muộn đời thường. Quả thực, những dòng nước ấy như có một tác dụng thần kì vậy...

Cứ như thế mỗi mùa lễ đi qua, chùa Thiên Thai lại càng trở nên quan trọng hơn trong đời sống tâm linh của những người Việt xa xứ ở thủ đô Wellington. Sẽ là một điều đáng tiếc cho các Phật tử nói riêng và với toàn thể người Việt nơi đây nói chung, nếu như không có ngôi chùa này để tìm về mỗi khi cần thanh lọc tâm hồn. Và cũng thật thiếu sót nếu như những ngôi chùa như chùa Thiên Thai, với bản sắc tôn giáo đặc trưng của dân tộc lại không được gìn giữ và truyền lại cho các thế hệ sau. Ngôi chùa không to lớn về tầm vóc, nhưng lại quan trọng vô cùng trong đời sống tinh thần và tâm linh của cộng đồng người Việt tại Wellington trong suốt thời gian qua, góp phần rất lớn trong việc gìn giữ và lưu truyền văn hóa Việt.

Nguyễn Thu Phương

*Bachelor Student of International Relations
Victoria University of Wellington, NZ*

Khóa Tu Cuối Đông



Hàng năm, đạo tràng Quang Minh đều có mở ra ba khóa tu Kết kỳ niệm Phật, mỗi khóa thời gian là 7 ngày. Tính từ khóa đầu cho đến khóa tu học kỳ này trước sau gồm có 24 khóa, mà khóa này là khóa thứ 24. Khóa tu này còn gọi là khóa tu Báo Ân, vì thường khóa tu được tổ chức vào thời điểm của mùa Vu Lan Báo Hiếu. Tuy nhiên, đặc biệt năm nay, khóa tu đã khai giảng sớm hơn mọi năm, tức từ ngày 9/8/đến 16/8/ năm 2012, nhằm ngày 22 tháng 6 năm Nhâm Thìn. Dù vậy, quý thầy vẫn cho khai kinh Vu Lan và Báo Phụ Mẫu Ân để đại chúng trì tụng. Phải nói, mùa đông năm nay thời tiết ở Melbourne rất lạnh, tuy mùa đông sắp tàn nhưng cơn lạnh vẫn còn mang cái lạnh oái oăm ác nghiệt hơn.

Theo lệ thường, các tu sinh về chùa rất sớm để ghi tên dự tu tùy theo sự phát nguyện dự tu của mỗi người mà thời gian có khác. Có người phát nguyện toàn thời (7 ngày) ; có người phát nguyện bán thời. Dù phát nguyện thời gian 7 ngày hay ít hơn, nhưng trên gương mặt của mọi người vẫn đều hiện rõ nét vui mừng hớn hở, bởi vì họ đã được đầy đủ phước duyên để về chùa dự tu. Có những gương mặt thân thương rất quen thuộc dường như không có khóa tu nào mà họ vắng mặt. Đặc biệt có một tu sinh, tuy tuổi đời đã bước vào cái tuổi chín mươi, mà vẫn có mặt ở chùa từ sáng sớm để ghi tên. Đó là cụ Tâm Đạo, một bạn sen cao tuổi nhất trong đạo tràng và cũng là người gương mẫu tinh tấn nhất. Hầu như không có khóa tu nào mà cụ vắng mặt cả. Cụ thường nói, nhờ biết tu hành ăn chay niệm Phật, nên Phật Tổ xót thương gia hộ nên thân thể của cụ tương đối được mạnh khỏe, ít có bị bệnh đau. Cứ mỗi lần khóa tu mở ra, là cụ cảm thấy rất vui. Vì những lần dự tu được gặp lại đông đủ các bạn sen đồng tu ngủ lại tại đạo tràng nên tâm hồn của cụ cảm thấy rất thoải mái an lạc. Tuy là người trọng tuổi, nhưng tánh tình của cụ rất vui vẻ, hài hòa dễ kính mến và lúc nào cũng có mặt đều đặn trong các thời khóa lễ. Quả cụ là người rất siêng năng bền chí tu học,

thật xứng đáng làm gương mẫu cho các bạn đồng tu noi theo.

Sáng sớm hôm nay, thời tiết tuy rất xấu, mưa rơi tầm tã, gió thổi se lạnh, nhưng các tu sinh vẫn bắt chập gió mưa lạnh lẽo, tất cả đều vân tập tại ngôi Đại Hùng Bửu Điện để lễ bái sám hối theo nghi thức sám pháp tịnh độ trước khi nhận giới. Đại Đức Thích Phước Thái hướng dẫn các tu sinh sám hối. Sám hối xong, tiếp theo là lễ truyền giới. Buổi lễ truyền giới hôm nay dưới sự chứng minh của chư Tôn Đức giới sư: Thượng Tọa Thích Phước Tấn, Đại Đức Thích Phước Thái, Đại Đức Thích Phước Hoan, Đại Đức Thích Phước Nghĩa.

Theo chương trình tu học, ngoài các thời khóa lễ thông thường như: công phu khuya, tập thể dục, lễ bái trì danh, kinh hành niệm Phật, cúng ngọ, thọ trai, nghe pháp... đặc biệt còn có các buổi lễ: Thắp nến niệm Phật, Thiền trà và Thực tập chánh niệm. Tất cả những thời khóa lễ này đều do Thầy Phước Thái chủ trì và hướng dẫn. Bên cạnh đó còn có các thầy: Phước hoan, Phước Nghĩa, Thông Tướng, Phước Đạo và sư cô Phước Đức. Đặc biệt thầy Phước Đạo và sư cô Phước Đức theo suốt thời khóa không có thời khóa lễ nào vắng mặt cả. Hai vị này lúc nào cũng có mặt hành lễ cùng với đại chúng.

Vào hai ngày cuối tuần thứ bảy và chủ nhật, tức ngày 11 và 12, những bạn sen vì hoàn cảnh gia duyên bận buộc lu bu với công việc mưu sinh, nên không thể về chùa vào những ngày thường được. Do đó, họ chỉ có thể đến vào hai ngày cuối tuần, vì vậy nên số lượng tu sinh tăng lên rất đông. Những tu sinh xin dự tu hai ngày, theo luật, vẫn phải tác bạch tùy chúng tu học. Tổng số tu sinh lên đến khoảng 150 vị. Riêng, đối với các tu sinh dự tu chánh thức 7 ngày, có vị nghĩ rằng: *"Thật không thể chịu nổi! Ở đây vừa lạnh vì không có máy sưởi. Suốt ngày cứ đi và ngồi, đi và ngồi, mà niệm Nam mô A Di Đà Phật, càng niệm càng thấy lạnh, thật là không chịu nổi!"* Thế nhưng,

hai ngày đã qua, rồi 3 ngày và trọn khóa tu 7 ngày, mọi người đã chịu được những gì tưởng chừng như không thể chịu nổi. Có người khác lại thách thức: “*Sợ gì cái lạnh lẽo mùa đông của Melbourne, nhất định không hèn nhát, không bỏ cuộc, phải có chí khí!*”. Hai ngày cuối tuần này có thêm bạn sen gia nhập tu, càng đông càng ấm, càng vui. Vài tu sinh cùng bảo nhau “*Lạnh một chút cũng chẳng sao!*”. Đêm thứ bảy có 6 nam tu sinh ngủ lại chùa, họ tâm tình trao đổi với nhau nhiều câu chuyện đạo lý rất thú vị. Tuy nhiên, khi keng đồ chỉ tịnh thì mọi người đều phải giữ yên lặng và mỗi người đi vào trong giấc ngủ êm đềm. Căn phòng tuy nhỏ nhưng cảm thấy rất ấm áp.

Có một tu sinh trọng tuổi nói: “*Thật là khổ, chắc tôi chết mất!*”. Một cụ khác góp ý “*Nếu vậy thì tui mình hãy từ bỏ mạng sống của mình đi, già rồi giữ tánh mạng để làm gì? Hãy nhớ câu:*

Bỏ không được cái chết thì sẽ đổi không được cái sống,

Bỏ không được cái giả thì sẽ đổi không được cái thật”.

Đến đây tôi bỗng nhớ lại một vài câu thơ của một thi sĩ nào đó mà tôi không nhớ rõ tên. Nội dung bài thơ chứa đựng đây ý nghĩa siêu thoát như sau:

Trên lầu cao, một mình lặng thinh, nhìn hoa sóng

Sóng trào dâng, hải âu sợ hãi, hải cánh trên không.

Nước dậy sóng, sóng lặng nước trong,

Nhiệm duyên dứt, tự tánh hiện, tự tại thong dong.

Bài thơ cho chúng ta thấy một khung cảnh của người tu im lặng, nhiếp tâm niệm Phật. Dù biển cả dậy sóng, sóng đánh vào nhau, nước bắn tung tóe tạo ra những đóa hoa trắng, và nghe thấy tiếng sóng gào thét, khiến cho những con chim hải âu sợ hãi bay mất nhưng người tu vẫn không động tâm. Tôi nghĩ ba chữ “*Nước dậy sóng*” chắc là thi nhân dụ cho tự tánh khi có phiền não dậy khởi; và “*sóng lặng nước trong*” biểu thị cho việc bất luận phiền não nặng nề thế nào, cũng có thể biến thành tự tánh Bồ đề, khiến cho “*nhiệm duyên dứt*”, buông bỏ tất cả các pháp thế gian. Đến lúc ấy, người tu có thể trở về bản thể cội nguồn, mặc tình muốn làm gì cũng được. Nhưng hiện giờ

những tu sinh chưa được như vậy, cho nên chúng ta cần phải tham dự những khóa tu, gìn giữ giới luật, tôn trọng nội quy và thành tâm niệm Phật. Nếu có ai đó trên đường tu tập gặp một vài chướng duyên, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên đọc lại bài thơ này để chiêm nghiệm mà vững bước đi tới. Tất nhiên, một ngày nào đó thì, chúng ta chắc chắn sẽ đạt được nhất niệm hay nhất tâm bất loạn. Bấy giờ, chúng ta có thể mặc tình tha hồ thong dong qua lại tự tại như những đám mây trắng bay trong bầu trời giải thoát.

Người xưa nói: “*Thời tiết lạnh giá khắc nghiệt mới biết được từng bách là loài đủ sức thử thách giữ cho cành lá luôn xanh tươi*”. Melbourne vào mùa đông lạnh lắm, nhiệt độ ban đêm thường từ 4 hoặc 5 độ Celcius. Hầu hết mọi người đều ở trong nhà và mở lò sưởi. Hầu hết các tu sinh ở lại chùa Quang Minh thách thức với cái giá lạnh cuối đông Melbourne. Các nơi ngủ nghỉ không có máy sưởi nên giống như những cái tủ lạnh lớn. Điều này những tu sinh đã chứng tỏ tâm kiên cố của mình lập chí nguyện tu tập hành trì để vãng sanh Cực Lạc. Với cái lạnh ác nghiệt cuối đông, nếu ai sợ lạnh, nhất là đối với người trọng tuổi, thì họ có thể ở nhà để hưởng thụ đầy đủ tiện nghi êm ấm. Thế nhưng, họ lại bất chấp gian lao lạnh lẽo tự nguyện đến đây cùng nhau niệm Phật, tu hành kham khổ. Đây là điều rất khó làm, nhưng các tu sinh hôm nay họ đã quyết chí tinh tấn làm được. Tôi nghĩ, đức từ phụ A Di Đà chắc là thương họ lắm và sẽ gia hộ tiếp dẫn họ trong lúc lâm chung.

Chiều thứ bảy, Thầy Phước Thái có một bài pháp thoại rất hay với đề tài: “*Bảy điều đưa hành giả đến chỗ giác ngộ*”. Thính chúng gần 200 người gồm tất cả các tu sinh và đông đảo các Phật tử bên ngoài vào tham dự. Thầy giảng về thất giác chi, hay còn gọi là Thất bồ đề phần, tức là nhóm thứ sáu trong “*Ba mươi phẩm trợ đạo*”. Đây là bảy điều có công năng đưa hành giả thăng tiến giác ngộ. Giác chi là chánh niệm đối với nội pháp và ngoại pháp, cái ấy gọi là niệm giác chi. Tương Ưng Bộ Kinh tập giải thích về các giác chi như sau:

– Cái gì là quan sát, là quyết trạch, tự sát với trí tuệ, đối với các nội pháp và ngoại pháp, cái ấy là trạch pháp giác chi.

- Cái gì là thân tinh tấn, là tâm tinh tấn, cái ấy là tinh tấn giác chi.
- Cái gì là hỷ có tâm, có tứ và hỷ không có tâm, không có tứ, cái ấy là hỷ giác chi.
- Cái gì là thân khinh an và tâm khinh an, cái ấy gọi là khinh an giác chi.
- Cái gì là định có tâm, có tứ và định không tâm, không tứ, cái ấy là định giác chi.
- Cái gì là xả đối với nội pháp, xả đối với ngoại pháp, cái ấy là xả giác chi.

Tóm tắt lời thầy giảng như sau:

- Trạch pháp phân tích, biết phân biệt đúng sai chọn pháp môn thích hợp với mình để tu tập. Như mọi người đã biết đạo tràng Quang Minh các liên hữu đã và đang chọn pháp môn Tịnh Độ, nói rõ hơn là chọn pháp môn niệm Phật để cầu vãng sanh về thế giới Cực Lạc của giáo chủ Phật A Di Đà.
- Tinh tiến, tinh là chuyên, ròng, không tạp, tiến là đi đến mục đích cuối cùng không lui sụt. Niệm niệm hằng nhớ không giải đãi, buông lung
- Từ siêng năng tu hành gìn giữ chánh niệm và sanh tâm hoan hỷ.
- Từ tâm hoan hỷ nên tâm thức khinh an, sáng khoái.
- Niệm phải luôn tỉnh giác nên chỉ niệm Phật mà thôi.
- Định: từ tinh tấn tu hành hoan hỷ khinh an nên có sự tập trung lắng đọng.
- Muốn đi đến giác ngộ phải xả tức là lòng buông xả, không câu chấp.

Nói khác hơn con đường tu tập thất giác chi là con đường bằng bạc hạnh phúc giải thoát của tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định và xả. Một bước chân đi vào giải thoát của người tu là một bước đi thanh thoát của khinh an, hỷ lạc. Chúng ta cố gắng biến tất cả những vô thường, khổ đau của cuộc đời thành chất liệu giải thoát qua tịnh tu để ly tham, ly sân và qua chánh niệm an trú vào bốn tâm vô lượng: "Từ, Bi, Hỷ, Xả". Chúng ta hãy nỗ lực biến những khó khăn, gai góc thành chất liệu làm phát khởi tinh tấn lực; biến những rối rắm, những phiền não vô minh của cuộc sống thành chất liệu trí tuệ làm phát khởi trạch pháp giác chi; biến những nghịch cảnh, nghịch lý, vô thường thành chất liệu làm phát khởi xả, định, khinh

an giác chi. Thất giác chi nếu được khéo tu tập thì sẽ chuyển biến được khổ đau sinh tử thành giải thoát, Niết bàn ngay trong hiện tại. Tham dự khóa tu tại đạo tràng Quang Minh là ứng dụng tu tập thất giác chi ở giữa cuộc đời đầy mê vọng, khổ đau này thành những ánh sáng giác ngộ và giải thoát. Ai có được tỉnh giác và quyết tâm sẽ được giải thoát ra khỏi phiền não, hệ lụy của cuộc sống ngay hiện tại của cuộc đời đầy đau khổ này.

Chiều thứ bảy chưa tới 6 giờ mà trời đã tối. Quý cô trong ban trai soạn nhờ tôi đem thức ăn đến tặng xá cho quý thầy, vì những vị này đi đám chưa về kịp. Tôi bước vào tặng xá gặp thầy trụ trì đang bung tô cháo chuẩn bị dùng chiều. Thầy mặc nhiều bộ đồ ấm, thấy tôi thầy nở nụ cười gương gạo. Tôi bạch thầy bệnh cảm của thầy hôm nay đã thực sự đỡ chưa? Thầy lắc đầu và bảo: cái đầu nó còn nhức và nặng nề lắm! Nhìn thầy một vài giây tôi xá chào lui ra. Tôi bước ra bên ngoài cơn gió lạnh tạt vào rát da mặt. Bầu trời như thấp lại bên kia đồi, nhà nhà đang lên đèn với ánh sáng vàng mờ ảo. Tôn tượng Bồ tát Di Lặc sừng sững màu trắng in nền mây xám, và những bóng cây đen đậm. Bên kia dòng sông Maribyrnong đen ngòm sâu thẳm phía dưới. Tôi trở về bên kia bửu điện để tụng kinh Vu Lan và chuẩn bị cho buổi thiền trà tối nay. Tôi bước đi trong những hạt mưa mùa đông đang lất phất bay . . .

Thầy Phước Thái và một số liên viên đi Nhật về cách đây hơn một tháng. Thời gian hành trình ở Nhật, thầy có tham dự một buổi "Thiền trà" do Sư cô Tâm Trí tổ chức. Hôm trước, Thầy cũng có tổ chức một buổi thiền trà theo tinh thần trà đạo của người Nhật. Mục đích là để cho các liên hữu Phật tử trong đạo tràng biết qua về phong cách uống trà. Đặc biệt trong khóa tu kỳ này, thầy lại tổ chức thêm một lần nữa. Trong một buổi thiền trà gồm có ba thành phần: trà chủ, trà khách và trà giả. Trà chủ là quý thầy. Trà khách là các tu sinh và một số các Phật tử ở ngoài vào dự. Trà giả là những người dâng trà. Đầu tiên Thầy giải thích về ý nghĩa và lịch sử của trà đạo ở xứ Phù Tang. Đồng thời Thầy cũng nói sơ qua về cách thức pha trà và nghi thức uống trà. Khi dâng trà cho khách thì người dâng trà phải quỳ trang trọng xá chào và trà khách cũng chấp tay xá

chào đáp lễ. Trà khách sau khi nhận chén trà phải nâng lên để vào lòng bàn tay xoay ba lần tròn vẹn một vòng thì mới được uống. Điều này để nhắc nhở người con Phật đầu tiên phải nhớ đến Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng. Sau khi dâng trà xong, tất cả đồng hát bản nhạc "Chén Trà" do Thầy Phước Thái sáng tác.

Chén trà

*Chén trà trong hai tay
Chánh niệm vui tràn đầy
Mọi việc đều buông bỏ
Hiện tại và ở đây.*

*Chén trà trong hai tay
Hợp mặt vui sum vầy
Chén trà luôn nhớ mãi
Tình đạo chẳng đổi thay*

*Chén trà trong hai tay
Hạnh phúc vui từng ngày
Niệm Phật đừng xao lãng
Sen nở ở ngay đây!*

*Chén trà trong hai tay
Công phu quyết chẳng nài
Việc qua rồi chẳng nhớ
Chẳng nghĩ đến tương lai*

*Chén trà trong hai tay
Tu học chí miệt mài
Đời người như bóng chớp
Niệm Phật thoát trần ai.*

Sau đó là phần trà thoại, Thầy Phước Thái đưa ra đề tài cho mọi người là chọn một trong năm đoạn khúc của bài ca "Chén trà" đoạn nào mình ưa thích nhất và cho biết lý do. Mọi người tham gia đóng góp một cách rất hào hứng. Buổi thiền trà chấm dứt đúng 10 giờ đêm trong bầu không khí đầm ấm và an lạc. Chiều chúa nhật đúng 2 giờ chiều là lễ chúc thọ cho 4 liên hữu tuổi từ 80 trở lên. Lễ chúc thọ này, nhằm nâng cao tinh thần thêm nghị lực, sức khỏe, đồng thời cũng tạo thêm cho các cụ có thêm năng lực trong việc tu hành. Vì các cụ sẽ cảm thấy mình thật ấm áp cõi lòng. Bên cạnh mình còn có thầy hiền bạn tốt luôn quan tâm hỗ trợ mình vững tiến hơn trên bước đường tu niệm. Rồi bên cạnh của mình còn có các con, các cháu đến tham dự thật đông đủ. Tất cả đó là những niềm an ủi rất lớn lao trong

khi tuổi đời của các cụ đã ngã bóng về chiều. Tôi có viết vài câu thơ kính dâng lên các cụ:

*Chúc mừng thượng thọ thật vui ghê
Liên hữu cùng chung một lối về
Chí nguyện hành trì cho đạo ngân
Đạo tâm kiên cố để về quê
Bồ đề phát khởi buông phiền não
Tỉnh thức bắt đầu dứt si mê
Sen nở trời Tây màu tươi thắm
Thọ quang vô lượng dứt mộng mê.*

Đặc biệt trong khóa tu mùa Vu Lan này vào trưa ngày 15 tháng 8 năm 2012 quý thầy có tổ chức buổi lễ cầu siêu cho những liên hữu đã vãng sanh. Một bàn vong với linh vị và di ảnh của các cố liên hữu được thiết trí thật trang trọng. Thầy phó ban đã soạn ra một nghi thức thật đặc biệt, những thân nhân của những liên hữu đã vãng sanh cũng cùng hợp lực với đạo tràng hết lòng tưởng niệm và cầu nguyện tại chánh điện cũ.

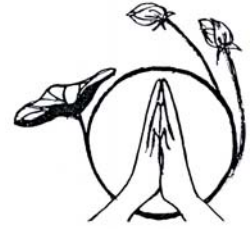
Thứ năm 16/08/2012 khoảng 9 giờ sáng, tất cả tu sinh vân tập chánh điện để làm lễ xả giới. Sau đó, có một số ở lại để dự lễ kỵ giỗ cho cố Sư Cô Nguyễn Lưu. Sư Cô Nguyễn Lưu khi còn sinh tiền là người luôn gắn bó với đạo tràng cũng là người suốt đời phụng sự hộ trì Tam bảo. Trong những năm tháng cuối đời, dù già yếu nhưng Sư Cô vẫn bỏ ra nhiều công sức để quản lý quán Bồ Đề trai. Tụng kinh và tiến linh xong, mọi người đồng thọ trai tại trai đường.

Các tu sinh đến tham dự khóa tu 24 này đi tìm ngọn hải đăng giữa biển cả mênh mông vô bờ bến. Quý thầy hướng dẫn các tu sinh hướng về ngọn hải đăng để trở về bến giác, thẳng tiến về quê hương Cực lạc của đức từ phụ A Di Đà. Các tu sinh hôm nay thật sự an lạc trong khung cảnh chứa đựng đầy tình người và tình đạo. Vì nơi đây là một mái ấm gia đình của họ. Khi những tà áo lam cuối cùng rời khỏi khuôn viên chùa để lại ngôi Đại Hùng Bửu Điện đứng sừng sững hiên ngang trong không khí cô tịch và lạnh lùng đâu còn những tiếng niệm Phật, tụng kinh, chuông mõ vang rền như bảy ngày qua.

Tịnh Khang kính ghi.

"Dừng Ý Nghiệp"

là ưu tiên hàng đầu của mỗi Phật tử!



Quảng Thành

Là hành giả tu pháp môn Tịnh Độ, ai cũng rõ câu kinh sau đây trong kinh A Di Đà: “Này ông Xá Lợi Phất, nếu có Phật tử nam hay nữ khi nghe kinh A Di Đà mà trì tụng danh hiệu Ngài, dù một ngày, dù hai ngày, dù ba ngày, dù bốn ngày, dù năm ngày, dù sáu ngày, cho đến bảy ngày, mà tâm không loạn thì lúc lâm chung sẽ được Phật A Di Đà và các thánh chúng hiện ra, lúc đó, hành giả tâm không điên đảo tức được vãng sanh về nước Tây Phương Cực Lạc.”

Các chữ “TÂM KHÔNG ĐIÊN ĐẢO” là một điều kiện tất yếu để được vãng sanh. Tuy nhiên, đa số Phật tử trong đó có tôi, trước kia chưa để ý câu này và nghĩa sâu xa trong đó. Tôi cứ nghĩ sao từ xưa tới nay tôi chưa hề nghe có Phật và Thánh chúng tới rước một Phật tử nào lúc lâm chung? Vậy kinh nói sai hay sao? Rồi tôi nhớ lại vào năm 1988, khi tôi trở về Đà Lạt và về thăm Hòa Thượng Thích Từ Mãn, cũng là Thầy khả kính, là Bổn Sư của tôi, tôi bèn thỉnh Thầy một số kinh sách qua Úc học, trước khi đi Hòa Thượng nói: “Quảng Thành nhớ cố gắng niệm Phật và cho gia đình quy y Phật hết đi nghe”. Tôi cúi đầu “ạ”. Tôi thấy đây là dịp thuận lợi để trình bày thắc mắc về Pháp môn Niệm Phật, tôi cất tiếng:

- Kính bạch Hòa Thượng, con còn một câu khó hiểu xin Hòa Thượng chỉ dạy cho.
- Hòa Thượng bảo: “Con cứ nói đi”.
- Tôi bạch Hòa Thượng: “Con không rõ mấy chữ “TÂM KHÔNG ĐIÊN ĐẢO” trong kinh A Di Đà, kính xin Hòa Thượng giảng trạch cho.
- Hòa Thượng nói: “Được rồi, con uống trà đi, rồi ta sẽ nói cho. “TÂM CON NGƯỜI” hay rong ruổi bên ngoài, hết suy nghĩ chuyện này chuyện kia, phê bình tốt xấu, hơn thua phải quấy, tựa như con ngựa hoang, sống buông lung; đó chính là Ý NGHIỆP, là VỌNG TUỞNG, nó che lấp cái

TÂM CHÂN THẬT, tức TÁNH GIÁC, - TÁNH PHẬT sẵn có trong thân 50-60 ký này, mà mình không để ý! Nay ta khuyên con niệm Phật, tức con phải tu cả ba nghiệp THÂN, KHẨU, Ý, ba nghiệp này từ từ nhẹ đi, trở nên thanh tịnh, có thanh tịnh thì tâm con và tâm Phật mới khế hợp, cảm ứng nhau, nên chỉ có câu “TÂM TỊNH THÌ TỊNH ĐỘ TỊNH”, ý nói tâm của con tịnh và nước Phật Di Đà toàn tịnh, toàn vui không khô, chỉ do một cái gốc, vì dầu hòa với dầu thì trộn lẫn được, còn dầu hòa với nước lã thì vô phương, tóm lại niệm Phật với tâm tịnh thì chính tâm con là Tịnh độ rồi, con hiểu chưa?”

Cho tới nay, HT Bổn Sư tôi đã thị tịch được chín năm, mà tôi vẫn nhớ lời căn dặn chí tình của HT, khiến tôi xúc động, nhớ mãi và thực thi, tôi đã thấy được “Bí quyết vãng sanh là ở trong tâm tôi”, mà ý nghiệp là “ưu tiên hàng đầu” mà tôi thường xuyên nhớ và tiến tới lắng ý, lắng cái tâm sanh diệt thì TÂM TỊNH hiện ra, và Ngài Di Đà đã ngự sẵn trong đó!

Vậy tu sao để lắng ý nghiệp đây? Có dễ không? Khi chưa tu Phật, tâm ý con người hay chạy theo cảnh. Tỷ dụ : Trước một quán nhạc ở Cabramatta, đang có bán CD, DVD và có một màn ảnh, có khách dừng lại nghe ca và lựa CD mình ưa thích, cũng có người nghe rồi đi. Cũng vậy cái quán bông cũng đông khách đang ngắm bông, khen bông đẹp, chê bông xấu v..v.. Mấy chỗ này luôn ồn ào, khách mua bán thấy hàng đẹp liền khởi tâm tham luyến và mua về vài món. Khi tâm tham khởi tức tâm động, động vì dính cảnh sanh tình và tạo nghiệp từ chỗ này ! Nếu có tu Phật hành giả tự biết kiềm chế tâm tham, sân, si và bớt tạo nghiệp, để từ từ làm chủ được tâm tham, đó là định tâm. Muốn định tâm kết quả tốt, hành giả cần theo một pháp môn do vị Bổn Sư của mình

hướng dẫn. Trong phạm vi đề tài, tôi xin mạn phép đề cập tới định tâm (lặng ý nghiệp) trong pháp môn Tịnh độ mà chúng ta thường hành mỗi ngày.

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ: Hành giả tu Phật ai cũng rõ điều kiện sanh về Tịnh độ gồm :

Hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Sư Trưởng, Từ bi bất sát, tu mười nghiệp lành, giữ giới, trì tụng kinh Đại thừa... Tuy nhiên, tôi mạn phép đưa ra các pháp quán mà các Tổ Tịnh độ đã thường nhắc nhở các hành giả phải cần thực hành, vì các pháp quán có mục đích trừ nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng, khiến tâm an định mà niệm Phật. Tôi xin lược qua bốn pháp quán gồm:

1/ QUÁN TƯỚNG: Hành giả nên quán theo kinh “Quán Vô Lượng Thọ” để rõ cảnh Tây Phương Cực Lạc là có thật, nhân dân sống bên đó được nhàn hạ, toàn vui, không khổ. Dĩ nhiên phải bỏ tâm hoài nghi và tin vào 48 lời nguyện của Phật A Di Đà và tin rằng, nếu ta niệm Phật miên mật, chí thành, thì chắc chắn chúng ta sẽ được vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Không những quán mà còn nên học các hạnh của Phật và Bồ Tát như sau :

- Hạnh Thanh Tịnh của Phật A Di Đà
- Hạnh Tinh Tấn của Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni.
- Hạnh Từ Bi của Bồ Tát Quán Thế Âm.
- Hạnh Hỷ Xả của Bồ Tát Di Lặc.
- Hạnh Trí Huệ của Bồ Tát Văn Thù.
- Hiếu Hạnh của Đại Mục Kiền Liên Bồ Tát v..v..

Quán tướng tới tâm an định thì “Nhất tâm bất loạn” không còn xa nữa vì “chính Tâm mình là Tâm Phật rồi!”

2/ QUÁN TƯỚNG: Tại các chùa, hành giả thường thấy có hai tượng Phật A Di Đà, một Ngài tọa kiết già, tay kiết định ấn, một tay xòe ra; còn một tượng khác Ngài đứng trên tòa sen, lơ lửng trên hư không, tay phải ngang vai, tay trái duỗi xuống như muốn cứu vớt chúng sanh trong biển khổ. Theo Mật Tông tay phải Phật đưa lên, biểu thị Tứ Thánh gồm Thanh Văn,

Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; còn tay trái duỗi xuống biểu thị lục phàm (Thiên, Nhơn, A tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục). Phật A Di Đà đang mở rộng Từ Bi vô biên để cứu vớt chúng sanh nhưng chúng sanh còn đang chìm đắm trong biển ái dục, danh lợi, rồi trôi lăn trong ba cõi, sáu đường khổ! Nếu chúng sanh tỉnh ngộ, biết theo TÍN - NGUYỆN - HÀNH mà tu, nhất định sẽ có ngày vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Tóm lại quán tướng Phật hay Bồ Tát, phải “Phản Quan Tự Kỳ”, tu miên mật tất có ngày “Trì thành nguyệt thiện” vậy!

3/ TRÌ DANH NIỆM PHẬT: Niệm Phật có tới 48 pháp niệm, tuy nhiên chỉ cần nhiếp tâm theo một pháp, siêng năng và giữ tâm bất thối, không có tạp niệm xen vô, tức niệm bằng tâm, niệm mà phiền não không khởi, tâm nhiếp sẽ trở nên thanh tịnh, tư hoặc và kiến hoặc tiêu tan; tâm sẽ lắng đọng, đó là Định và khi phiền não hết đạt VÔ NIỆM, hành giả tâm sáng ra, thanh tịnh an lạc. Tâm bất loạn chính là TÂM BẤT SANH, cũng là TỰ TÁNH và DI ĐÀ là một thể thanh tịnh, đây là VÔ DƯ NIẾT BÀN, đạt NIẾT BÀN tại thế, chỉ hàng Thượng căn mới tới được!

4/ THẬT TƯỚNG NIỆM PHẬT: Sau khi hành giả đã theo pháp quán tướng, quán tướng, trì danh thuần thực rồi, hành giả nên quay vô trong tâm mà quán. Cổ đức dạy “TÂM TỨC PHẬT”, ý nói hành giả cần tu tâm, dưỡng tánh, buông mọi ý nghiệp, phiền não, vọng niệm, cõi bỏ hết Tham - Sân - Si, thì tâm sẽ sáng ra. Tâm không còn niệm cũng gọi VÔ NIỆM hoặc TÂM KHÔNG. Tâm này chính là TÂM GIÁC, TÂM PHẬT, đó là TÁNH THANH TỊNH, là THẬT TƯỚNG của người và vật, của muôn loài. Cho nên chỗ này NIỆM PHẬT chính là NIỆM TÂM, là NIỆM THẬT TƯỚNG của chính hành giả vậy.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát cũng dạy về pháp môn Tịnh Độ như sau: “Ai siêng thọ trì danh hiệu Phật A Di Đà, quyết định được vãng sanh Tịnh độ, đó là con đường giải thoát tất nhất. Về niệm Phật, Ngài dạy tiếng hiệp với tâm, tâm duyên theo tiếng, phiền não, vọng tưởng đứng lặng, chúng cảnh tuyệt chiếu chúng nhập tam muội! Khi PHIỀN NÃO DỨT, TÁNH

GIÁC THƯỜNG TRỤ của PHẬT HIỆN TIỀN! Do vậy có câu DI ĐÀ TỰ TÁNH, DUY TÂM TỊNH ĐỘ, ý nói khi tâm đã tịnh, chính tâm đó là TỊNH ĐỘ, là TÂM VÔ NIỆM, là TÂM PHẬT, đương nhiên PHẬT A DI ĐÀ hiện ra trong đó!

Nhớ rằng nếu hành giả niệm theo tư tưởng (suy nghĩ phân biệt) niệm đó là hư vọng, nên bị lưu chuyển sanh tử. Còn nếu niệm mà tư tưởng không sanh, hành giả sẽ đạt “NHẤT TÂM BẤT LOẠN”, tịnh nghiệp thành, thăng lên bậc THƯỢNG PHẨM THƯỢNG SANH. Về hạnh niệm Phật, Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh khuyên hành giả ba trường hợp như sau:

- Về cảnh nên xa lánh trần duyên, rảnh rang, khỏi lo tính gì hết.
- Về tâm nên xả hết ưu phiền, dứt vọng tưởng.
- Về sự tu, nên định thời khóa, ngày đêm 4

thời tụng kinh Di Đà, niệm 1,000 câu Phật hiệu hoặc hơn càng tốt, chắc chắn hành giả khi lâm chung được rước về Tây Phương Cực Lạc.

KẾT LUẬN: Tất cả chư Bồ Tát, chư Tổ Liên Tông đều dạy hàng Phật tử phải lập chí, tin sâu, nguyện thiết, chuyên trì Phật hiệu, tất nhiên được vãng sanh, dự vào hàng Thánh chúng, trụ bất thối, thành Bồ Đề để độ chúng sanh và đồng thành Phật đạo.



GIA CHÁNH

Hoàng Mộng Vân Tịnh

(Chả Khoai Môn)



1. Vật liệu:

- 1/2kg khoai môn loại củ to
- 1 củ sắn nhỏ hoặc 50g củ năng
- 250g dừa khô mài sẵn
- 2 muỗng xúp bột năng
- 50g kiệu tươi băm nhỏ
- Muối, tiêu, đường, bột ngọt, dầu ăn, ngò

2. Cách làm:

* Chuẩn bị

- Khoai môn: rửa sạch, luộc chín, lột vỏ, giã hoặc xay cho nhuyễn.
- Củ sắn hoặc củ năng: gọt vỏ rửa sạch, bào mỏng, xắt sợi, cắt ngắn độ 1cm.
- Dừa khô: cho nước ấm vào, vắt lấy nước cốt.
- Ngò: rửa sạch, xắt nhỏ.

* Trộn khoai và chiên

- Trộn khoai: cho chung vào thau: khoai môn, củ năng, bột năng, nước cốt dừa cho vào liệu khoai sền sệt là được, ngò, nêm chút tiêu, muối, đường, bột ngọt cho khoai vừa ăn, trộn đều.
- Chiên khoai: Bắc chảo dầu sôi, cho kiệu tươi băm nhỏ vào cho thơm, múc từng muỗng khoai cho vào chiên, khoai chín vàng đều là được, dùng nóng./.

Tâm Hòa soạn.





CẢM TƯỞNG CỦA KHÓA SINH MÙA AN CƯ NĂM NHÂM THÌN 2012 TẠI TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ



Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính thưa Thượng Tọa Thích Phước Tấn,
Trụ Trì Tổ Đình Phước Huệ,
- Kính thưa Đại Đức Giáo Thọ Thích Phước Thái,
- Kính thưa Đại Đức Thích Phước Đạt, Phó
Trụ Trì Tổ Đình Phước Huệ,
- Kính thưa Đại Đức Thích Phước Viên, Phó
Trụ Trì Tổ Đình Phước Huệ,
- Kính thưa Sư Cô Thích Phước Hoàn, Trụ
Trì Ni Viện Thiện Hòa,
- Kính thưa quý Thầy, quý Sư Cô,
- Kính thưa Pháp hữu Chúc Thanh,
- Kính thưa quý vị trong Đạo Tràng Bát Quan
Trai cùng toàn thể quý Phật tử hiện diện
trong buổi lễ hôm nay,

Hằng năm, tại Tổ Đình Phước Huệ đều có tổ chức khóa an cư cho chư Tăng Ni trong tông môn quy tụ về Tổ Đình để tác pháp an cư kiết đông. Khóa an cư năm nay, bắt đầu từ ngày 05/06/ đến 26/08 năm 2012. Sau ba tháng kiên trì tu tập, thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức, nay đã đến ngày mãn khóa. Thay mặt cho chư Tăng Ni trong khóa an cư, chúng tôi xin được trình bày vài nét về cảm tưởng của chúng tôi như sau:

Trải qua bao mùa an cư nhưng chưa có mùa an cư nào vắng mặt Hòa Thượng Tông Trưởng, tức sư phụ của chúng tôi. Chỉ có mùa an cư kiết đông năm nay, lần đầu tiên chúng tôi đã thực sự vắng bóng một bậc cha già khả kính. Đó là điều mà chúng tôi cảm thấy rất đau buồn!

Nhớ lại, ngày sư phụ ra đi thật là quá đột ngột, dù chúng tôi đã có chuẩn bị tinh thần trước, nhưng thú thật chúng tôi cũng không làm sao tránh khỏi những bùi ngùi thương tiếc, vì chúng tôi đã bị mất đi một điểm tựa tinh thần quá lớn lao. Chúng tôi như đã bị rơi vào tâm trạng của một kẻ chới với hụt hẫng. Sự vắng

bóng của sư phụ chúng tôi, có thể có người nghĩ rằng, mọi sinh hoạt tu học ở Tổ Đình Phước Huệ sẽ bị đình trệ khó tiến triển được. Sự quan tâm lo âu đó, không phải là không có lý, nhưng đối với hàng tông môn đệ tử chúng tôi, vẫn cố gắng làm theo những gì mà lúc sinh tiền sư phụ của chúng tôi đã dạy bảo. Đó cũng là cách báo ân trả hiếu phần nào của chúng tôi.

Có lẽ nhờ ân đức từ bi thương xót gia hộ của sư phụ mà trong mùa an cư năm nay, chúng tôi vượt qua mọi thử thách khó khăn và luôn được “thuận buồm xuôi gió”, chứng minh là buổi lễ mãn khóa hôm nay nói lên nhiều thành quả tu học rất tốt đẹp.

Quả đúng như sự cầu nguyện của chúng tôi, mọi chuyện đều diễn biến tốt đẹp. Sư Phụ đã khiến cho chúng tôi được trên thuận dưới hòa, đoàn kết với nhau thành một khối keo sơn, các sư huynh, sư tỷ lớn dạy cho các sư đệ, sư muội nhỏ chúng tôi tu và học rất tốt, đêm đêm chúng tôi lại còn được nghe những đĩa giảng cũ của Sư Phụ, thật là lợi ích vô cùng, vừa lợi ích trên đường tu, vừa lợi ích trên sự tăng trưởng kiến thức Phật pháp, vừa được tưởng nhớ đến Sư Phụ hằng đêm. Đó là một sáng kiến rất hay của Hòa Thượng Trưởng Tử thượng Phước hạ Bổn.

Chúng tôi lại còn một may mắn bất ngờ nữa là có Thượng Tọa Thích An Chí, cũng là một đại sư huynh của chúng tôi, ở mãi tận NaUy, đã phát tâm về Tổ đình dạy cho chúng tôi bài Ngũ Thời Bát Giáo trong Giáo Quán Cương Tông thuộc Thiên Thai Tông, theo lời trời trần dặn dò của Sư Phụ trên giường bệnh.

Nói tóm lại, các khóa sinh chúng tôi đều được hưởng những phước báo bất ngờ do Sư Phụ gia hộ.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi qua. Sự tu, sự học và mọi mặt Phật sự đều không có gì trở ngại.

Đặc biệt năm nay Ban Tổ chức không có thỉnh cho quý Sư Cô trực tiếp phụ trách. Thỉnh các giảng sư sắc tộc đến dạy. Ban giảng huấn thoảng có Phật tử vào giúp.

Chúng tôi rất cảm kích sự nhọc nhằn của hai đại sư huynh: Thượng tọa Thích An Chí, Trụ Trì Chùa Khuông Việt ở NaUy, đã cực nhọc bay từ NaUy về Úc trên 30 tiếng đồng hồ để chỉ dạy chúng tôi vồn vẹn có 9 ngày rồi bay trở về NaUy.

Lại còn Đại Đức Giáo Thọ Thích Phước Thái, phải bay qua bay lại mấy phen Melbourne-Sydney, Sydney-Melbourne để vừa lo cho đạo tràng Quang Minh, vừa lo cho khóa an cư tại Tổ Đình Phước Huệ.

Lại còn một Sư Tỷ của chúng tôi nữa, đó là Sư Cô Thích Phước Hoàn, Trụ Trì Ni Viện Thiện Hòa, mặc dù Phật sự đa đoan, vừa phải dạy một lớp giáo lý tại Ni Viện rất bận bịu, nhưng vẫn thu xếp để về Tổ đình dạy chúng tôi mỗi tuần 2 tiếng về môn Luật Tỳ Kheo Ni.

Ngoài ra, chúng tôi còn có một giảng sư kỳ cựu lâu năm mà ai cũng biết, đó là Pháp hữu Chúc Thanh, mặc dù nhà rất xa, ở Marrickville, cũng thu xếp để về Tổ đình dạy chúng tôi 2 tuần 1 buổi tối.

Tất cả những phước báo đó đều là nhờ Sư Phụ đã linh thiêng gia hộ cho chúng tôi đó thôi!

Đó là chúng tôi chỉ mới điếm qua về phần học. Còn về phần tu chúng tôi cũng xin lược sơ qua: mỗi ngày chúng tôi đều có lục thời tu tập:

- 1/ 5 giờ sáng: Công phu khuya
- 2/ 9 giờ 30: Sám hồi Tịnh độ
- 3/ 11 giờ 15: Cúng quả đường
- 4/ 2 giờ 30 : Tụng kinh hoặc học giới luật
- 5/ 4 giờ 15 : Mông Sơn Thí Thực
- 6/ 6 giờ 30 chiều: Thời khóa Tịnh độ

Đến 8 giờ, chúng tôi học giáo lý và niệm Phật đến 9 giờ 30 tối. Sau đó là giờ chỉ tịnh. Mỗi ngày đều trải qua đều đặn như vậy và chúng tôi cảm thấy rất là an lạc.

Về phần ẩm thực thì Ban Tổ chức có phân công

Chúng con rất mang ơn quý Sư Cô phụ trách ẩm thực. Quý Sư Cô đã lo rất chu đáo để cho khóa sinh chúng con được đầy đủ sức khỏe tu tập. Công đức này chúng con xin nguyện suốt đời ghi ân tạc dạ.

Ngoài ra, trong thời gian an cư, khóa tu Bát quan trai và khóa tu An lạc được tổ chức đều đặn hàng tuần. Tuy quý Thầy Phật sự đa đoan nhưng quý Thầy cũng không quên rằng hàng ngũ Phật tử cũng đang cần đến quý Thầy hướng dẫn tu tập.

Để kết thúc bài viết hôm nay, chúng con một lần nữa xin bày tỏ lòng tri ân sâu xa đến giác linh Sư Phụ đã âm thầm phò hộ độ trì cho đám con mồ côi mồ cút của Sư Phụ được hoàn thành viên mãn một mùa an cư tốt đẹp.

Chúng con cũng xin tri ân đến Ban Giảng Huấn đã cực khổ hết lòng dạy dỗ chúng con. Chúng con cũng xin cảm ơn Ban Tổ Chức Khóa tu đã lo cho chúng con từng ly từng tý, từ sự tu, sự học, cho đến sức khỏe, tiện nghi. Chúng con cũng rất biết ơn Ban Trai soạn, Ban hành đường đã cho chúng con những buổi ăn vừa ngon miệng, vừa thanh khiết để cho chúng con có đủ sức khỏe tu tập.

Cuối cùng, chúng con xin kính cầu nguyện giác linh Sư Phụ Cao Đẳng Phật Quốc, Thượng Phẩm Thượng Sanh, chúng con xin kính chúc toàn thể quý Thầy, quý Sư Cô thân tâm thường an lạc, chúng tôi cũng xin kính chúc quý Phật tử được vạn sự kiết tường như ý./.

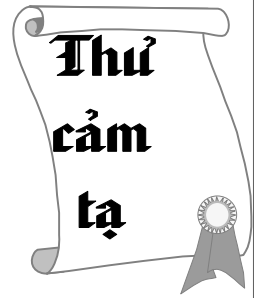
Nam mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma Ha Tát

Phước Thanh



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Vu Lan này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách Quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Vu Lan Báo Hiếu

Thầy Phước Đạt	50	Phạm Lệ Hằng	15	Diệu Hạnh 2	10
Thầy Phước Viên	50	Quảng Thành	50	Diệu An (Brisbane)	50
Thầy Phước Quảng	50	Minh Châu & Thái Minh	200	Diệu An	30
Thầy Phước Nghĩa	50	Phật tử Nouméa:		Diệu Ngọc	20
Thầy Phước Nhơn	50	Nguyễn Thị Ly pd Diệu Huệ	50	Diệu Lai	10
Sa di Phước Nguyễn	50	Kim Thanh pd Tâm Minh	50	Giác Tâm & Diệu Yến	20
Sư cô Phước Nghiêm	10	Xuân Dung pd Tâm Hợp	50	Viên Hương	10
Sư cô Phước Thanh	20	Nguyễn Thị Vinh pd Tâm Hoa	50	Logan Tran	10
Sư cô Phước Hòa	50	Nguyễn Thị Ly pd Diệu Huệ	50	Ngọc Hồng + Huệ Liên	20
Sư cô Phước Trường	20	Võ Thị Yến pd Tâm Thông	50	Diệu Hòa h/h h/l Diệu Tâm	50
Sư cô Phước Hiền	50	Phạm Thị Liễu pd Diệu Châu	30	Nguyễn Thị Hường	10
Sư cô Phước Hải	50	Chúc Nhuận	20	Tịnh Thủy	10
Sư cô Phước Định	30	Diệu Quỳnh	20	Phổ Thuận	10
Sư cô Phước Lễ	50	Chơn Huyền Hiền	10	Viên Ngô	10
Sư cô Phước Chiếu	50	Diệu Hồng	20	Diệu Thanh	20
Sư cô Phước Liễu	30	Minh Quang	10	Diệu Hạnh	30
Sư cô Phước Thông	50	Diệu Huệ	10	Tâm Hiệp	10
Sư cô Huệ Mãnh	100	Diệu Thiện 2	10	Diệu Nguyệt	20
Sư cô Phước Thông	50	Viên Đạo	10	Tâm An	20
Sư cô Phước Hương	20	Viên Nguyễn	10	Quincy Trí Việt	30
Sư cô Phước Tâm	20	Diệu Minh	10	Emmy Phùng	20
Sư cô Phước Thọ	20	Đức Ngọc	10		
Sa di ni Phước Như	50	Diệu Đức	20		

Danh sách Quý Phật tử hỷ cúng hoa quả nhân dịp Vu Lan Thắng Hội năm 2012

Đức Ngọc	50	Hải, Ngô Bảo Phúc	100	DANH SÁCH ỦNG HỘ QUỸ CD	
Diệu Nguyệt	30	Chơn Huyền Hiền	100	Bạn của Tâm Lộc cúng đĩa ấn tống	
Gđ Trương Kim Phấn	50	Huỳnh Hằng Phương	50	Kinh Vô Lượng Thọ	500
Tâm Thanh	50	Tử Kim Quang	50	Lan Chi	50
Tịnh Duyên	100	Đạo hữu Chi	10	Sư cô Phước Bình	20
Gđ. Chơn Huyền Chiếu, Ngô Mỹ Anh, Ngô Ánh Tuyết, Ngô Thanh		Đạo hữu Lành	20	Diệu Quả	100

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo báo Vu Lan số 52

- Nhà thuốc tây Mai
- Tiệm vàng Mỹ Tín
- Tran's Aquarium
- Tiệm vàng Hưng Thành
- All-Villa Print
- Nhà quần Vạn Thọ
- Từ Chay Zen Garden
- Huyện Motor Repair
- Nhà quần Trường An
- Gạo thơm Hoàng Gia
- Nha sĩ Phương Thảo
- Thực Phẩm Á Châu Tường Phát
- Fairfield Funerals of Distinction
- An Lạc Vegan
- KV. Pharmacy

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

HUYEN MOTOR REPAIR

PARRAMATTA ← → VILLAWOOD, HUME HWY
WOODVILLE RD.
FAIRFIELD ST. LIBSON ST. SEVILLE ST. MANDARIN ST. MALTA ST.
CROWN ST.

- * Sửa chữa tất cả các loại xe máy và điện
- * Elect Tune Up-Fuel Inject Cleaner
- * Wheel Alignment * Bơm ga máy lạnh xe
- * Cân bằng bánh xe. Thay vô ruột
- * Check xe đóng thuế lưu hành (Pink Slip)
- * Thay thẳng, Clutch, Auto, Manual Transmission
- * Có xe cho quý vị mượn tạm

HUYEN MOTOR REPAIRS
VAN HUYEN
(02) 9755 0761

OPEN 6 DAYS
Unit 2, 92 Seville Street
Fairfield East NSW 2165

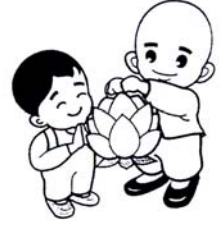
Mob: 0407 567 673

**LỊCH SINH HOẠT NGÀY THỨ BẢY & CHỦ NHẬT HÀNG TUẦN
TẠI TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ**

1. Khóa tu Bát Quan Trai

- Chủ Nhật

- 09:00 Thọ giới Bát Quan Trai
- 09:30 Tụng kinh Pháp Hoa, niệm Phật, cầu siêu, cúng Ngọ.
- 11:30 Thọ trai – Kinh hành, niệm Phật.
- 13:30 Niệm Phật
- 15:45 Giải lao
- 16.00 Mông Sơn Thí Thực hoặc Pháp thoại
- 17.00 Xả giới hoàn mãn.



2. Các lớp học

- Lớp Căn bản Photoshop học từ 10:00 – 12.00 vào ngày thứ Bảy
- Lớp Căn bản Internet và MS Office học từ 14.30 – 16:30 vào ngày thứ Bảy
- Lớp Việt ngữ học từ 9 giờ 30 – 11 giờ 30 sáng Chủ Nhật
- Lớp Anh Văn Căn Bản từ 9 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng Chủ Nhật

3. Lịch Sám Hối

- Hằng nửa tháng đều có Lễ Sám hối và Kiểm giới Bồ Tát Tại Gia vào tối 14, sáng rằm Bồ tát chúng xuất gia.
 - Tháng đủ Sám hối và Kiểm giới cho Phật tử tại gia vào ngày 29, sáng 30 Bồ tát chúng xuất gia.
 - Tháng thiếu Sám hối và Kiểm giới cho Phật tử tại gia vào ngày 28, sáng 29 Bồ Tát chúng xuất gia.
- Quý đồng hương, Phật tử được mời dùng cơm chay đạo vị với chùa vào lúc 12 giờ mỗi Chủ Nhật.



BAN HỘ NIỆM TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

THÔNG BÁO

Ban Hộ Niệm Tổ đình Phước Huệ được thành lập đã hơn 10 năm nhằm mục đích tương thân tương trợ giữa các Hội viên. Những sinh hoạt Ban Hộ Niệm gồm có:

- Thăm viếng và cầu an cho các Hội viên bệnh nặng.
- Tổ chức sinh nhật tập thể hàng tháng, cầu an cho các Hội viên có ngày sinh trong tháng đó và nhân dịp này, cầu siêu cho các Hội viên quá vãng.
- Phúng viếng và hộ niệm cho các Hội viên quá vãng.

Hội viên Ban Hộ Niệm còn được hưởng các quyền lợi:

- Được hướng dẫn niệm Phật, trợ niệm và hộ niệm cho chính mình và tha nhân.
- Dự sinh nhật tập thể miễn phí;
- Khi mãn phần, được phúng viếng một tràng hoa và được ký linh (gởi hình để thờ) miễn phí tại chùa Phước Huệ.
- Hội viên mãn phần khi đủ thâm niên 6 tháng, kể từ ngày gia nhập sẽ được hưởng quyền lợi tương trợ.

Muốn biết thêm chi tiết về điều kiện gia nhập Ban Hộ Niệm xin liên lạc văn phòng chùa Phước Huệ điện thoại số 02 9725 2324.

Nay kính thông báo
Ban Hộ Niệm Chùa Phước Huệ.